

HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - ẤN ĐỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
VIETNAM - INDIA FRIENDSHIP ASSOCIATION OF DA NANG CITY

Những đóa hoa mùa xuân

The spring flowers

Tập thơ song ngữ Việt - Anh
của các tác giả Đà Nẵng (Việt Nam) - Ấn Độ
A Collection of the Vietnamese - English bilingual poems
of the authors from the Danang City, Vietnam and India

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Lời nói đầu

Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ thành phố Đà Nẵng được thành lập ngày 02/10/2014, hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại nhân dân. Nhân kỷ niệm 10 năm Ngày thành lập Hội, đồng thời góp phần giao lưu trao đổi giữa Ấn Độ và Việt Nam về văn hóa thông qua ngôn ngữ của thơ ca, chúng tôi xuất bản tập thơ song ngữ Việt - Anh với nhan đề “Những đóa hoa mùa xuân”. “Những đóa hoa mùa xuân” lấy từ một câu thơ của đại thi hào Tagore do Bùi Xuân dịch.

Do khuôn khổ có hạn, chúng tôi chỉ có thể chọn 5 nhà thơ trong Ban Chấp hành Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ thành phố Đà Nẵng; về thơ các nhà thơ Ấn Độ chúng tôi mời 2 nhà thơ, dịch giả Bùi Xuân và Kiều Bích Hậu giúp tuyển chọn một số nhà thơ Ấn Độ quen biết với bạn đọc Việt Nam.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Đại Sứ quán Ấn Độ, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị TP Đà Nẵng; Cảm ơn anh Hà Minh Huệ, Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ, TS Huỳnh Văn Hoa đã viết lời giới thiệu và lời bạt cho tập thơ; Cảm ơn các dịch giả Bùi Xuân, Thiếu Khanh, Kiều Bích Hậu, Lệ Hằng, Phương Anh, Võ Thị Như Mai, Trần Minh Hiền, Ngô Gia Thiên An, Khánh Phương, Phạm Văn Anh đã giúp chúng tôi tuyển chọn chuyển ngữ các bài thơ.

Tập thơ “Những đóa hoa mùa xuân” như một chiếc cầu nối văn hóa, thơ ca giữa Ấn Độ và Việt Nam. Mong tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ấn Độ mãi tươi đẹp như những đóa hoa mùa xuân.

NGUYỄN NHÒ KHIÊM

Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ
thành phố Đà Nẵng

Preface

The Vietnam - India Friendship Association of Da Nang City was established on October 2, 2014. It operates in the field of people-to-people diplomacy. On the occasion of the 10th anniversary of the establishment of the Association, and at the same time for contributing to the cultural exchange between Viet Nam and India through the language of poetry, we have published a bilingual Vietnamese - English poetry collection with the title of "The Spring Flowers". "The Spring flowers" was taken from a sentence in a poem by the great Indian poet Tagore, translated by Mr. Bui Xuan.

Due to the limited space of the collection, we can only choose 5 poets from the Executive Committee of the Vietnam - India Friendship Association of Da Nang City. Regarding Indian poets, we have invited two Indian poets, and the two translators, Mr. Bui Xuan and Ms Kieu Bich Hau, have helped to select some Indian poets familiar to Vietnamese readers.

We would like to convey our respectful thanks to the Embassy of India and the Da Nang Union of Friendship Organizations. Our sincere thanks are also extended to Mr. Ha Minh Hue, Vice President of the Vietnam - India Friendship Association, and Dr. Huynh Van Hoa for writing the introduction and afterword of this poetry collection. Many thanks to the translators: Bui Xuan, Thieu Khanh, Kieu Bich Hau, Le Hang, Phuong Anh, Vo Thi Nhu Mai, Tran Minh Hien, Ngo Gia Thien An, Khanh Phuong, and Pham Van Anh for helping us to select and translate the poems into English.

The poetry collection "The Spring Flowers" is considered a cultural and poetry bridge between India and Viet Nam. I hope the friendship between the people of Viet Nam and those of India will be beautiful forever like spring flowers.

NGUYEN NHO KHIEM

Chairman of Vietnam - India Friendship
Association of Da Nang City

■ **HÀ MINH HUỆ**

*Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký
Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ*

Những đóa hoa mùa xuân của Tình Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ



Nhân Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ thành phố Đà Nẵng (VIFAD) ấn hành tập thơ song ngữ Việt - Anh “Những đóa hoa mùa xuân” của các tác giả Đà Nẵng và Ấn Độ, tôi xin chia sẻ đôi lời về “Những đóa hoa mùa xuân” của mối quan hệ hữu nghị truyền thống “trong sáng như bầu trời không một gợn mây” giữa Việt Nam và Ấn Độ như lời nhận xét rất hình tượng của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Trước hết, với tư cách là Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ, tôi chúc mừng VIFAD có sáng kiến in tập thơ song ngữ giữa lúc quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Ấn Độ được thời gian thử

thách đang đơm hoa kết trái, và hai nước đang hợp tác hiệu quả trên tinh thần đối tác chiến lược toàn diện.

Kể từ ngày thành lập năm 2014, VIFAD đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước. Việc xuất bản tập thơ song ngữ “Những đóa hoa mùa xuân” là một đóng góp nữa vào việc vun đắp “vườn hoa hữu nghị” Việt Nam - Ấn Độ vì hạnh phúc của nhân dân hai nước, vì hòa bình, đoàn kết giữa các dân tộc.

* * *

1- Con người ta yêu nhau, tìm đến với nhau khi hai trái tim cùng chung nhịp đập, có sự đồng điệu về tình cảm. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ là trường hợp như thế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người bắc chiếc cầu hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ thời hiện đại, sinh thời đã nói: “Nhân dân hai nước chúng ta có những quan hệ anh em từ lâu đời. Nền văn hóa và đạo Phật của Ấn Độ đã truyền sang Việt Nam từ thời cổ”. Và khi Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi thăm Việt Nam tháng 9/2016, phát biểu tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, nhấn mạnh “Những kẻ mang chiến tranh xâm lược đến Việt Nam đều bị thất bại thảm hại, còn những người, tôn giáo mang hòa bình đến với Việt Nam thì được vẻ vang”. Ấn Độ là một nước như thế!

Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ có lịch sử hơn 2000 năm, khởi đầu từ khi các thương nhân cùng các giáo sĩ Phật giáo Ấn Độ đầu tiên đặt chân đến Việt Nam thực hiện các sứ mệnh hòa bình. Theo ghi chép còn truyền lại, Trung tâm Phật giáo cổ Luy Lâu ở Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay là nơi đầu tiên Phật giáo từ Ấn Độ truyền bá sang nước ta vào thế kỷ thứ 2 sau công nguyên. Đi trên những đoàn thuyền buôn của thương nhân Ấn Độ theo đường biển đến buôn bán tại thành cổ Luy Lâu còn có những giáo sĩ Phật giáo. Còn ở miền Trung, miền Nam, những ngôi chùa tháp Ấn Độ giáo (Hindu giáo) xây dựng từ thế kỷ thứ 4 là minh chứng mạnh mẽ cho sự tiếp biến và giao lưu văn hóa giữa hai nước. Thánh địa Mỹ Sơn tại Quảng Nam được coi là một trong những trung tâm đền đài Hindu chính ở Đông Nam Á và là di sản duy nhất loại này ở Việt Nam. Khu di tích Mỹ Sơn đã được Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận. Những minh chứng khác được trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm

Đà Nẵng, nơi cất giữ và trưng bày những di vật nghệ thuật điêu khắc của vương quốc Chăm. Trong khi đó, về văn học, dấu ấn của sử thi Mahabharata và Ramayana được tìm thấy trong một số tác phẩm văn học Việt Nam. Theo hướng đó, nhà nghiên cứu Phật giáo Lê Mạnh Thát cho rằng truyền thuyết An Dương Vương đánh bại Vua Hùng thứ 18 và lập nên nhà nước Âu Lạc là một phiên bản của chuyện Mahabharata (?!).

Tư liệu lịch sử cho biết năm 1927, hai nhà hoạt động quốc tế nổi tiếng của Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc và Motilal Nehru của Ấn Độ đã gặp nhau và trao đổi cởi mở trong thời gian tham dự Hội nghị quốc tế chống đế quốc ở thủ đô Brussels, Bỉ. Từ trước đó, Nguyễn Ái Quốc đã theo dõi sát sao và viết nhiều bài báo về phong trào cách mạng ở Ấn Độ. Cuốn sách đồ sộ "Hồ Chí Minh với Ấn Độ" dày hơn 1000 trang do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ của Việt Nam biên soạn, ấn hành năm 2019, cho thấy từ những năm 20 của thế kỷ trước Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đăng trên các ấn phẩm quốc tế những bài viết thể hiện sự hiểu biết và tình cảm sâu sắc của mình với đất nước và nhân dân Ấn Độ. Đó là bài "Phong trào cách mạng ở Ấn Độ", đăng trên tạp chí tiếng Pháp *Le Revue Communiste*, năm 1921, các bài "Thư từ Ấn Độ", "Phong trào công nhân Ấn Độ", "Nông dân Ấn Độ", "Phong trào công nhân và nông dân mới đây tại Ấn Độ" đăng liên tiếp trên tạp san *Inprekorr*, tiếng Pháp, trong năm 1928. Thật thú vị và ngỡ ngàng, trong những ngày tháng bị giam cầm trong nhà tù Tương Giới Thạch ở Trung Quốc những năm 1942 - 1943, Người đã viết bài thơ "Gửi Nehru" đầy cảm xúc: "Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt, không lời mà vẫn cảm thông nhau", "Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác" - bị tù đầy vì hoạt động cách mạng.

Sau khi hai nước giành được độc lập (năm 1945 và 1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Jawarharlal Nerhu, con trai cụ Motilal Nehru đã trở thành những người bạn thân thiết và đặt nền móng cho mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai nước. Thủ tướng Jawarharlal Nehru trở thành chính khách nước ngoài đầu tiên đến thăm Việt Nam tháng 10 năm 1954, đúng 5 tháng sau chiến thắng Điện Biên Phủ "lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", chấm dứt sự cai trị của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện chuyến thăm lịch sử cấp nhà nước tại Ấn Độ tháng 2 năm 1958, được các nhà lãnh đạo và nhân dân Ấn Độ đón tiếp nồng nhiệt. Đó là những bước đi hướng tới việc thiết lập quan hệ ngoại

giao đầy đủ giữa hai nước vào ngày 7 năm 1/1972, thời điểm đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Quan hệ giữa hai nước ghi đậm dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Jawarharlal Nehru, nhưng quan hệ mang tính nền tảng giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mahatma Gandhi mới thật đặc biệt, bởi hai người đã vạch ra và lãnh đạo thành công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Bằng lý luận và thực tiễn của mình, họ đã dẫn dắt cuộc đấu tranh không khoan nhượng mang lại độc lập, tự do cho hai dân tộc. Hồ Chí Minh và Mahatma Gandhi dù không gặp nhau, nhưng trong tâm khảm tôn trọng nhau và cảm phục lẫn nhau. Tháng 4 năm 1947, Mahatma Gandhi khi tiếp đoàn đại biểu Việt Nam dự Hội nghị liên Á tại Ấn Độ đã chuyển một bức thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó bày tỏ sự ủng hộ với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu chống thực dân Pháp. Về phần mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi được hỏi về Mahatma Gandhi, Người đã khiêm tốn trả lời: Ông ta là "Người thầy của tôi".

Mahatma Gandhi (1869 - 1948), vị lãnh tụ tinh thần, không giữ chức vụ nhà nước nào, được cả nước Ấn Độ sùng kính. Ông được kính trọng bởi lòng yêu nước nồng nàn, theo đuổi chủ nghĩa thế tục, và bằng thuyết bất bạo động bất hủ của mình đã lôi cuốn, dẫn dắt người dân vào cuộc đấu tranh chống thực dân Anh giành độc lập cho đất nước năm 1947.

2- Tập thơ song ngữ "Những đóa hoa mùa xuân" tuy chưa có thể coi là tập hợp những bài thơ tiêu biểu cho văn thơ của hai nước yêu thơ ca, nhưng những tác phẩm của các tác giả Đà Nẵng và Ấn Độ được chọn đã phần nào khắc họa được sự đồng điệu về tình cảm, tình yêu thiên nhiên, tình yêu hòa bình, lòng nhân hậu của các tác giả hai nước. Nhà thơ Thái Huyền (Hòa thượng Thích Huệ Vinh) mang hồn thơ của người thoát tục, dẫn dắt người đọc vào cõi Phật từ bi. Thơ của nhà thơ Nguyễn Nho Khiêm ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Việt Nam cũng như Đà Nẵng nơi anh sống. Anh còn sáng tác nhiều bài thơ thể hiện tình yêu chân thành với đất nước Ấn Độ anh em. Nhà thơ Trần Phương Kỳ - nhà lịch sử Nghệ thuật Chăm và nghệ thuật Phật giáo Đông Nam Á đã sáng tác những vần thơ đẹp về những tượng đài, những biểu tượng tình yêu của văn hóa Ấn Độ. Các nhà thơ Mai Hữu Phước, Bùi Xuân xuất hiện với những bài thơ, đoạn văn ngắn vừa chân thực vừa lãng mạn về cuộc sống, về mùa xuân đậm triết lý nhân hậu về con người, về miền sông nước miền Trung với bóng tre, bóng nắng gợi cảm, gợi tình.

Những bài thơ đậm nét văn hóa Ấn Độ của các đại thi hào Ấn Độ Kabir (thế kỷ XV) và Rabindranath Tagore (1861 - 1941), Giải Nobel văn học năm 1913, mang ý nghĩa triết lý rất sâu sắc về thế giới, về con người, buộc chúng ta phải vừa đọc vừa suy ngẫm. Phần thơ song ngữ của 7 nhà thơ Ấn Độ còn bao gồm tác phẩm của các nhà thơ “trẻ”, viết về cuộc sống, về cái chết, về sự cô đơn, những thành tố rất tự nhiên của cuộc sống hôm nay. Họ lý giải cuộc sống theo cách rất Ấn Độ.

Trong tập thơ tôi tìm thấy một người quen, một tác giả nữ tên Pravamayee Samataray - nhà giáo dục, nhà thơ, họa sĩ, đồng thời là Thư ký của Ủy ban đoàn kết Ấn Độ Việt - Nam, người đã sang Việt Nam nhiều lần. Gặp chị ai cũng nhận thấy tình yêu sâu đậm của chị dành cho đất nước, con người Việt Nam, đặc biệt với Chủ tịch Hồ Chí Minh, người mà chị vô cùng ngưỡng mộ. Tôi rất ấn tượng với bài thơ ngắn của chị mang tên Hope - Hy vọng, trong đó chị dùng hình ảnh ngọn đèn để thể hiện niềm tin của chị vào tương lai trước cuộc đời đầy giông tố: “Hy vọng tựa ngọn đèn/ Hàng ngày đương đầu với bão giông/ Dù nguy cơ tắt lịm tới gần/ Vẫn tỏa sáng lung linh/ Bởi ngay trước khi tàn lụi/ Vẫn lóe lên sáng bùng/ Đó chính là sức mạnh/ Cho khởi đầu mới quang vinh”.

Cám ơn những người tuyển chọn, những người chuyển ngữ những vần thơ của những nhà thơ tài năng, những người dùng ngòi bút vẽ lên bức tranh sống động, đa sắc màu về tình yêu, tình người, về tình hữu nghị giữa các dân tộc, đẹp như những đóa hoa mùa xuân.

HMH

■ **HA MINH HUE**

*Vice President, General Secretary
Of Vietnam - India Friendship Association*

Spring flowers of the Vietnam - India Friendship

The Vietnam - India Friendship Association of Da Nang (VIFAD) is publishing a bilingual collection of poems by authors from Da Nang and India named "The Spring Flowers". On this occasion, I would like to share my thoughts on "The Spring Flowers" of the traditional relations of friendship between Vietnam and India, which are described "as pure as a cloudless sky" by late Prime Minister Pham Van Dong.

First of all, in the capacity of Vice President - General Secretary of the Vietnam - India Friendship Association (VIFA), I would like to congratulate VIFAD on taking the initiative to publish this bilingual collection of poems, especially at a time when the friendship and cooperation between Vietnam and India are flourishing, having reached highest level of comprehensive strategic partnership.

Since its establishment in 2014, VIFAD has been conducting numerous meaningful activities, contributing to the mutual understanding between peoples of two countries. The publication of the bilingual collection of poems "The Spring Flowers" is yet another contribution to cultivation of the garden of friendship of the two peoples, for peace and solidarity between the two nations.

* * *

1- People fall in love and come together when they find their hearts beating in the same rhythm and having the concurrence of feelings. The Vietnam - India relationship is one such case.

President Ho Chi Minh, who set the foundation of the contemporary Vietnam - India friendship once said: "Peoples of our two countries have had brotherly relations for a long time. Indian culture and Buddhism were preached to Vietnam since ancient times. And Indian Prime Minister Narendra Modi on his visit to Vietnam in September 2016 emphasized in his speech in Hanoi - based Quan Su Pagoda: "Whoever brought wars and invasions to Vietnam were totally defeated but people and religions that bring peace to Vietnam were glorious". India is such a country.

Vietnam - India relations have a history of over 2000 years, beginning with the first Indian traders and Buddhist monks who came to Vietnam on their peaceful missions. According to records, the ancient Luy Lau Buddhist Center in the northern province of Bac Ninh was the first place where Buddhism from India was preached to Vietnam in the second century BC. Indian trading ships also carried Indian monks to Luy Lau citadel. In Vietnam's Central and Southern provinces, the impressive Hindu tower-temples built in the 4th century are strong testimony to the long-standing cultural exchanges between two countries. The UNESCO World Heritage site of My Son in Quang Nam province is one of the major Hindu temples centre in the Southeast Asia region and the only heritage site of this kind in Vietnam. Other evidences could be found in the Da Nang Museum of Champa sculptures where the Champa kingdom's artifacts are displayed. On the literature aspect, there are instances that the Mahabharata and Ramayana are reflected in some Vietnamese literature works. In that direction, the Buddhist researcher Le Manh That had put forth a theory that the legend of An Duong Vuong King defeating the 18th Hung King and founding Au Lac dynasty was a version of the Mahabharata (!?)

Historic records showed in 1927, two famous international activists, Nguyen Ai Quoc from Vietnam and Motilal Nehru from India, had met in Brussels during The International Conference against imperialism. They shared their views on the national liberation movement in the region. Before that Nguyen Ai Quoc - the Patriot Nguyen - had closely followed developments in India. The 1000 - paged bilingual Vietnamese - English

language book entitled “Ho Chi Minh with India”, published in 2019 by Ho Chi Minh National Academy of Politics and Center for Indian Studies showed that from in the 1920s, Nguyen Ai Quoc - Ho Chi Minh had been writing on India and its people with deep knowledge. His article “Revolutionary Movement in India” was published in the French language journal *Le Revue Communiste* in 1921, some of his other pieces of writings such as “Letter from India”, “The worker’s movement in India”, “Indian peasants”, “The recent workers and peasants’ movement in India” were published in *Inprekorr* journal in French, in 1928. Interestingly, during his detention in the Kuomintang jail in 1942 - 1943, Ho Chi Minh wrote an emotinal poem “To Nehru”: I am struggling, you are active/You are in jail, I am in prison/Ten thousand miles apart, we have not met/ We communicate without words/ Shared ideas link you and me...”.

After Vietnam and India gained their independence in 1945 and 1947, Indian Prime Minister Jawarharlal Nehru, who happened to be the son of Motilal Nehru, and President Ho Chi Minh became friends and laid the foundation for the friendship relation between Vietnam and India. Prime Minister Jawarharlal Nehru became the first foreign statesman to visit Vietnam in October 1954, only 5 months after Vietnam won its historic, “shaking - the world” victory over the Dien Bien Phu battle to end French colonialist domination in the entire Indochina. President Ho Chi Minh paid a historic state visit to India in February 1958, was warmly welcomed by Indian leaders and people. Those events were important steps leading to the establishment of full diplomatic relation between Vietnam and India in January 7, 1972, when our resistance struggle against American imperialism was at its peak.

Vetnam - India relations have deep imprints of President Ho Chi Minh and Prime Minister J. Nehru, but even more special was that between Ho Chi Minh and Mahatma Gandhi, two Fathers of the Nation. They were prominent patriots - revolutionaries, who charted path and led their peoples in the struggle for their countries’s independence. They guided people by their ideologies and practices to carry out the unflagging fights against foreign occupiers for freedom and independence. Ho Chi Minh and Mahatma Gandhi hadn’t met, but they were in each other’s hearts and minds with deep mutual respect and admiration. In April 1947, when receiving the

Vietnamese delegation to Pan - Asia Conference in India, Mahatma Gandhi handed a letter to President Ho Chi Minh to express his empathy to the Vietnamese people under French rule. On Ho Chi Minh's part, when asked about Mahatma Gandhi, Ho Chi Minh humbly replied: He is my Guru.

Mahatma Gandhi (1869- 1948) was a spiritual leader without holding any position in the government or state, most respected by all walks of life, not only in India, but in the world. He was a great patriot, believing in secularism. He convinced people by his Satyagraha, Ahimsa to participate in the struggle against British rule by peaceful means and successfully gained independence in August 1947.

2- The Bilingual collection of poems "The Spring Flowers" may not be considered a collection of typical poems representing two countries's poetry, but those included by Da Nang and Indian authors somehow portrayed the concurrence of feelings and the love for nature, peace and kindness of the authors. Poet Thai Huyen - the most venerable Thich Hue Vinh - is a poet monk guiding readers into the world of merciful Buddhism. Poet Nguyen Nho Khiem is an enthusiastic lover of nature and the beauty of his hometown of Da Nang and Vietnam. He shows his feelings of love toward India which shares many similarities with his country. Poet Tran Phuong Ky, an art historian with interest in Champa art and Buddhist art of Southeast Asia, wrote beautiful verses on Champa's sculptures, icons of love in Indian culture. Poets Mai Huu Phuoc and Bui Xuan presented realist and romantic poems and short stories full of humanistic philosophy about people, about their Central region's landscape with their beloved rivers and bamboo shadows under sunshine.

The verses deeply imbued with Indian culture by great poets Kabir (15th century) and Rabindranath Tagore (1861- 1941), Nobel Prize in Literature 1913, explained the world in their philosophy and enticed readers to think thoroughly to understand. The realistic and romantic poems by 7 Indian poets included works of the "young" ones, reflecting their views on life, on death and loneliness- the natural elements of today's life. They explained all these concepts and feelings in a very special, Indian way.

In this collection I "met" a familiar face, the female author Pravamayee Samataray - an educator, poet, painter, the Secretary of the Indo - Vietnam

Solidarity Committee, who has travelled to Vietnam many times. Meeting her, everyone could feel her sincere love toward Vietnam, especially toward President Ho Chi Minh whom she admires. I was very impressed with her short poem called Hope, where she uses the image of a lamp to express her belief in the future, even while facing a life storm. She wrote: Hope is a lamp/ That struggles/ With the storm everyday/ And keeps blinking/ Even at the verge of being extinguished/ Because even before extinction/ A drop or two remain/ That form the strength of/ A fresh beginning.

Thanks to the collectors, the translators of the poems, and the talented authors, who have drawn vivid, colourful paintings of love, humanity and friendship between the Indian and Vietnamese peoples, as beautiful as the Spring flowers.

HMH

Bài thơ “Ký Nê Lỗ” (Gửi Nehru) trong tập “Nhật ký trong tù” của HỒ Chí Minh



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru, hai nhà lãnh đạo đặt nền móng cho quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Ảnh: TTXVN

寄尼魯

其一

我奮鬥時君活動
君入獄時我住籠
萬里遙遙未見面
神交自在不言中

其二

我們遭逢本是同
不同的是所遭逢
我居友者圈囹裡
君在仇人桎梏中

Ký Nê Lỗ*

Ngã phẩn đấu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lung;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.

Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cư hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừ nhân cốt trất trung.

* Hồ Chí Minh, Nhật ký trong tù, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

Nê Lỗ tức Jawaharlal Nehru (1889 -1964), một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ và là Thủ tướng Ấn Độ từ năm 1947 đến 1964. Bác Hồ đã từng gặp cụ Motilal Nehru, thân sinh của Thủ tướng Jawaharlal Nehru, cũng là một chiến sĩ lão thành, ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh đế quốc tại Bruxelles (Bi) năm 1927.

Bản dịch của Hoàng Trung Thông:

Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa với chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.

Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.

Bản tiếng Anh:**

To Nehru
I am struggling, you are active
You are in Jail, I am in prison
Ten thousand miles apart, we have not met
We communicate without words

Shared ideas link you and me
What we lack is personal encounter
I am jailed by a neighbouring friend
You are chained and fettered by the enemy.

** Nguồn bản tiếng Anh: Ho Chi Minh: Vietnamese Hero of National Liberation and Great Man of Culture, Publish by the Embassy of Socialist Republic of Vietnam in India, 1989, p.69

TÁC GIẢ ĐÀ NẴNG

DA NANG AUTHORS

THÁI HUYỀN



Tiểu sử

Thái Huyền là bút danh của Hòa thượng Thích Huệ Vinh, hiện là Trụ trì chùa Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng. Tác giả đã xuất bản tập thơ “Cỡi sóng phiêu bồng” năm 2019.

Biography

Thái Huyền appears to be a pseudonym for this edition by a Buddhist poet Thích Huệ Vinh, who is currently the Abbot of the Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn Buddhist temple, in Đà Nẵng City. His pseudonym also used for a collected album of poetry entitled “Riding audaciously on the waves”, published by The Danang Publishers in 2021.

VỀ XỨ SANKASYA

Bao lũ khách tìm về nơi xa xăm!
Một chiều thu Ấn Độ
Miền quê nghèo
Trên cánh đồng bát ngát
Nghe tiếng kinh cầu
Người về trong tâm thức! Cúi đầu đánh lễ!
Chim quạ chiều tìm chút thức ăn thừa sót lại trước hoàng hôn!
Ngọn nén ánh mờ chập chùng khói hương lời kinh vọng
tiếng khánh trời!

Bao nghìn năm trước bỗng hiện về:
Những cây cầu
Ngân châu vàng ngọc
Rực sáng nâng gót Người về từ Đao-lợi
Thiên cung bảo điện huy hoàng!
Ngàn sau trước cũng là trong tâm tưởng!
Con quỳ lạy cảm thương!
Người thương cảm trần gian cây cỏ những tàn xiêu u uẩn.
Trôi trong dòng vô tận diệt sinh.

Pilgrimage to Sankasya

Pilgrims return to this far-flung place!

On the autumn afternoon

The meager farmland

On immense fields

The sounds of chanting and praying filled the air

The Enlightened One appears in the beings' minds! Bowing in respect!

Ravens looking for leftover food in the twilight

Chanting resounds to the sacred bell's rhythm,

mixed with candlelight blurred by incense smoke!

Evoking images of the centuries passed:

The bridges

The jewelry and the precious things

All that glow lifts the Enlightened One's heels as they descend from

Trayastrimsa Heaven!

The heavenly palace is glorious!

The old images from the conscious imaginations even after centuries!

Compassion cushions my knees!

The One sympathizes with all living things and their desolate sorrows.

Drifting in the endless stream of *samsara*.

(Translated into English by Phương Anh)

Khổ hạnh lâm

Hôm nay con về
Núi Khổ hạnh lâm
Lòng ngậm ngùi!
Hạnh lâm từ bao ngàn năm trước!
Dãy núi “Vulture Peak” um tùm cây cối rừng già thú dữ
hoang vắng người!

Trời lạnh giá rét căm
đáng ai ngồi tiểu tụy da bọc xương!

Con rơi lệ! thán phục!
Trước dũng khí sự cao cả của Ngài!
Đức Bốn sư của con!
Đã xa rời cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con xinh!
Chỉ vì thương người dân Ấn Độ.
Thương chúng sanh mãi quẩn quanh trong luân hồi đau khổ!
Cảnh sanh già bệnh chết mãi diệt sanh, trần ai khổ lụy!
Ngài tìm đạo vào rừng sâu
Nhập định!
Khổ hạnh lâm! Chắc rừng xưa cũng khóc!
Người khổ hạnh tiểu tụy bởi vì đâu?
Tìm chân lý tìm con đường giải thoát tử sinh.
Rặng Hy-ma tuyết sơn lạnh giá!
Hành giả gãy gò, thi gan cùng đất trời khắc nghiệt!

Sông Ny-liên! Cội bồ-đề già cùng ánh trăng mờ tỏa!
Ánh sao mai ngày ấy!
Ngài đã thấu triệt lẽ huyền vi
Bậc Giác ngộ đã hiện hữu nơi này!

Bốn sự thật để nền trong ba cõi!
Tám con đường Chánh đạo đến an vui!
Chân hạnh phúc cõi niết-bàn vi diệu
Khỏi trầm luân sinh tử
Nổi trầm thống khổ đau.
Bao triết thuyết
Khai ngộ
Rọi soi thiện tri thức!
Đến hôm nay vẫn
Vang dội tinh cầu
Con cúi lạy
Tri ân người mãi mãi
Đấng Cha lành cho vạn loại sinh linh!

Giờ đây nhìn bao thực trạng.
Khổ hạnh lâm, thiền viện sông hồ,
Núi cao vươn lên giữa trời xanh có biết
Người vẫn thương những nỗi khổ kiếp cơ hàn!

Xin cùng về khổ tu lòng trầm tịnh
Nghe chân thành điều nhân ái sẻ chia!
Yêu muôn loài sống chung
tình vạn hữu.
Từng bước đi trên con đường chánh đạo
Minh và Người cội phúc sẽ hòa chan.

Khổ hạnh lâm xin nguyện cầu thế giới
Hòa bình cho khắp cả tinh cầu
Đem lợi lạc cho muôn nơi muôn thuở
Cho muôn người và vạn loại sinh linh.

Dungeshwari Hills

I once visited home
Dungeshwari Cave Temples
reminiscing about the glorious Dungeshwari Hills of the old days!
Trees cover the Vulture Peak range
Wild animals are now dominating the living beings
The cold space is numbing
Here is the One meditating with an emaciated face and skinny body!

Tears filled my eyes with admiration!
How courageous and tolerant!
Oh! My Great Teacher!
Having left luxurious life and royal family behind!

Compassion for Indian people suffering in endless *samsara*!
Compassion for all beings within living, aging, illness, death,
and rebirth—without beginning or end—torments human
beings forever!

Deep in the forest, where the true path is enlightened
Reaching *samadhi*!
Dungeshwari Hills! Certainly, the old forest once shed tears!
The Enlightened One endures asceticism for whom?
Find the way to release beings from *samsara*
Himalayan white is cold to the core! The skinny practitioner
challenges the harsh cold!
The Niranjana River here! The Mahabodhi Tree in dim moonlight!
The morning star from very old days!
The Enlightened One thoroughly grasped the wisdom of compassion
Once He was to be here.

All three realms have The Fourth Noble Truth as their basis.
The Eightfold Path leads to true happiness!
The marvelous nirvana is true happiness
Liberating from *samsara*

(Translated into English by Phương Anh)

Tịnh xá Kỳ Hoàn

Tịnh xá Kỳ Hoàn
Vàng trên thửa đất
Thành rêu cổ độ
Rừng cây xanh lá
Người về nam-mô!
Hình như phảng phất
Tiếng kinh rền vang
Ai đang tụng niệm
Giữa trưa nắng vàng
Nghìn xưa hương bổi
Trang kinh đá nằm
Cội cây cỏ lá
Mỏi mòn bao năm?!

Jetavana vihara

Jetavana grove
Gold on *vihara*
Mossy old citadel
Deep green of the woods

"*Om Namo...*" singing from pilgrims!
An echo somewhere
chanting sound
under the golden midday sunlight

Fragrance, thousands of years later
stone slab engraved with sutras
original seeds of plants
have faded away since which time?!

(Translated into English by Phương Anh)

Phật trên hồ Pushkar

Phật như núi! Rêu phong ngày tháng
Hồ mênh mang tịnh soi dáng núi
Triều sóng lòng xa đã lặng rồi!
Chim trời tự tại tung cánh trái
Đến tận trời không xanh áng mây!
Nhấp nhô trần thế mờ nhân ảnh
Cảm thương đời!
Bụt cũng hóa rêu phong!

Buddha emerged on the Pushkar Lake

Buddha is like a mountain, covered in moss over time
The vast lake peacefully reflects the mountain's shadow
Waves from the heart that has been silent since the old days!
Birds of the sky freely spread their wings
high up in the blue sky with clouds!
Undulating earthly blurry beings
Compassion for life
Moss-covered Buddha!

(Translated into English by Phương Anh)

Chú tiểu Ấn

Bé thơ tĩnh tọa đồi cao
Cờ thiêng ngũ sắc tỏa vào tịch nhiên
Nhập vào pháp giới bình yên

Quê hương Phụ Mẫu thâm tình
Xa xôi ngàn dặm một mình tịch nhiên
Bé thơ tĩnh tọa hồn nhiên
Cờ thiêng ngũ sắc cõi thiền bao la

An Indian Buddhist novice

A Buddhist novice child in meditation up on the high hill
Sacred flags spread quietly in nature.
Enter the peaceful dharma world

Homeland of parents and relatives
thousands of miles away, alone in peace
The little child meditates innocently
sacred flags with immense meditation realms!

(Translated into English by Phương Anh)

TH

NGUYỄN NHỎ KHIÊM



Tiểu sử

Nhà thơ Nguyễn Nho Khiêm quê quán phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Thạc sĩ Ngôn ngữ học. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Các tập thơ đã xuất bản:

- *Khói tỏa về trời*, NXB Đà Nẵng, 1994;
- *Bên ngoài cánh đồng*, NXB Đà Nẵng, 2003;
- *Nắng trên đồi*, NXB Đà Nẵng, 2011;
- *Bên cửa sổ*, NXB Hội Nhà văn, 2021;
- *Biển thề*, NXB Hội Nhà văn 2021;
- *Tiếng chim xanh biếc*, NXB Hội Nhà văn 2023.

Biography

Nguyễn Nho Khiêm is a poet who came from the hometown of Vĩnh Điện, Điện Bàn, Quảng Nam Province. He obtained a master degree (MA) in linguistics then became a member of the Vietnamese writer Association.

His poetic works:

- 1994: *Smoke radiates to the sky*, Da Nang Publisher
- 2003: *In the fields*, Da Nang Publisher
- 2011: *Sunshine on the hills*, Da Nang Publisher
- 2021: *By the window*, Writers' association publishing house
- 2021: *Variations*, Writers' association publishing house
- 2023: *Blue song of birds*, Writers' association publishing house

Ghi chép ở Kolkata

1. TRÀNG HOA

Máy bay hạ cánh xuống Kolkata trời chưa rạng
Chúng tôi loay hoay tìm đường
Chợt thấy ngài Geetesh - Chủ tịch Ủy ban đoàn kết
Chờ đón chúng tôi với những tràng hoa sứ trắng
Ngài ôm chặt tôi, thật ấm
Ngài đeo vào cổ tôi tràng hoa, thật thơm.

Hôm nay ngài Geetesh đã đi xa
Tràng hoa trong tôi thơm mãi.

2. HỒ CHÍ MINH

Đến Kolkata
Người bạn Ấn cùng tôi đi dạo trên đường Hồ Chí Minh
Bạn nói về khát vọng giải phóng con người
Khát vọng tự do, no ấm.

Bạn dẫn tôi vào công viên
Trước bức tượng Hồ Chí Minh
Bạn dâng một vòng hoa thơm
- Xin cảm ơn Người!

3. TƯỢNG ĐỒNG TAGORE

Đến Kolkata gặp đại thi hào Tagore
Trong bức tượng đồng cúi đầu nhìn xuống
Câu thơ bên thân phận người lao khổ
Như cây hoa trên mặt đất đơm hoa.

9.11.2023

Recorded in Kolkata

1. THE GARLAND

The plane landed in Kolkata before dawn
We had difficulty finding our way out of the airport
Suddenly I saw Mr. Geetesh - Chairman of the India - Vietnam
Solidarity Committee
who was waiting for us with white frangipani garland
He hugged me tightly, so warmly
He put a garland of flowers around my neck, it smelled so good.

Mr. Geetesh died a long time ago
But his flowers in me still smell fragrant forever

2. HỒ CHÍ MINH

In Kolkata
My Indian friend and I walked on Ho Chi Minh Street
He talked about the desire to liberate people
Desire for freedom and prosperity.

He took me to the park
In front of the Ho Chi Minh monument
He offered a wreath of fragrant flowers
- Thank you Sir!

3. TAGORE BRONZE STATUE

I went to Kolkata and met the great poet Tagore
His bronze statue bowed its head and looked down
His poem is about the fate of hard workers
Like flowers blooming on the ground.

(Translated into English by Bùi Xuân)

Đà Nẵng mưa

Em về Đà Nẵng là mưa
Ướt hoang nổi nhớ anh vừa hong khô.
Trùng khơi biển gió sóng xô
Phù hoa âm vọng hư vô tìm về.

Đỉnh trời khát gọi cơn mê
Mắt môi nồng cháy mơ quê quán nhà
Nhớ mùa Bách hợp là hoa
Câu thơ tương hợp mấy xa cho vừa?

Em về Đà Nẵng là mưa
Tháng Tư ướt lạnh lời chưa nói lời
Mùa qua ngày rụng tháng rơi
Gieo hương đồng rộng nảy chồi yêu thương.

Nhìn ra mộng mị con đường
Phù vân mấy lớp tơ vương rối lòng
Rằng em, tươi nhánh môi cong
Nụ cười dịu mát vui trong những ngày.

It rains in Danang

Whenever you are in Danang, it rains!
Soaking the longing that have just dried
In the sea it's windy and the waves tumbling
Echo of vanity, the emptiness it seeks to return

The sky is passionate to call the dream
Your catching eyes and lips longing for hometown
Remember the fleur-de-lis season blooming
How far could my verses be compatible

Whenever you are in Danang, it rains
It's cold in April, words are not yet connected
Season passing and so as dates and months
Sowing fragrance on vast field wating to sprout

I look out only to see the dreamy road
Layers of drifting clouds tangle my soul
And you, fresh and beautiful with curved lips
Soothing smiles with joy stay on these days

(Translated into English by Võ Thị Như Mai)

Cầu Vĩnh Điện

Sông chảy qua cầu có giữ lại bóng tôi
chiếc bóng gầy gầy yêu em không dám ngỏ
mùa xuân ngắm chân trời chiều rắng đỏ
ba mươi năm Vĩnh Điện cháy lạng thắm.

Ơi chiếc cầu tuổi thơ lạng cam
tôi ngu ngốc tin điều không có thực
đóa hoa thơm trên cao chớp mắt
tôi tìm em dài rộng giấc chiêm bao.

Ba mươi năm thân xác hư hao
trái tim vẫn mỗi ngày dâng hoa trái
trái tim vẫn mỗi ngày khao khát
cho nỗi buồn bốc cháy câu thơ.

Bước qua cầu bàn chân ngu ngơ
mường tượng mùa xuân trước cổng trường áo trắng
sông chảy xiết bóng tôi ở lại
và chờ ai vô vọng phía chân cầu.

The Vĩnh Điện bridge

Does the river flowing under the bridge keep my reflection?
A thin shadow, a man who dares not show his affection.
Watching the red hue of the spring horizon,
For thirty years, Vĩnh Điện's longing has latently arisen.

For thirty years, my body has worn away,
But my heart keeps offering fruit and flowers every day.
Each day, my heart hankers for something more,
As sadness makes my verses burn with fervor.

In my childhood, the silent bridge stood still,
I was so foolish to believe in something unreal.
The fragrant flower gleams high above,
I've searched for you in my dreams of love.

Crossing the bridge with my wandering steps, I imagine
In the school-gate white dresses flying like spring
The river runs away, leaving my shadow behind,
At the foot of the bridge, waiting for you, my heart aligned.

(Translated into English by Thiếu Khanh)

Rừng mặn

Muối

hạt ngọc của biển

dâng người.

vùng cao một thời khốc liệt

đốt cỏ tranh thay muối

biển xa cồn cào sóng

khôn nguôi!

em gái Cà Tu mười chín tuổi

nằm lại bên đồi gửi muối trắng

nay tìm lại được em

muối thấm vào lòng đất.

thăm lại vùng cao

muối tinh khiết về đây từng bếp

miệng tôi bỗng nhạt

khi mắt rừng hoang lạnh người xưa.

The briny forest

Salt

Pearl of the sea

gifting to humanity

The highlands once in its heroic past

Ash of burned kunai grass was used instead of salt

The sea far away overflowing

with restless waves

The nineteen-years old Cà Tu maiden

Lying dead on the hill with her backpack of white salt

When she was found

The salt had merged with the earth

On my revisiting to the highlands

Every kitchen is now plenty with pure salt

But my tongue suddenly numbs

As the wild forest whispers no trace

Of the girl of long ago.

(Translated into English by Thiếu Khanh)

Hòn Vọng Phu

Đứng ở cổng chùa Tam Thanh
nhìn lên hòn Vọng Phu thấy một chấm mờ trong chiều nắng
ở đấy có phải là người đàn bà chờ chồng hóa đá
hay đá hóa thành người đàn bà chung thủy vỡ lòng tôi?
Nhiều người nói: *"Hòn vọng phu thật đã bị nung vôi,
vọng phu còn đây là hòn vọng giả..."*
trước cổng chùa Tam Thanh tôi cố nhìn thật rõ
có đấy một chấm mờ trong ký ức tuổi thơ.

Vọng phu phương Bắc
Vọng phu phương Nam
Hạnh phúc cho những người đàn ông ở chiến trường
có tảng đá què nhà tựa lưng đánh giặc.
Những buổi chiều
trước nghĩa trang thình lặng
trong lễ hội hoàng hôn
hình ảnh hòn Vọng Phu trong tôi hiện lên thật rõ.

The husband-waiting statue

From the gate of the Tam Thanh Pagoda
I gaze at the waiting-woman rock,
A blurred point in the afternoon sunlight.

Is she the woman turned to stone,
Waiting for her husband to return?
Or is she a rock transformed,
A faithful woman's love reborn?

They say the real waiting rock was burned into lime,
This replica now stands with time.
From the gate of the Tam Thanh Pagoda
I strain to see clearly
The blurred point in my childhood memory.

Waiting women of the north and south,
Your steadfast love inspired the nation's youth.
Blessed were the men on battlefields,
A waiting rock at home supporting their shields.

In quiet afternoons in military cemeteries,
Or in nightfall ceremonies,
The images of husband-waiting statues outlined
clearly in my mind.

(Translated into English by Thiều Khanh)

Mưa nắng

Ta sống với nhau tròn hai mươi năm
Nắng ngoài hiên nhạt dần
Mưa rơi bên ngoài mùa thương, mùa nhớ
Ngày nào cũng tíu tít
Chân đi không bén gót
Anh vừa lau nhà xong
Gió bụi lại thổi về
Hai mươi năm anh lau mãi căn nhà không sạch.
Ngày nào cũng tíu tít
Việc không tên gõ cửa ầm ầm
Sao anh không dừng lại nhìn thật sâu vào mắt em
Sao anh không cầm tay em thật chặt đi dọc bờ sông nghe suối
tỏ tình với đá
Sao anh không trở về nhìn giàn mướp hoa vàng đàn ong
ngậm phấn gieo rục không gian.
Hai mươi năm
Anh dắt em chạy trong giấc mơ
Nhiều lần chạy đến chùa thắp hương nguyện cầu bão đừng đến
Ngày giỗ gia tiên lại khẩn mong tài lộc đến đầy nhà
Khấp khởi thờ ông Táo, Thần tài để có chốn cầu xin
Sao cứ nhờ vả người khác
Ta ở đâu trong cuộc sống này.
Trong lúc anh dắt em chạy trong giấc mơ
Mùa thu đến bên vườn cúc thả những đám mây trong nụ hoa
nhu nhú
Bãi cát dưới chân núi Sơn Trà ôm đại dương đùa gió nắng
Con mèo mướp ngoan hiền nằm bên chiếu mở đôi mắt tròn vo
chân trời vắng trắng đỏ.
Anh biết bây giờ nắng đang nhạt dần
Và cơn mưa đang rơi bên ngoài mùa thương, mùa nhớ.

Rain and shine

Twenty years together, yet the sunshine fades,
Rain falls beyond the seasons of love's parade.
Each day, we rush, our lives a hurried blur,
I clean the house, but dust returns, it's sure.

Twenty years, and still the house is not complete,
Unknown tasks knock at the door, a relentless beat.
Why didn't I pause to gaze into your eyes?
Why didn't we stroll by the creek, hand in hand, surprised

By the stream's declaration of love to the rock?
Why didn't I cherish the yellow flowers' flock,
The bees collecting pollen, buzzing through the air?
Twenty years, I held your hand, running on a dream rare.

So often, we ran to pagodas, prayed for calm,
On ancestral days, we pleaded for fortune's balm.
We worshipped the gods of kitchen and of wealth,
Yet found no peace, no solace in our stealth.

Why do we rely on others to guide our way?
Where do we stand in this world, where does true joy lay?
While I held your hand, running in my dream,
Autumn arrived, chrysanthemums dropped their gleam.

The strip of sand at Sơn Trà mount holds the sea,
Plays with the wind and sunshine, carefree.
The yellow cat lies basking in the late afternoon,
Her round eyes like the red moon on the far horizon.

I know the sunshine is fading, the rain falls deep,
Beyond the season of love and memory's keep.

(Translated into English by Thiếu Khanh)

Chennai, em và cơn mưa lá

Một ngày mưa tôi đến thành phố Chennai phía nam Ấn Độ
Cùng bạn hát những bài hát xưa, múa những bài múa xưa.

Điệu múa về miền hoang dã rộn ràng chiêng trống
Thời gian như ngừng im trong đôi mắt em tròn.
Ánh mắt em tròn biêng biếc lá chồi non
Lá non mơ bầu trời trong tiếng hát yêu thương.

Chennai món cary thơm
Ly trà nâu quán doveton mưa từng sợi nhỏ
Tôi nghe vị thần Shiva bay ngang thành phố
Em môi hồng êm ái tiếng hindu...

Chennai, you and a leafy rain

(Written on the first trip to Chennai and Puducheri in late 2023)

I got to the city of Chennai in the south of India on a rainy day
Together, we sang your old songs, we danced your old dances

The dances of wild and cheerful regions in the beat of drums and gongs
Time stopped in your full eyes.
That was it, full of leafy green young buds in your eyes
They were all dreaming of a sky in the songs of love.

Chennai with a curry, perfect flavor
A cup of brown tea in doveton when it poured tiny streaks from sky
I heard Shiva flew over the city
You, your lips were pink and soft in hindi...

(Translated by Lê Hằng)

Ghi chép ở Puducheri (Ấn Độ)

Người choàng khăn ấm qua vai
Nghe làn gió nổi mùa dài xuân sang

Hàng cây chiều nhuộm ánh vàng
Phố xe tuktuk chen hoàng hôn xa

Người đeo vào cổ tràng hoa
Đậm hương hoa sứ Champa tìm về

Lần tìm gốc quán chân quê
Miền nào lá cũng xanh mê đất trời

Chân trần chạm đất đá trôi
Choàng vai lời bất tận lời, tri âm.

16/12/2023

NNK

An Entry in Puducherry (India)

(By Nguyễn Nho Khiêm)

You put a warm scarf over your shoulder
Listening to the breeze that links long seasons to make spring

The dusk dyes the old trees golden
The street are crowded with the tuk-tuks in a remote sunset

You put a garland on your neck
Charming scent of Champa frangipani comes back to me

Searching for our origin and identity
Then I see,
The leaves are green enchanting the earth wherever we are

Bare feet touch the rock and soil, floating
Shoulders by shoulders, souls by souls, we embrace our endless words.

(Translated Lê Hằng)

* *Note from translator:* This poem was written in “lục bát” form, a traditional Vietnamese verse form, enjoyed by people of all classes and popular in most of Vietnamese folk poems. It will always begin with a six-syllable line and end with an eight-syllable one. The first line: 6 syllables, the second line: 8 syllables. By following the rules of tone and the rules of rhyme, they form couplets that sound lyrical and melodious and the poem goes that way until the last line.

The translation only reaches the poem in meaning by capturing the poet's feelings and messages, it cannot follow the rules since Vietnamese is a monosyllabic language.

NNK

TRẦN PHƯƠNG KỲ



Tiểu sử

Trần Phương Kỳ là nhà Lịch sử Nghệ thuật Champa và Nghệ thuật Phật giáo Đông Nam Á.

Tác giả đã xuất bản tập thơ “Lá cây xanh từ em” năm 1989.

Biography

Trần Phương Kỳ is an art historian interested in Cham art and Buddhist art of Southeast Asia. He published his collections of poetry entitled “The leaves are greenish from You” in 1989.

Tượng thiên nữ ở đền Ketaki Bharana

Những đôi môi mấp má muốn nói lời gì qua những trăm năm
Những vòng tay những cung chân
Ôm cuộc sống vào lồng ngực trẻ

Những đôi mắt mơ màng man dại
Bầu trời xanh sau những làn mi
Những hơi thở run[g] trong lòng đá
Những nụ cười lặng lẽ lá rơi

Thần thái nguyên sơ lung linh từng gương mặt
Lửa bật ra từ bầu vú sẵn dòn
Nơi ẩn những suối nguồn linh diệu.

Fairies at Ketaki Bharana Temple

whose lips softly opened as if whispering over centuries
have arms and legs posture
where life is cherished in those youthful breasts

eyes are fanciful and rabid
hiding the blue sky behind those eyelashes
whose breath vibrates deeply from the bedrock
keeping a smile as quietly as a falling leaf

whose pristine shimmers from those faces
from those firm breasts, fire bursts
places where spiritual sources come from

(Translated into English by Phương Anh)

Taj Mahal

[*"lối xưa xe ngựa hồn thu thảo..."* BHTQ]

Đóa sen trắng nở trên đài vũ trụ
Thơ reo trong đá
Áng thơ trắng tặng thiên tình vĩnh cửu
Taj Mahal yếu điệu giữa trời Thu

*

Tôi lạc lối giữa chiều xanh biếc
Hương thời gian chùng ngự dưới mái đền
Tôi cúi xuống hôn lên thềm nắng
Nghe chân xưa nhẹ bước bóng chiều buông

*

Dòng Yamuna bỗng ngược vào lịch sử
Thiên cổ rền xa mã xiêm y
Cờ xí lộng dưới trời mây nổi
Bóng hồng nhan thấp thoáng bóng đèn vàng

*

Mùa chạm khẽ lên làn da cẩm thạch
Chốn yên bình tịnh thổ thiên thu
Tĩnh thiêng hóa Taj Mahal vĩnh cửu
Sen trắng hoa hồn vũ trụ linh đài

*

Gió xưa đồng vọng gót hài
Chừng nghe tiếng cửa khép ngoài thình không.

Taj Mahal

[“...where, once bustling with chariots on the old tracks,
the spirit of autumn grasses...” BHTQ]

A white lotus blooms on the cosmic altar.
Poetry rings in stone.
A white sonnet dedicated to the eternal love
The graceful Taj Mahal, silhouetted against the autumn sky.
*

The green dyed my way home so I was seemingly getting lost.
The fragrance of time seems to linger under the mausoleum dome.
Softly kiss the steps in the pale afternoon sun.
Ancient footsteps echo back in the falling duskiness.
*

The Yamuna River suddenly drifted back to the old days.
From afar, one can hear the bustling beauty and chariots.
Overwhelmed by the space of flags and clouds
The silhouette of a beautiful loom in ivory-white marble
*

Gently glides onto the skin of the marble by the season
A pure and peaceful place for eternity
The eternal sacred love is forever preserved in the Taj Mahal.
The lotus sublimates into a sacred cosmic altar.
*

The sound of heels echoed in the old wind throughout the air.
The closing door sounded like it was echoing in the void.

(Translated into English by Phương Anh)

Mây trên thánh địa Ellora

Những mặt người ẩn sâu tường tháp cổ
náu bóng mây

Xế chiều chân trời máu
chao bóng quạ già

Cỏ vô sắc xóa mặt người
tay chực níu bóng

Chẳng có áng mây nào có tên chỉ một dòng trôi nhanh/chậm
không gian không màu

Chúng ta đi qua thánh địa này
một mình với bóng mây

Cloud in Ellora sacred valley

Human faces were disguised deep within the old temple walls
sheltering among the cloud

In the late afternoon the bloody horizon
The old raven staggered in flight

The colorless grass obscures the human face
hands trying to hold on to the silhouette

Nameless to all clouds, just drifting in an alternating only fast/slow
current
colorless space

One passing through this holy land
alone with only clouds.

(Translated into English by Phương Anh)

TPK

MAI HỮU PHƯỚC



Tiểu sử

Quê quán: Quảng Nam. Hiện sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nghề nghiệp: Thạc sĩ Y học. Đại biểu Festival thơ Quốc tế lần thứ III tại Kolkata, Ấn Độ (01/2009). Khách mời của Trung tâm Y khoa Saint Mary - Hobart, tiểu bang Indiana, Hoa Kỳ (01/2010). Nhiều giải thưởng thơ và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Văn học và Nghệ thuật Việt Nam (2017).

• **Tác phẩm đã xuất bản:** 5 tập thơ: Xin cảm ơn em (2003); Một thửa học trò (2004); Thì thầm phố nhỏ (2006); Phiên khúc sang mùa (2012); 2 tập văn: Lang thang xứ người (2014); Viết trong ngày mưa (2017). Và 4 tập sách y học.

Biography

Native land: Quang Nam. Currently live and work in Da Nang city, VN.

Profession: MA in Medicine. A delegate at the Third International Festival on Poetry in Kolkata, India, in January 2009. A guest of St. Mary

Medical Center - Hobart, Indiana, USA, in January 2010. Many Poetical Prize and Medal for the cause of Vietnam's arts and literature (2017).

• **Works published:** *Five collections of poetry:* My Gratitude To You (Xin cảm ơn em - 2003); Once a Schoolboy (Một thuở học trò - 2004); Whispers in a Small Town (Thì thầm phố nhỏ - 2006); A version for seasonal transition (Phiên khúc sang mùa - 2012. *Two collections of licturate:* Wandering Other People's Land (Lang thang xứ người - 2014); Writing in The Raining Days (Viết trong ngày mưa - 2017). And four medical books.

Kolkata

Những cánh chim bay rợp trời mơ ước
Dòng sông cổ tích chảy qua hồn
Kolkata dịu êm ngày tôi đến
Em nghĩ gì rục cháy cả hoàng hôn?

Kolkata*

The birds fly on the wishing sky
The ancient-story river flows on my soul
Kolkata is smooth when I came
What do you think to burn the sunset?

(Translated into English by Trần Minh Hiền)

* Kolkata hay Calcutta là Thủ phủ của Tây Bengal, Ấn Độ/ Kolkata or Calcutta is the capital of West Bengal, India.

Rồi từ đó

Có một hôm ta vô chùa nằm lại
Nghe sư thầy tụng niệm mấy hồi kinh
Rồi từ đó những sân si danh lợi
Nhẹ bay qua như gió thoảng sân đình.

Since then

One day I stay in the pagoda
Listening to the Venerable Monk cites the Buddha's teachings
Since then all of the greed, anger, material love.
Going away like the wind through the common house's court.

(Translated into English by Trần Minh Hiền)

Chạm thu

Lòng như là quán vắng
Ngày không người quen tên
Ngập ngừng thu giăng mắc
Dáng thu chiều chân chim.

Cành thu vàng nẻo nhớ
Tinh thu vàng chưa em?
Thu đất trời mật ngọt
Thu lòng ta êm đềm.

Bước chân mùa thu trước
Chạm cả mùa thu sau
Thời gian như con nước
Chảy tràn qua đời nhau.

Những gì thu mang tặng
Những gì thu lấy đi
Xin em còn giữ lại
Chút lặng yên thăm thì.

Rồi thu đi đi mãi
Rồi thu đi không về
Ta như người tỉnh mộng
Lạc đời trong cơn mê.

Chạm thu hồn ngơ ngẩn
Bóng thu luồn qua song
Những gì em níu giữ
Mắt thu buồn trông mong.

Traces of autumn

Melancholy like an empty tea-shop
A day without a familiar name
Hesitantly autumn lullaby drifts
Its cool breeze touching bird footprints

Autumn branches golden with memory
Has it gilded our love, my dear?
Autumn sweetens nature
Why my mind is unclear.

Footsteps from the previous
Left their trace till now
Time is like a stream of water
Dancing through our souls

What autumn has given away
What autumn has taken back
Please my dear keep with you
The silent sound of symphony track

Then autumn fades and passes
As if it never arrived
Like being awakened in the dark
I'm a bit lost in life

Dazed by the traces of autumn
Lit by the light through the door
Whatever you try to keep
Mourning autumn is awaiting therefor.

(Translated into English by Võ Thị Như Mai)

Đổi ẩm

Ta mời em chiều nay đi uống rượu
Em ok, ta đợi hết giờ làm
Vào tửu quán, bàn mỗi người một nửa
Mà giang hồ hảo hán chắc gì hơn!

Thiên hạ liếc qua trăm phần ngưỡng mộ
Em xinh tươi như một mỹ nhân, hể...
Ta bỗng hóa anh hùng thời mạt vận
Nào sá gì khi rượu nhấp môi tê.

Không đao kiếm, mày ngài em sắc lẹm
Ánh mắt cười tan chảy cả vầng trăng
Ta râu tóc bạc phai màu sương gió
Cầm tay nhau trân trọng nghĩa kim băng.

Cạn ly này mừng nhau ngày hội ngộ
Hết ly kia cho đồng bệnh tương lân
Thêm ly nữa nẻo đời xuôi ngược thế
Cối ta bà vinh nhục cũng phù vân.

Ta có em là hồng nhan tri kỷ
Bình rượu đời ngập lấm nổi chua cay
Rót cả mắt cả môi vào đấm đui
Quảng gánh ưu tư vui hết đêm này.

Over a casual drink

"Go for a drink" that's what I ask
"It's ok", after work, she smiles
At the pub, half the table each
Demi-monde might have jealousy.

Some side-glance with such envy
How gorgeous, delightful she looks
It happens, a hero me, tough-luck
Not a matter when we sip chilled wine.

Neither outspoken nor sprucing, she shines
Her Duchenne smile melts the moon it passes
I grow grey while time chants its masses
Holding hands to respect Truth Friends.

A glass of cheer for our gathering
"Two in distress make sorrow less"
Another drink since we are blessed
Nothing remains in this Saha World.

She is mine, a true soulmate
As years pour bitter, sweet, failures
Fill my heart, my mind and desire
Pour some drinks to forget real life.

(English version by Vo Thi Nhu Mai - Australia)

Người đàn bà say

Người đàn bà một mình
Như con ngựa hoang
Đêm
Lang thang
Ly nào say đời
Ly nào say tình
Mắt ướt
Nhìn
Đám đàn ông khật khưỡng.

Lời mật ngọt lên ngôi
Sự va chạm
Nhục cảm lên ngôi
Cuồng loạn đêm mê.
Cuộc đời
Cần gì
Vì cuộc đời đang rách nát.
Về đâu?
Cần gì
Vì có biết về đâu.

Bia trào
Rượu tràn
Tiền của ai mà tiếc
(Làm quan giờ rất được thời)
Chốn rượu bia cần gì đạo đức
Gặp thời thả sức ăn chơi
Người đàn bà say
Đêm mờ ảo
Nhạc dập dìu
Những vũ khúc mê hoang...

A drunken woman

A woman alone
Is like a restive horse
At night
Roaming around aimlessly
Which glass of wine for life
Which for love
Her wet eyes
Looking at
Lurching men.

Honey words exchanged
Bodies contacted
Sexual desire prevails
A crazy passionate night
Life
As if I care!
As the life itself is the worst for wear.
Where to return to?
As if I care!
Who knows where's the place to return to.

Beer is spilling over
Wine is spilling over
It's nobody's money to worry about
(Governmental officials've found their golden opportunities now)
Who needs morality at this domain of wine and beer?
It's your time to enjoy everything freely
A drunken woman
Unworldly night
Gentle music
Hysterical dances...

(Translated into English by Thiều Khanh)

Mùa xuân gõ cửa

Mắt ai màu nhung êm
Nhìn nắng rơi bên thềm.
Mùa xuân về gõ cửa
Tiếng chim hờ quen tên.

Mưa đan từng sợi nhỏ
Gió so làn tóc mây,
Áo xanh màu nhung nhớ
Ngẩn ngơ hồn đêm vầy.

Tay ngà nâng phiến lá
Cánh hoa vàng mong manh,
Làn môi hờ ngậy ngát
Đắm say dòng thơ xanh.

Em như mùa xuân chín
Anh nghe lòng tha phương.
Tình nào như mây trắng
Bao nhiêu là tơ vương...

Xuân lại về gõ cửa
Em reo mừng xuân tươi,
Gã khờ năm xưa ấy
Bên em chừ yên vui.

A vernal knock on the door

Whose jetblack-velvet eyes like in folklore
Looking the threshold as the sun shines.
The spring comes and knocks on the door
A familiar bird's song would arise.

In fine drops the rain falls
Her black hair caressed by the wind,
Some memories- her blue dress recalls
Deep in the night my soul lost and pinned.

A leaf in her ivory-like hand
The yellow flower is so frail,
Her lips are like in dreamland
How passionate is the green paper mail.

You are like a ripe spring
I feel my heart lost somewhere.
Is love like white clouds floating?
How much love we're to share...

Again the spring knocks on the door
You are cheerfully pretty,
The silly man of yore
Is with you now happy.

(Translated into English by Thiều Khanh)

MHP

BÙI XUÂN



Tiểu sử

Bùi Xuân là nhà thơ, nhà sử học và dịch giả văn học.

Sinh năm 1959 tại tỉnh Quảng Nam.

Hiện đang sinh sống tại thành phố Đà Nẵng.

Hội viên Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Phó Chủ tịch Hội đồng Văn học dịch Hội Nhà văn Việt Nam.

Đã xuất bản 2 tập thơ và 7 tập dịch thuật.

Đã nhận được 4 giải thưởng văn học

Biography

Bùi Xuân is a poet, historian and a literary translator.

Born in 1959 in Quang Nam province.

Currently living in Da Nang city.

Member of Vietnam Association of Historical Sciences.

Member of Vietnam Writers' Association.

Vice Chairman of Literary translation Council of Vietnam Writers' Association.

Published 2 volumes of poems and 7 books of translation works.

Won 4 literary prizes.

Nguyện cầu

Chắp tay, chắp đôi bàn tay
Nguyện cầu cho thế giới này an vui,
Cho người yêu dấu con người,
Cho tôi yêu dấu mãi người tôi yêu

30.9.2022

My Prayer

I joined my hands together
I prayed for this world to be happy,
For everyone to be each other,
For me to love you forever.

September 30, 2022

(Translated into English by Author)

Thức giữa hương trà

Thừa hiểu rồi mình sẽ chết
(Đời người thoáng bóng mây qua)
Nửa đêm thức giữa hương trà
Lại thấy như mình còn mãi.

1992

The scent of tea

Even though I know I'll die eventually,
(Life is like a floating cloud),
But when I sit next to a pot of scented tea at midnight,
I feel like I will exist forever.

1992

(Translated into English by Author)

Căn nhà tôi

Căn nhà tôi
cửa mở về đông
bên những vườn xanh
và những ngôi nhà dân dã

đêm
tựa liếp cửa nhà mình
tôi mơ về một ngõ sao thần thoại
lại khát khao một đóa hoa sen
mọc từ rốn trẻ con.

My house

My house
has a door that opens to the East,
it is located next to green gardens
and rustic houses

At night,
I leaned against its door
to dream about distant legendary constellations
and I wished that a lotus flower
to grow from the baby's navel.

(Translated into English by Author)

Phồn thực

lại nghĩ về Vishnu và Shiva
tạo dựng, bảo tồn, hủy diệt

lại nghĩ về Yoni và Linga
phồn thực, sinh sôi, nảy nở

lại nghĩ về đôi mắt em đen láy
tinh khôi, rạng rỡ, gọi mời

lại nghĩ về những hạt mầm của đất
trỗi lên ấm sáng mặt trời.

Fertility

thinking again about Vishnu and Shiva
create, preserve, destroy

thinking again about Yoni and Linga
fertility, proliferate, flourish

thinking again about your black eyes
pure, radiant, inviting

thinking again of the seeds of the earth
rising that warm sunlight.

(Translated into English by Kiều Bích Hậu)

Bờ bên kia

Một buổi chiều muộn tôi gọi đò sang sông. Chập lâu, phía bờ bên kia có tiếng “ới” và một con đò xuất hiện sau mấy đám cỏ lau. Ông lão lái đò có chòm râu bạc trắng. Mái chèo của ông lão chậm rãi. Con đò lừ đừ qua sông. Khi đò cập bến, tôi bước lên thuyền và nói: “Có phải cụ tuổi già mỗi mệt? Cụ đã không biết là cháu nôn nao, mong qua được bờ bên kia?”. Ông lão lái đò nhìn tôi: “Đã lâu thành nếp, với già, đôi bờ chỉ là một, nên quên nghĩ rằng anh bạn đang nóng lòng sang bờ bên kia”. Tôi thấy trong lời nói của ông lão lái đò có ngụ ý, nhưng do tâm trí lúc ấy chỉ trông mau qua sông nên không hỏi lại. Đò cập bến, tôi lên bờ, gật đầu chào ông lão rồi bước vội. Khi tôi vừa bước lên khỏi bờ sông, ông lão lái đò bỗng gọi theo: “Này, chừng nào anh bạn quay lại bờ bên kia, nhớ nhắc lão chèo con đò thật nhanh”.

The other side

One late afternoon I called a ferry to cross the river. After a while, from the other side there was a “hey” and a boat appeared from behind the reeds. The old ferryman had a white beard. The old man’s oars were slow. The boat drifted languorously across the river. When the boat docked, I got on the boat and said, “Are you tired because of the old age? You didn’t know that I was eager, hoping to get to the other side?” The old ferryman looked at me: “It’s been a long time so it has become a habit, and to me, the two banks are only one, so I forget to think that you are anxious to go to the other side”. I saw in the old boatman’s words some meaning, but because my mind was only looking at the river quickly, I did not ask again. The boat docked, I disembarked, nodded to the old man and hurried away. As I stepped off the riverbank, the old boatman called out: “Hey, when you get back to the other side, remember to remind me to row the boat quickly.”

(Translated into English by Kiều Bích Hậu)

Bóng nắng

Buổi trưa mùa hè tôi mắc võng nằm dưới lùm tre. Lá tre reo và những cây tre cao khều lắt lư trong gió. Nắng từ trên cao rọi xuống, xuyên qua bóng tre thành những vạt nắng trên đất. Trên chiếc võng tôi nằm và cả trên người tôi cũng lốm đốm ánh nắng. Tôi mỉm cười nghĩ: “Ông mặt trời khoác chiếc áo gấm hoa cho mình”. Thế rồi tôi lim dim đôi mắt và chìm vào giấc ngủ. Dưới bóng tre, ánh nắng lốm đốm rả hoa. Chiếc võng đung đưa, kéo cà kéo kẹt.

Em ạ, cuộc đời không có nhiều những khoảnh khắc như thế, nhưng những khoảnh khắc đó sẽ theo ta mãi mãi. Và em sẽ chẳng bao giờ là mặt trời buồn. Và tôi sẽ chẳng bao giờ là bể khổ đau. Vì trong ta đã từng có những giờ phút tuyệt vời, đáng sống. Dưới bóng tre, ánh nắng lốm đốm rả hoa. Chiếc võng đung đưa, kéo cà kéo kẹt.

Sun shadow

At noon in the summer, I stayed in a hammock under a bamboo grove. The bamboo leaves rang and the tall bamboo trees swayed in the wind. The sun shone down from above, through the bamboo then became sunbeams on the ground. The hammock I laid in and even my body was dappled with sunlight. I smiled and thought: “The sun is wearing a brocade shirt for me”. Then I closed my eyes and fell asleep. Under the shade of bamboo, the sun is dotted. The hammock swayed with a creaking sound.

Baby, life doesn't have many moments like that, but those moments will follow us forever. And you will never be the sad sun. And I will never be the pool of suffering. Because in us there have been wonderful moments, worth living. Under the shade of bamboo, the sun is dotted. The hammock swayed with a creaking sound.

(Translated into English by Kiều Bích Hậu)

TÁC GIẢ ẤN ĐỘ
INDIAN AUTHORS

KABIR

(Khoảng thế kỉ XV)



Tiểu sử

Kabir là một trong những nhà thơ vĩ đại nhất của Ấn Độ thời trung cổ. Sinh thời, ông sáng tác rất nhiều bài thơ, bài hát bằng tiếng Hindi. R. Tagore đã chọn 100 bài thơ của ông dịch sang tiếng Anh, in thành tập thơ *Một trăm bài thơ của Kabir (One hundred poems of Kabir)* do Hiệp hội Ấn Độ tại Luân Đôn (India Society, London) ấn hành (1914). Năm 1915, MacMillan Company, New York đã tái bản tác phẩm này với tên gọi mới là *Những khúc hát của Kabir (Songs of Kabir)*. Ở Việt Nam, nhà thơ, dịch giả Bùi Xuân là người đã chuyển ngữ trọn tác phẩm này sang tiếng Việt.

Biography

Kabir was one of the greatest poets of medieval India. During his life, he composed many poems and songs in Hindi. R. Tagore selected 100 of his poems for translation into English and publication in the book *One Hundred Poems of Kabir* published by the India Society, London (1914). In 1915 the MacMillan Company of New York republished this work under the new name *Songs of Kabir*. In Vietnam, it was the poet and translator Bui Xuan who translated the entire work into Vietnamese.

Những khúc hát của Kabir

(Do R. Tagore tuyển chọn và dịch sang tiếng Anh)

(Trích)

VI

Trăng tỏa sáng trong thân thể tôi, nhưng mắt tôi mù lòa nên không nhìn thấy:

Trăng ở trong tôi, và cũng là mặt trời.

Tiếng trống không chạm đến của Vĩnh Cửu là âm thanh trong tôi; nhưng tai tôi điếc nên không nghe được nó.

Chùng nào mà con người còn hò hét *Tôi* và *Của Tôi*, công việc của anh ta như là con số không:

Khi tất cả tình yêu *Tôi* và *Của Tôi* đã chết, là lúc công việc của Chúa hoàn thành.

Đối với công việc không có mục đích nào khác ngoài thu hoạch kiến thức:

Khi đạt được kiến thức rồi thì công việc bỏ sang một bên.

Hoa nở cho trái: khi trái kết thì hoa khô héo.

Xạ hương ở trong con hươu, nhưng con hươu không biết hương thơm đó ở trong chính nó: nó lang thang tìm kiếm trong cỏ.

VI

The moon shines in my body, but my blind eyes cannot see it:

The moon is within me, and so is the sun.

The unstruck drum of Eternity is sounded within me; but my deaf ears cannot hear it.

So long as man clamours for the I and the Mine, his works are as naught:

When all love of the I and the Mine is dead, then the work of the Lord is done.

For work has no other aim than the getting of knowledge:

When that comes, then work is put away.

The flower blooms for the fruit: when the fruit comes, the flower withers.

The musk is in the deer, but it seeks it not within itself: it wanders in quest of grass.

XIV

Dòng sông và những con sóng của nó chỉ là một: ở đâu là sự khác nhau giữa chúng?

Khi sóng dâng cao, nó là nước; và khi rơi xuống, nó vẫn là nước. Hãy nói với tôi, Quý Ngài, ở đâu là sự khác biệt?

Bởi vì nó mang tên là sóng, nó sẽ không còn được xem là nước nữa chẳng?

Ở trong Linh Hồn Vũ Trụ Tối Cao, toàn thể giới đang được nói như là chuổi hạt:

Hãy nhìn vào tràng hạt kia với đôi mắt thông tuệ.

XIV

The river and its waves are one surf: where is the difference between the river and its waves?

When the wave rises, it is the water; and when it falls, it is the same water again. Tell me, Sir, where is the distinction?

Because it has been named as wave, shall it no longer be considered as water?

Within the Supreme Brahma, the worlds are being told like beads:

Look upon that rosary with the eyes of wisdom.

L

Tiếng sáo Vô Biên được chơi không ngừng, và âm thanh của nó là tình yêu:

Khi tình yêu từ bỏ mọi giới hạn, nó đạt đến sự thật.

Làm thế nào để mùi hương tỏa ngát bay xa! Nó không có kết thúc, không có vật cản đường.

Hình thức của giai điệu này tươi sáng như một triệu mặt trời: âm thanh hoàn hảo của đàn vi-na, đàn vi-na của các nốt nhạc chân thật.

L

The flute of the Infinite is played without ceasing, and its sound is love:

When love renounces all limits, it reaches truth.

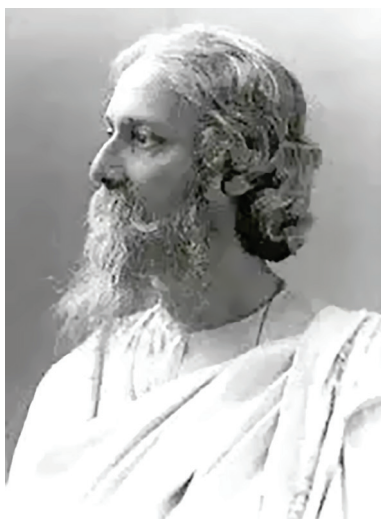
How widely the fragrance spreads! It has no end, nothing stands in its way.

The form of this melody is bright like a million suns: incomparably sounds the vina, the vina of the notes of truth.

(Translated into Vietnamese by Bùi Xuân)

RABINDRANATH TAGORE

(1861 – 1941)



Tiểu sử

Đại thi hào R. Rabindranath Tagore sinh tại Kolkata, Tây Bengal, Ấn Độ
Giải thưởng Nobel Văn học năm 1913

Ông là tác giả của hơn 1.000 bài thơ (50 tập), 12 bộ tiểu thuyết, 42 vở kịch, 2.000 tranh vẽ, 2.000 bài hát và hàng trăm luận văn, truyện ngắn...

Biography

The great poet R. Rabindranath Tagore was born in Kolkata, West Bengal, India

Nobel Prize in Literature 1913

He is the author of more than 1,000 poems (50 volumes), 12 novels, 42 plays, 2,000 paintings, 2,000 songs and hundreds of essays and short stories...

Những bài thơ

(Thơ R.Tagore, do Visva-Bharati xuất bản năm 1942)

(Trích)

2

Tin truyền của người yêu tôi lan đi giữa những bông hoa mùa xuân.
Làm tôi nhớ nhung những bài hát xa xưa.
Trái tim tôi bất ngờ khoác lên mình lá xanh khát vọng.
Người yêu tôi không đến nhưng nàng chạm vào tóc tôi và giọng nói
của nàng lướt qua cánh đồng tháng Tư rì rào, thơm ngát.
Ánh nhìn của nàng trong bầu trời, nhưng đôi mắt nàng nơi đâu?
Những nụ hôn của nàng trên không, nhưng đôi môi nàng nơi đâu?

2

The news of my love is abroad among the spring flowers.
It brings to my mind the old songs.
My heart of a sudden has put on green leaves of desire.
My love came not but her touch is on my hair, and her voice comes
across the fragrant fields in murmurs of April.
Her gaze is here in the sky, but where are her eyes?
Her kisses are in the air, but where are her lips?

6

Anh đã từng yêu em trong hằng trăm kiểu cách và thời gian,
đời đời, kiếp kiếp.
Chuỗi bài hát mà trái tim ngây thơ anh dệt
Em đã ân cần quàng nó lên cổ của mình
đời đời, kiếp kiếp.
Khi anh nghe những chuyện kể về ngày xưa ngày xưa,
Những nỗi đau tình yêu một thời xa lắc.
Những đoàn tụ và chia li một thưở xa xôi,
Anh thấy ánh sáng của em
Xuyên qua bóng tối vĩnh cửu

Và hiện ra như một vì sao đã từng neo trong ký ức của Tất Cả.
Đôi ta trôi nổi theo dòng chảy song song của tình yêu
Nó xuất phát từ trái tim thẳm sâu của Vô Khởi.
Đôi ta vui chơi bên vô số người yêu nhau trong cuộc sống
Trong nước mắt cô đơn đau khổ,
Trong ngại ngùng run rẩy của hòa hợp ngọt ngào,
Trong tình yêu cũ kĩ luôn làm tươi mới đời sống của mình.
Cơn lũ của tình yêu vĩnh cửu
Cuối cùng cũng tìm thấy một kết thúc hoàn hảo.
Tất cả những niềm vui, nỗi buồn, mong mỏi của trái tim,
Tất cả những kỷ niệm của những khoảnh khắc ngày ngất,
Tất cả lời bài hát tình yêu của các nhà thơ thuộc mọi thời đại
Đến từ khắp nơi
Và quy tụ trong một tình yêu duy nhất dưới chân em.

6

I have ever loved thee in a hundred forms and times,
Age after age, in birth following birth.
The chain of songs that my fond heart did weave
Thou graciously didst take around thy neck,
Age after age, in birth following birth.
When I listen to the tales of the primitive past,
The love-pangs of the far distant times,
The meetings and partings of the ancient ages,
I see thy form gathering light
Through the dark dimness of Eternity
And appearing as a star ever fixed in the memory of the All.
We two have come floating by the twin currents of love
That well up from the inmost heart of the Beginningless.
We two have played in the lives of myriad lovers
In tearful solitude of sorrow,
In tremulous shyness of sweet union,
In old old love ever renewing its life.

The on-rolling flood of the love eternal
Hath at last found its perfect final course.
All the joys and sorrows and longings of heart,
All the memories of the moments of ecstasy,
All the love-lyrics of poets of all climes and times
Have come from the everywhere
And gathered in one single love at thy feet.

51

Người trị vì trong tâm trí mọi người,
Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ.
Tên Người làm rung động trái tim
của Punjab, Sindh, Gujarat và Maratha,
của Dravida, Odisha và Bengal.
Nó vang vọng trên những ngọn đồi của Vindhya và Himalayas,
hòa mình trong âm nhạc của Jumna và Ganges.
và được những con sóng biển Ấn Độ đời đời xưng tụng.
Họ cầu nguyện phước lành cho Người và hát ngợi ca Người,
Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ,
Chiến thắng, Chiến thắng, Chiến thắng thuộc về người.
Ngày và đêm, giọng Người vang lên - từ miền đất này đến miền đất khác,
Gọi người Ấn Độ giáo, Phật giáo, Xích giáo và Kỳ Na giáo về quanh ngai
vàng Người
cùng người theo đạo phái Pácxì, Hồi giáo và Kitô giáo.
Lễ vật từ phương Đông và phương Tây mang đến đền thờ
được dệt trong tràng hoa tình yêu.
Người mang trái tim của tất cả các dân tộc vào sự hòa hợp cuộc sống,
Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ,
Chiến thắng, Chiến thắng, Chiến thắng thuộc về Người.
Người vĩnh cứu cầm cương cổ chiến mã, người chèo lái vận mệnh
nhân loại,
đọc theo con đường gập ghềnh thẳng thẳm của các quốc gia.
Giữa mọi khổ nạn và khủng bố

tiếng kèn của Người vang lên làm nức lòng những người tuyệt vọng và chán nản

hướng dẫn tất cả mọi người trên con đường đầy hiểm nguy và hành hương.

Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ,

Chiến thắng, Chiến thắng, Chiến thắng thuộc về Người.

Khi buồn bã thê lương, màn đêm dày đặc bóng tối

và đất nước nằm yên lặng trong bất động sững sờ,

Vòng tay của Người ôm lấy Mẹ,

Đôi mắt tỉnh thức của Người rọi đăm đăm xuống gương mặt Mẹ,

cho đến khi Mẹ được cứu khỏi những giấc mơ bao tà ác tối đen,

vốn là điều từng kìm nén tinh thần của Mẹ,

Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ,

Chiến thắng, Chiến thắng, Chiến thắng thuộc về Người.

Màn đêm buông xuống, mặt trời mọc ở phía Đông,

tiếng chim hót, làn gió nhẹ nhàng buổi sáng mang đến một cuộc sống mới.

Cảm động bởi những tia nắng vàng của tình yêu

Ấn Độ thức dậy và cúi đầu dưới chân Người.

Người là Vua của tất cả Các Vị Vua,

Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ,

Chiến thắng, Chiến thắng, Chiến thắng thuộc về Người.

51

Thou art the ruler of the minds of all people,

Thou dispenser of India's destiny.

Thy name rouses the hearts

of the Punjab, Sind, Gujarat and Maratha,

of Dravida, Orissa and Bengal.

It echoes in the hills of the Vindhya and Himalayas,

mingles in the music of Jumna and Ganges,

and is chanted by the waves of the Indian Sea.

They pray for thy blessing and sing thy praise,

Thou dispenser of India's destiny,
Victory, Victory, Victory to thee.
Day and night, thy voice goes out-from land to land,
Calling Hindus, Buddhists, Sikhs and Jains round thy throne
and Parsees, Mussalmans and Christians.
Offerings are brought to thy shrine by the East and the West
to be woven in a garland of love.
Thou bringest the hearts of all peoples into the harmony of one life,
Thou Dispenser of India's destiny,
Victory, Victory, Victory to thee.
Eternal Charioteer, thou drivest man's history
along the road rugged with rises and falls of Nations.
Amidst all tribulations and terror
thy trumpet sounds to hearten those that despair and droop,
and guide all people in their paths of peril and pilgrimage.
Thou Dispenser of India's destiny,
Victory, Victory, Victory to thee.
When the long dreary, night was dense with gloom
and the country lay still in a stupor,
thy Mother's arms held her,
thy wakeful eyes bent upon her face,
till she was rescued from the dark evil dreams
that oppressed her spirit,
Thou Dispenser of India's destiny,
Victory, Victory, Victory to thee.
The night dawns, the sun rises in the East,
the birds sing, the morning breeze brings a stir of new life.
Touched by golden rays of thy love
India wakes up and bends her head at thy feet.
Thou King of all Kings,
Thou Dispenser of India's destiny,
Victory, Victory, Victory to thee.

(Translated into Vietnamese by Bùi Xuân)

BHAWANISHANKAR NIAL



Tiểu sử

Nhà thơ Bhawani Shankar Nial sinh năm 1968 ở Quận Kalahandi, Bang Odisha, Ấn Độ. Ông là một nhà thơ, biên tập viên, nhà tư tưởng và nhà hoạt động về quyền con người trên khắp Ấn Độ. Ông tổ chức và sáng lập nhiều tổ chức văn hóa, xã hội và chính trị ở Ấn Độ và lãnh đạo nhiều phong trào thúc đẩy phát triển bền vững và nền dân chủ có sự tham gia tích cực của người dân.

Ông đã xuất bản 3 tập thơ bằng tiếng Odia, có 2 tập thơ tiếng Hindi (chưa xuất bản), 2 tập thơ tiếng Anh đã xuất bản (Lockdown and an Encounter with Death, tạm dịch: Phong tỏa và Chạm trán Cái chết).

Ông nhận nhiều giải thưởng giá trị.

Biography

Poet Bhawani Shankar Nial was born in 1968 in Kalahandi District, Odisha State, India. He was a poet, editor, thinker and human rights activist across India. He organized and founded many cultural, social and political organizations in India and led many movements promoting sustainable development and participatory democracy.

He has published 3 poetry collections in Odia, has 2 Hindi poetry collections (unpublished), 2 published English poetry collections (Lockdown and an Encounter with Death, roughly translated: Lockdown and Encounter with Death).

He received many valuable awards.

1. Cái chết và tôi

Nhiều lần
Tôi đã đến
Lãnh địa hắc đánh dấu-
Rừng
Từ nó
Hành tinh không Ánh mặt trời.

Đi cùng nhịp
Với bước chân của hắc
Và
Mắt nhìn mắt
Đã từng tranh cãi
Hết lần này đến lần khác
Để thấu hiểu
Sự bí ẩn thuộc về tôi
Cái sinh và cái diệt.

Trong những
Lần thăm và lại thăm
Thung lũng hẻo lánh của hấn
Để lại tôi
Hằng hà sa số dấu chân
Của vô ngần ngờ vực
Và
Tiến thoái đờn đau
Trên cát mềm của nó.

Quá khứ không thể nào quên
Của buổi chiều mong manh ấy
Ngay cả hôm nay
Đều đang được soi xét
Trong phòng thí nghiệm
Của kí ức tôi
Và
Mỗi phân tử
Của câu hỏi
Mà tôi được cho sẵn
Đang bị dò xét
Nhìn qua
Những trang của những cuốn sách
Xếp trong thư viện của tôi
Từ thượng cổ.

1. Death and I

Many a time
Have been I
To his marked territory-
The forest
Of its
Planet sans Sun rays.

Walking in tune
With his pace
And
Beholding eye to eye
Have had arguments
Time and again
To comprehend
The mystery of my
Birth and death.

On my
Frequent visit & revisit
To his remote valley
Have left I
Innumerable foot prints
Of myriad doubts
And
Anguished dilemma
On its soft sand.

The unforgettable past
Of that fragile afternoon
Even today
Is being examined
In the laboratory
Of my memory
And
Each atom
Of my prescribed
Question
Is being probed
Glancing over
The pages of the books
That adorns my library
Since time immemorial.

2. Nhật ký lá xanh, bút ngọc lục và mực son

Chiếm lấy tủ quần áo của hấn
Là cuốn nhật ký màu lá xanh
Trên đó chạy
Chiếc bút máy ngọc lục bảo của hấn,
Đỏ bên trong,
Mỗi Chủ nhật.

Hấn họa
Với đầu ngòi son
Nhiều câu chuyện chiến tranh
Đi trước và
Đi sau
Hừng đông của văn minh loài người.

Trong rục đỏ lửa cháy
Huy hoàng trên những trang giấy hấn lạnh lẽo
Với ngòi văn đỏ
Của những đóa Palasa
Của những giai thoại rộm máu.

Đan dệt lời đỏ
Cho chính hấn sở hữu
Hiện sinh và hiện tồn
Hấn tiếp theo
Phác họa Mặt trời
Trong mọc và lặn
Trên những trang
Của cuốn nhật ký xanh lá,

Vi bóng tối đang trị vì,
Có lẽ đã phủ lên
Mặt trời của hần...

Có lẽ
Lời kêu đòi của hần
Đòi Mặt trời đang lên
Đã đưa hần
Chạy cây bút lục bảo,
Đỏ bên trong
Trên cuốn nhật ký lá xanh
Mỗi Chủ nhật
Lặp đi và lặp lại...

2. Green diary, emerald pen and red ink

Occupying his closet
Was a green diary
On which ran
His emerald Pen,
Red within,
Every Sunday.

Delineated he
With the scarlet fountain
Many a tale of wars
Prior and
Posterior to the
Dawn of civilization.

In fiery red
Glorified his cold pages
With red literature
Of Palasa blooms;
Of gory anecdotes.

Weaving red words
For his own
Presence and existence
He went on
Sketching the Sun
In rising and setting
On the pages
Of his green diary,
For the reigning darkness
Probably outshone
His Sun..

May be
His call for regaining
The rising Sun
Rendered him
Run his emerald pen,
Red within
Through the verdant diary
Every Sunday
Time and again....

3. Thơ!

Thơ!
Người đến
Nhiều lần
Qua ngòi cây bút
Cùng với
Những tia cảm xúc không bến bờ
Vượt qua
Những biên giới không hồi kết
Của bầu trời.

Người đến
Thường với rất nhiều
Phấn hương thần thánh
Và những lần khác
Một cánh rừng hoang
Của những ham muốn đầy nọc độc.

Người đến
Với thế giới đầy mật ngọt của ta
Như một giọt nước nhỏ nhoi,
Một ngọn núi lặng yên
Một dòng sông thì thầm
Một đại dương bình tĩnh;
Và nhiều khi như
Một con hươu cô độc
Lần khác
những lá đa xoay vần
Trong cơn bão.

Thơ!
Người đến bất diệt
Tạo ra vô ngần
Nguồn ánh sáng
Và rất nhiều khả năng cho
Bóng tối

3. Poetry!

Poetry!
Thy come
Many a time
Through the tip of pen
Accompanying
Rays of infinite emotion
Surmounting
The boundless border
Of the sky.

Come thy
Often with loads
Of Ambrosia
And the other time
A wild forest
Of venomous desire.

Thy come
To my nectarous world
Like a meek water drop,
A tranquil fountain
A murmuring river
A calm sea;
And often like
A solitary deer
The other time
banyan leaves whirling
In the storm.

Poetry!
Thy come perpetually
Bearing myriad
Sources of light
And many a pre-possibility
Of darkness.

(Translated into Vietnamese by Ngô Gia Thiên An)

NIRBHAY DEVYANSH



Tiểu sử

Nhà thơ Nirbhay Devyansh sinh ngày 15.01.1972. Ông viết thơ, truyện ngắn bằng tiếng Hindi. Ông là biên tập viên tạp chí Lahak (Ánh sáng) xuất bản bằng tiếng Hindi. Ông hiện sống và làm việc tại Kolkata, Ấn Độ.

Biography

Poet Nirbhay Devyansh was born on January 15, 1972. He wrote poetry and short stories in Hindi. He is the editor of Lahak (Light) magazine published in Hindi. He currently lives and works in Kolkata, India.

Tiếng thét hai em gái nhỏ

Tại Delhi đông đúc
Kẻ khủng bố đánh bom
Chúng giết người vô tội
Chúng tự do hoành hành
Tôi cũng ở Delhi
Đúng vào ngày hôm đó
Cũng ngay khu Chandi Chowk
Bọn khủng bố dã man

Nổ quả bom khổng lồ
May mắn tôi thoát chết
Nhưng mà hai cảnh sát
Tử nạn ngay tức thì
Người dân la hoảng loạn
Hàng trăm người bị thương
Chạy dọc ngang khắp chốn
Có hai em bé gái

Chúng gào khóc gọi mẹ
Mẹ ở đâu mẹ ơi
Mẹ vừa mới đây thôi
Mua đồ chơi rất đẹp
Mẹ vừa mới đây thôi
Dẫn các con đi chơi
Đi vòng quanh Chandi Chowk
Rồi bỗng tiếng nổ vang

Vụ đánh bom liên tiếp
Tiếng la hét thất thanh

Của hai em bé gái
Đạn xen giữa vụ nổ
Những sinh linh vừa xong
Bỗng chốc hóa tro tàn
Nào bao điều ao ước
Nào đồ chơi, đi dạo
Xung quanh khu Chandni Chowk.
Đâu rồi, ở đâu rồi???

Scream of two little girls

In the crowded area of Delhi Open the terrorists burst bombs
Kills the innocents
Non can stop them doing so They are free to do anything

I too was in Delhi that day
In Chandi Chowk the terrorists
Burst a huge bomb
Luckily I was saved
Two policemen where killed The public screamed in panic
Hundreds of men being injured
Started to flee here and there

Meanwhile two little girls wear crying aloud
They were saying
Where is Mom lost
Where is Mom lost
She brought us to buy toys To take us round the Chandi Chowk
Meanwhile another blast was there
Scream of the two little girls wear lost

In between the blast
Those who wear saved remained
There where only ashes
That had no wishes
Of toys
To move around the Chandi Chawk.

Nghịen thuốc lá

Không phải do nỗi nhớ
Về một người nào đó
Chỉ là muốn đốt cháy
Suy nghĩ của riêng tôi
Khi tôi hút thuốc lá
Dù mở hay nhắm mắt
Khi có vết thương lòng
Lúc đó cần điếu thuốc

Làn khói này mùi này
Sẽ đốt cháy nỗi buồn
Sẽ thiêu đi nỗi đau
Của con tim bầm dập
Ít ra điếu thuốc này
Còn tốt hơn tất cả
Người quen và người thân
Những người từng có lần

Hứa hy sinh tính mạng
Hứa đủ điều đẹp đẽ
Và rồi họ khuyếch tán

Lời hứa gió thổi bay
Như làn khói thuốc lá
Hun hút vào không trung
Mùi của trái tim cháy
Họ vô tình không hay

Addiction of cigarette

Not in someone's memory Only to burn my own sentiments, thoughts
I smoke cigarette
Whether eyes open or closed
Cannot see far and wide When a sympathizer
Hurts on wound
The body
Then need cigarette
This smoke
To burn the world of the heart
Is very helpful

At least this cigarette is better than
Those kith and kin
Who when are near
Even promise to sacrifice their lives
And even before our out of site
They diffuse their promises in air
Like smoke
These relatives assume
The smoke flying in air
To be a cloud
The smell of the burning heart
Never reaches them.

Cái chết không còn là bí ẩn

Cái chết không còn là bí ẩn
Đối với họ, nó hoàn toàn quen thuộc
Với những người từng sống ở đầm lầy
Với những người nhiều lần chìm nổi
Trong tự vệ bắt buộc
Bản chất của họ là không đầu hàng
Là hiên ngang đối diện với cái chết
Trái đất vẫn xoay vòng chuyển động không ngừng

Nếu còn sống thì họ sẽ sống vì nhân dân
Hạnh phúc của mọi người cũng là hạnh phúc của họ
Cái chết đối với họ không bao giờ là điều nuối tiếc
Ngay lúc này đây nếu điều ấy xảy ra
Họ không bao giờ sợ chết
Không bao giờ nói dối.

Death is no more a mystery

Death is no more a mystery to him it is absolutely familiar
Who live in Marsh
Who has sunk many a time in unwanted Self -defense
Even after that
Whose nature is not to stop Go forward toward death
The earth is moving in full speed

If they survive
Then for such people
Someone is happy on earth This too is for them
For whom death was never a mystery
Neither now nor it would be Only death
Never tells a lie.

Một người phụ nữ đang thức

Cả thị trấn đang ngủ trong im lặng
Trên cánh cửa thời gian
Tiếng khóc của những đứa trẻ đã ngừng
Có tiếng ồn ào náo loạn ngoài cửa sổ

Có gã say lặn ra đường
Có gã khác rơi xuống rãnh nước
Bao giờ kẻ say mới tỉnh
Tôi sẽ chộp lấy anh ta
Nói với anh ta rằng hoàng đế của bóng đêm không phải là một kẻ say
rượu, cũng không phải là một kẻ lang thang

Lá và hoa, chậu và Trái đất
Đèn giấy, thủy ngân
Tất cả đều được bảo vệ
Đang đêm có kẻ xâm lược
Lăm le những con đường
Tìm cách vào Ấn Độ
Để âm mưu hủy diệt

Nửa đêm cả thành phố chìm trong giấc ngủ say
Một người phụ nữ vẫn còn thức
Tên bà ấy là
Người Mẹ Ấn Độ.

One woman is awake

The whole town is sleeping There is silence
On the door of time
Crying of the children is stopped
There is riotous noise of windows
Some drunkards rolled down on the street
Others fell into the gutter Taking him to be a prey Stands near
When will the drunkard come out
I would Pounce on him
Tell him that the emperor of night is neither a drunkard nor boor

Leaves and flowers, pots and Earth
Paper light, mercury
All are deployed for security
It is night and some invader
Is looking at the ways
To enter India
Is waiting for total destruction

At midnight the whole city is in the deep slumber
One woman remains awake Her name is
Mother India.

Người Phụ nữ ấy

Với hình dạng có chiếc mũi kỳ lạ, khuôn mặt dài, thân tròn
Dáng hình của Ấn Độ

Mắt nhỏ - eo to

Trông như con thỏ

Đó là một người Phụ nữ!

Hãy tôn vinh cô ấy

Bạn có thể tò mò nhìn cô ấy đúng không,

Thôi, đừng nhìn

Người có nốt ruồi trên mặt, có nỗi khổ tâm không biết do đâu

Còn lại gì trong cuộc sống của nhau

Khi trái tim của người phụ nữ đau đớn!

The Woman

Pug-nosed—long face Round body, as if

Geography of India

Eyes small –waist thick Looks like a rabbit

She is a woman!

Honour her

How much do you look at her, don't look

At the mole on her face, the misery of the unknown heart Will increase

That more remains in her life When a woman's heart aches!

(Translated into Vietnamese by HFT)

SANJAY BORUDE



Tiểu sử

Tiến sĩ Sanjay Borude (Ấn Độ) là nhà thơ, nhà sử học và là dịch giả văn học.

Trình độ học vấn: Sau Đại học về Ngôn ngữ và Lịch sử, Cử nhân Luật, Cử nhân Báo chí, Tiến sĩ.

Tác phẩm: Thơ (3 cuốn: 2 cuốn bằng ngôn ngữ Marathi, 1 cuốn bằng ngôn ngữ Hindi), Sách giả tưởng (5 cuốn), phê bình (3 cuốn), Lịch sử (1 cuốn), Dịch thuật (Tổng cộng 2 cuốn. 1 cuốn dịch từ tiếng Anh sang ngôn ngữ Marathi, 1 thơ từ ngôn ngữ Marathi sang ngôn ngữ Hindi).

Biography

Dr. Sanjay Borude (India) is a poet, historian and literary translator.

Education: Postgraduate in Languages and History, Bachelor of Law, Bachelor of Journalism, PhD.

Works: Poetry (3 books: 2 in Marathi, 1 in Hindi), Fiction (5), criticism (3), History (1), Translation (Total) 2 books. 1 book translated from English to Marathi language, 1 book translated from Marathi language to Hindi language).

Lời bộc bạch cô đơn

TS. Sanjay Borude

1.

Thật không dễ
Để hiểu về
Những chiếc lá..

Chúng ta đây
Cần rũ sạch
Chạm tới đáy
Màu xanh cây
Rồi đong đầy
Sự chịu đựng

Màu đỏ máu
Hoa trở bông
Vết thương lòng
Con tim chịu
Để rể búi
Dựa linh hồn

Rất bồn chồn
Sau một hồi
May ra ngộ
Được chút thôi
Về cái gọi
Là chiếc lá

Thế nhưng mà
Để thấu hiểu
Ngôn ngữ lá
Thì có mà
Còn rất xa

2.

Ngày hôm trước
Ngày hôm qua
Tôi đã mua
Chiếc xe đạp
Tặng con gái
Để mong mãi
Có niềm vui
Sẽ ngủ vùi
Trên gương mặt

Trong ánh mắt
Gái rượu tôi

Con lớn lên
Có thể quên
Khoảnh khắc này...

Nào có hay
Giây phút ấy
Chiếc xe đạp
Chẳng còn đạp
Niềm khát khao
Sẽ để vào
Chiếc xe khác

Chiếc xe đạp
Con sẽ quay
Những bánh xoay
Trên đường phố
Bóng nhấp nhô
Con tự chủ
Kỹ thuật giữ
Thăng bằng đủ

Rồi một ngày
Gặp chướng ngại
Con mới hay
Con đường này
Dòng đời ấy
Không phải đâu
Dễ đối đầu
Chẳng phải đâu
Luôn bình lặng

Sự thật đấy
Tôi bắt đầu
Dậy con thấu
Hiểu cho sâu
Con đường dài
Tương lai mở

Vì lẽ đó
Tôi tặng con
Chỉ mình con
Chiếc xe đạp

3.

Ngay sau khi
Con người ta
Hoàn thành việc
Vụ nhân bản
Chú cừu Dolly
Họ tạo ra
Một hình hài
Nhân danh Chúa...!

Và sau đó
Đã ám sát
Chúa ngoài đời
Bằng bàn tay
Của nhân bản
Rồi tự mãn
Để phô trương
Nhân danh Chúa
Lòng thành tôi!

4.

Thực tế là

Anh ấy đã

Điên cuồng đau

Sau hàng cây..

Anh ấy trồng

Khi bạn bè

Anh ấy tới

Đặt câu hỏi

Một chuyến chơi

Trong rừng Matheran

Anh trả lời,

“Bạn thân ơi

Định làm gì

Vườn cây đó?”

Rồi chỉ chỗ

Khu vườn nhỏ

Mà anh đã

Gây dựng nên

Trên đất nền

Một sân trống...

Khi có khách

Đến hỏi anh

Làm chàng rể

Con gái họ,

Vào lúc đó

Anh tưới nước

Chăm sóc cây...

Những người khách

Ra sức kể

Về cô gái

Con của họ

Anh lặng im...

Không nói gì

Rồi khi họ

Định quay đi,

Thì anh hỏi,

“Con gái bác

Có bao nhiêu

Cành cây nhỏ?”

Ngày hôm qua

Chính phủ đã

Trao bằng khen

Có tên là

‘Bạn của cây’

Anh chôn ngay

Vào lòng đất

Rồi gieo trồng

Trong lặng im

Từ con tim

Bây giờ thì

Anh mệt rồi

Chỉ có ngồi

Dưới tán này...

Và hàng cây

Chăm anh ấy

Như là cha

Đã từng là

Nuôi khôn lớn

5.

Nhiều ngày trôi
Khi mà tôi
Không thể viết
Nổi bài thơ
Đời thực như
Là địa ngục

Một bài thơ
Sẽ ra sao?
Như bông hoa
Trong vườn Umbar?
Hay là ngọt
Như trái chín?

Nếu cả hai
Đều không phải...
Tôi làm gì?
Để tồn tại
Hành trình dài

Sẽ rất sai
Tội thêm mãi
Khi mà tôi
Không thể sống
Một cuộc đời
Giống người ta...

Những cây nấm
Được mọc lên
Trên củ mục
Linh hồn rũ
Mũi tên lao

Con tim đau
Dày xéo nhàu
Nát thân tội
Bóc lột tôi
Đổi xử tội
Đồng tiền bạc

Rồi cuối cùng
Đã đến lúc
Tôi bước vào
Một cái hang...
Nhận ra rằng
Kẻ mồ côi
Bị rượt đuổi...

Mà thực ra
Phải thú nhận
Rằng thơ ca
Thật ra là
Mặt trời nhỏ
Có hồng hoa
Đi xuyên qua
Hồn tĩnh lặng
Người hay chăng?

6.

Trên vai anh
Vẫn cảm thấy
Hơi thở ấy
Là của em
Làm sao xem
Như không được...

Lời yêu thương
Dưới thảm giường
Khao khát dục

Vụt qua nhanh
Lời bộc bạch
Hơi thở nghệt
Áp lực tăng
Trong hoàn cảnh
Độc tố nặng...

Giọt nước mắt
Chảy vòng quanh
Đau lòng anh
Bị phản bội
Mất niềm tin
Bầu trời chìm
Màu đen tối

Anh hấp hối
Giọt mồ hôi
Đắm thân tội
Thì hiện tại
Và...
Và...
Và
Toàn thân đau
Chỉ một màu
Chìm đau khổ...!

8.
Khi người ta
Ít khi nói
Không có nghĩa
Là không biết
Mà thực ra
Họ rất biết...
Viên đạn lạc
Bắn gục ai

Họ cũng biết
Nhiều, nhiều thứ
Về chúng ta
Về tất cả...
Người ta nhìn
Nửa con mắt
Mọi sự thật
Họ biết tất

Các bài học
Mọi nghi thức
Trường lớp dạy
Thật không may
Chẳng hữu ích
Trong cuộc sống
Ngày hôm nay.

Đạo đức ư?
Một chủ đề
Khá nhạy cảm
Họ cho rằng
Nếu một người

Hành xử tốt
Phải khiêm tốn
Nhà tư tưởng
Thì chắc phải
Người biết tuốt
Một nhà thơ
Chắc hẳn là
Kẻ vô dụng
Trông chờ chi
Họ biết gì
Để mà nói

Khi một người
Được cho là
Kẻ thông minh
Nhìn thấu hình
Từ bên trong
Biết sử dụng
Nhiều câu chữ
Họ luôn có
Giải pháp cho
Tình huống khó
Họ có thể
Tạo vấn đề
Kẻ khùng bố
Trở mặt nhanh
Sau tất cả
Vẫn lặng im
Cho đi tìm
Kệ không nói

Rồi có khi
Họ lập lò
Thành trung lập
Họ bắt đầu
Hành trình sâu
Chỉ im lặng
Cho thiên hạ
Thêm bối rối
Chính vì vậy,
Đố ai đoán
Họ nghĩ gì

Cái này & cái kia...
Để cho họ có thể
Hay là không có thể
Họ nói quá nhiều rồi
Giờ chỉ giữ lặng im?

9.
Trong các mối quan hệ
Chúng ta cần phải giữ
Chăm sóc chúng đầy đủ
Như khi cây non nhú...
Ở mọi lúc mọi nơi

Đừng khi nào xa rời
Hãy nhẹ nhàng lời nói
Đừng để bị ảnh hưởng
Rồi làm nhau tổn thương
Hãy khiêm tốn nhún nhường

Mối quan hệ thân thiết
Đừng để phải hối tiếc
Bởi chúng rất dễ dàng
Bị hủy diệt tiêu tan
Chỉ với ngòi lửa nhỏ
Bằng nghi ngờ vu vơ
Chúng ta cần ghi nhớ,
Trong các mối quan hệ
Chỉ một điều tồi tệ
Khi đã xảy ra rồi
Thật đáng tiếc trời ơi
Dẫu hàng triệu điều tốt
Cũng sẽ bị tan tiêu
Phải nỗ lực thật nhiều
Để thanh minh thuyết phục
Rồi cuối cùng bất lực
Thật khó có thể tin
Mối quan hệ dần chìm
Xa nhau trong lặng im

Mọi người đồng ý không
Trong các mối quan hệ
Chẳng bao giờ có thể
Hoàn hảo và ngẫu nhiên

10.

A) Đàn ông thì có thể
Tải tẩm hình thật phê
Nữ anh hùng bất kỳ
Hoặc bạn gái lâm ly
Để lưu vào điện thoại

Nhưng đừng hòng ngược lại
Các quý cô đừng dại
Tải áp phích nam nhi
Hoặc lưu số bạn trai
Giống như là bạn gái

B) Có gì đó sai sai
Khi đàn ông thống trị
Phụ nữ có hơn gì
Chiếc điện thoại di động
Điều khiển bởi đàn ông

C) Chính vì vậy biết không
Sẽ luôn có bức hình
Của chồng, con mặc định
Trên điện thoại của mình
Hầu hết các quý cô
Đều sống kiểu giả vờ
Bởi hệ thống thực thi
Buộc phải theo đạo lý

Phụ nữ thì dường như
Chồng có bồ tha thứ
Còn nếu người phụ nữ
Có bồ xem như hư
Loại đàn bà cặn bã
Bị khinh bỉ ruồng rã
Vi phạm nền văn hóa
Muôn đời chẳng xóa nhà.

Voice of loneliness

1.

It is not
So easy
To understand
The leaves..

We have to
Empty out
The bottom of
Greenery
With the strength
Of our endurance...!

A red blood-shaded
Flower has to grow
In the wound
Of the heart..
Let the roots
Have to
Search the spirit
Or essence

Then & then only
There is a
Slight possibility
Of knowing the language
Of leaves..

But to understand
The leaves
May be far away
From it..!

2.

A day before
Yesterday
I bought
A bicycle
For my daughter
And let the joy
On her face
Be carved
In my eyes...

She will grow up
And perhaps
May forget
This moment..
But still I gifted her
A bicycle
And avoided her
Thirsty glance
At other bicycles..

She will take this
Bicycle on the road
She will get
Technique of balancing
Herself
With every pedal..

And the energy
To defeat the directions..
Her glance will die
To the obstacles
On the road
And one Day
She will
Come to know
That
The road is not
Secure for her
At any time..

But it is true
I started her
Journey
For her future..

That's why
I bought a bicycle
For her only...

3.
After
The completion
Of the experiment of
Creating the
Clone of Dolly Sheep
They created
A clone of The God...!

Then they
Assassinated
The real God
By the hands of
The Clone
To declare themselves
And to flaunt as
The Father of God...!!

4.
Actually he was
Mad after the trees..
He grows
With the growth
Of trees

Once his friends came
And asked to have
A trip at the jungle of
Matheran - a hill station.
Then he replied,
"What to do with
This jungle?"
And pointed at
The jungle which
He developed
In the yard..

When the guests
Came to see him
As a bridegroom
For their daughter,
He was watering
And looking after
The trees..
The guests told
About their girl
But he remained silent..
When they turn to go,
He asked,
"How many branches
Does she have?"

The day before
Yesterday
The Government
Awarded him as
'Friend of Trees'
He buried it
Into the soil,
Sowed a plant of
Silence
And watered it...!

He is tired now
Hence used to seat
Under the trees..
And the trees
Look after him
As a father of them...!

5.
Many days passed
When I reached
To the fact -
One can't write
A poem
Unless his life
Become The Hell..

How should look
At the poem?
A flower of
Umbar* ?
Or a fruit of
Tenacity?
Both are useless..
Then what did
I got through
This long journey?

It seems to be
A big crime as
I can't live
A common life..
The mushrooms
Grown on the
Dumping ground of
Mind,
The arrows are
Paining me.

*umber = a fig tree whose flower
can't seen

Everybody exploits me
They counted
My each & every success
In the language of money..

At last
I reached at
The entrance of
A cave..
The awareness of
Being orphan
Was chasing me..

But
It has to state that
A small Sun of
Poetry
Rose through my soul.
Can you look at him?
Or can you get it's light?

6.
My shoulders
Still feeling
Your breaths
Which I can't bear..
The softer words
Under the carpet
Of lust
Slides over

The tiles of mind.
The chest get crashed
Under the pressure
Of the viral circumstance..
The hunter burns the back
The eyes are flowing
With the hot tears
Due to the betrayal..
The sky of belief
Turns into the black smash..
Thus
The present tense
Sweats to the hands..
And..
And..
And
The whole body pains
With a blackish-blue
Agony...!

8.
People don't talk
Means it is not so that
They don't know..
But they know about
The bullet hit
And somebody collapsed.
They know
Much, more things
About us,

About all..
People look
With blinking eyes
It is another fun
That people know,
The lessons, etiquettes
From the school
Are not useful
In day today life.
Morality is
A sensational subject
For them..
The person of
Good behavior
Is timid.
And a Thinker is
Like an ox embroidered
A poet is a useless
And hopeless thing
They spread these
New terms..

People became clever
They peep
Inside us.
They used to change
Their language.
They are having
Solutions of all the dilemmas
Or we can say that
They are able

To create the problems
As they became digital.
They developed
A new technique
Of alighting the fire
With the help of
Words only.
They can certify
To a anybody
As a terrorist
But still they don't talk
It doesn't matter
Who came & gone
For them.
I suspect,
They are
Becoming neutral
They started long marches
Where they keep mum
They confuse us
So nobody can guess
Exactly
What they are thinking

This & that...
Let them..
Or isn't it possible
For the people that
They speak much
By keeping mum?

9.

Relations

We have to preserve

And look after them

As like a teenage plant..

Each & every time

We have to take care

Not to break it

We have to speak

So soft & balanced

This shouldn't affect

And hurt them

The relations are

So tender that

They can get burnt

With little fire

Of different thoughts,doubts

Remember,

The relations

Always keep in mind

A single bad thing

And do forget

The millions of good things

We have to try hard

To convince them

For our helplessness.

I don't believe that

The relations empower us.

We get crashed by

Carrying them

Now everybody has

To agree with me:

Relations can never be

Ideal;

And Transparent

10.

A)

There may be

The photos of

Heroines

Downloaded in the

Mobile phone of Gents

Or of a girlfriend

But in reverse

The ladies can't

Download

A poster of a macho man

Or we can say that

The ladies has to

Save the number

Of their boyfriend

As a number of girl..

B)
In this
Gent ruling system
The ladies are
As like a mobile phone
Whose keyboard
Is under the control of
Male

C)
That's why
There is a photo
Pasted
Of a child or
A photo with husband

To the profile
Most of the ladies
Has to pretend like this
Because
The system enforce them
To show the morality..
Ladies can
Accept the girlfriends
Of their husband
But It is supposed
To be disgusting
To have any boyfriend
For the ladies
It is supposed to be
Cultural & moral offence.

*(Translated into Vietnamese by
Khánh Phương Vintage Lover)*

PRAVAMAYEE SAMANTARAY



Tiểu sử

Pravamayee Samantaray là nhà giáo dục, nhà thơ, họa sĩ, nhà văn và là thư ký của Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam bang Tây Bengal. Bà đã xuất bản hai tập thơ riêng và đồng thời dịch hai tập thơ từ tiếng Hindi sang tiếng Odia. Nhiều bài thơ của Pravamayee Samantaray đã được chuyển ngữ và xuất bản tại các ấn phẩm văn học của Việt Nam, Uzbekistan, Kazakhstan và nhiều quốc gia khác. Các bài báo của bà cũng được đăng tải trên nhiều báo và tạp chí tại Việt Nam và Uzbekistan.

Biography

Pravamayee Samantaray is an educator, poet, painter, writer and secretary of India-Vietnam Solidarity Committee of West Bengal State. She published two separate poetry collections and also translated two poetry collections from Hindi to Odia. Many of Pravamayee Samantaray's poems have been translated and published in literary publications of Vietnam, Uzbekistan, Kazakhstan and many other countries. Her articles have also been published in many newspapers and magazines in Vietnam and Uzbekistan.

Smile

You fill your smile
In containers and
Keep them in different places
Just like mother did keeping
The essential commodities
In various containers
At various places
So that nothing falls short when needed.

Nụ cười

Này bạn hỡi hãy mang nụ cười của bạn
Lấp đầy những chiếc hộp trống không
Rồi cất chúng ở những nơi riêng lẻ
Như mẹ ta bao năm đã từng
Giữ như thể các mặt hàng thiết yếu
Bảo quản trong niềm hân hoan
Khi thiếu hụt lấy ra dùng bạn nhé
Để nụ cười xua đi hết lo toan.

(Phạm Văn Anh - dịch)

Wave And Shore

I persuade the waves everyday
To leave the scuffle
And make peace with the shore
But it ignores
The advice of a quaint rock lying nearby.
If you are that powerful, then go
And face the storm
That rises somewhere far away
In the midst of the sea
And makes the boat sink.
But no, it has to stay there near the shores
Sometimes teasing it
Sometimes fighting
Or loving some other time.

Sóng và bờ

Mỗi ngày...
Tôi thuyết phục những con sóng
Rằng, đừng xô đập nữa
Hãy làm hòa với bến bờ
Nhưng sóng vẫn phớt lờ
Mặc kệ lời mọi lời khuyên
Kể cả tảng đá lạ kỳ gần sát đó khích bác
Rằng, nếu bạn mạnh mẽ nhường này
Hãy đi xa...
Và đối diện bão giông
Hãy duyên cao giữa vùng biển mênh mông
Nhấn chìm mọi con tàu qua lại
Nhưng không, sóng mặc kệ
Nó nhất quyết bám bờ
Dẫu chỉ để trêu chọc
Dẫu chỉ để gặm ghè
Đôi khi yêu se sẽ...

(Phạm Văn Anh - dịch)

Hope

Hope is a lamp
That struggles
With the storm everyday
And keeps blinking
Even at the verge of being extinguished
Because even before extinction
A drop or two remain
That form the strength of
A fresh beginning.

Hy vọng

Hy vọng thấp ngọn đèn
Giữa gian nan tranh đấu
Tựa như trong giông tố
Vẫn lấp lánh niềm tin

Khi miệng vực kẻ bên
Dẫu sa vào tuyệt diệt
Một đôi giọt hi vọng
Làm sức mạnh bùng lên

Một khởi đầu vững bền
Thắp sáng từ ý chí.

(Phạm Văn Anh - dịch)

RESHMA RAMESH



Tiểu sử

Tiến sĩ Reshma Ramesh là một nhà thơ song ngữ viết bằng tiếng Anh và tiếng Kannada. Cô từng đoạt giải thưởng cho tác phẩm song ngữ. Cô từng có hai ấn phẩm đặc biệt có tựa đề *"Sự phản chiếu của Áo ảnh"* và *"Nửa vầng trăng"*. Cô còn có tập thơ và ảnh *"Ngôn ngữ của bóng tối"*.

Cô là một nhà thơ, nhà văn sáng tạo, biên tập viên, nhiếp ảnh gia và dịch giả. Reshma vinh dự có bài thơ *"Xin dâng trái tim tôi ở Olympos"* được trưng bày tại khu tàn tích của Thành phố cổ Olympos, Thổ Nhĩ Kỳ.

Biography

Dr. Reshma Ramesh is a bilingual poet who writes in English and Kannada. She has won awards for her bilingual work. She once had two special publications titled *'Reflection of Illusion'* and *'Half Moon'*. She also has a book of poetry and photographs *'The Language of Darkness'*.

She is a poet, creative writer, editor, photographer and translator. Reshma is honored to have her poem 'Offer My Heart to Olympos' displayed at the ruins of the Ancient City of Olympos, Türkiye.

Những ngọn núi có ký ức

Ký ức về sự im lặng, về cơn mưa chậm chậm,
Về sắc tím ẩm ướt, những bài thơ chưa kịp viết lên,
Tiếng gọi của người chần chừ, sự thanh thản của bông tuyết rơi,
Và cả cơn gió lạnh sinh ra giữa hàng thông ngái ngủ.

Những ngọn núi dường như đã nuốt chửng
Tiếng khóc mỗi bình minh, nắm xương tàn của người lính
Khoảng cách hư vô giữa chiếc lá rơi và mặt đất.
Chúng bình thản như thể chẳng quan tâm đến sự có mặt của ai.

Gióng như thể chẳng có gì làm xấu đi hình ảnh thung lũng bị đốt cháy
không ai khóc thương
thậm chí chẳng xót xa gì con chim run rẩy vì đứa con của nó chưa kịp
chào đời.

Thế mà, bỗng dưng chúng trở nên sống động
Những ngọn núi trở mình trên con đường có con ngựa dong chơi,
Những chú ong mật no nê, tiếng kêu be be của chú cừ non nào đó.
Chẳng mấy chốc mọi thứ lại đổi thay
Như thể bị nhấn chìm sự cô độc trong lòng bàn tay tôi.

Có lẽ một ngày nào đó chúng sẽ thức dậy
Và ta biết, chúng cũng có trái tim!

The Mountains have a Memory

The Mountains have a memory
A memory of silence, slow rain,
Of a damp violet, unwritten poems,
A shepherd's call, the laziness of the falling snow,
And a wind taking birth among sleepy pines.

The mountains seem to have swallowed
The cry of every dawn, a soldier's bones
And the distance between a falling leaf and the ground.
Yet they are calm as if you were absent.

Like nothing has walked past their burning valleys
and no one has wept
Not even a black bird for her unborn child.

Sometimes, suddenly they come alive
The mountains breathe through wandering horse trails,
Wet honey bees and the faint bleat of a lamb.
No sooner they get quite like a cemetery
Than they drown their solitude in my tiny palms.

Perhaps someday they will wake up on my chest
And remember that they too have a heart.

Bài thơ này

Bài thơ này ví như ngôi nhà đóng kín cửa
nơi mùa đông tạm ở bên ngoài để ưu tiên cho việc nhâm nhi những
cuốn sách
những trang sách được đánh dấu, được nghiền ngẫm suy tư.

Bài thơ này đang nhón nhờ nhìn ra ngoài ô cửa,
Ngoài kia phố phường tấp nập ngược xuôi
biển được chuyển thể thành những con đường, nối đuôi nhau
như thể người lính bước đi trên đi đôi giày nặng nhọc mơ tưởng về
quê hương.

Bài thơ này là con thuyền giấy giăng buồm từ em sang anh
đen trắng, ướt át, mang theo những đứa trẻ ra hải đảo
chúng mơ ước được thức dậy bên cạnh người mẹ của mình.

Bài thơ này là một con phố ở một thời gian nào đó trên một không
gian không rõ ràng
chúng ta sẽ gặp nhau để vỗ về em
mà nếu không gặp được nhau thì hãy đặt tay anh lên ngực em.

Bài thơ này là bài thơ xuất hiện lần thứ hai
một cậu bé mà khắp mình bị bao phủ lớp đen bồ hóng,
không lời nhưng như thể đấm lời, nhắc nhở anh rằng
anh chưa bao giờ thoát khỏi nơi mà anh được sinh ra

This Poem

This poem is a house with closed doors
where winter pauses to look into books
for familiar ear marked pages or the absence of it.
This poem is looking out of a window,
swapping cities, split
beginning to draw the sea into its lines, line by line,
like a soldier walking with heavy boots thinking of home.
This poem is a paper boat sailing from you to me,
black and white, wet, carrying children and islands
who dream of waking up beside their mother.
This poem is a street where somewhere someday
we would meet to find myself drawn
to our absence with your hand in my chest.
This poem is a poem that arrives for the second time
a boy covered in soot,
sound of his words, reminding you that
you never left where you started

Đây không phải là một bài thơ

Đây không phải là một bài thơ
Mà là những lời đẫm máu thịt
Những điều miêu tả trong giờ giới nghiêm

Đó là nội dung chính của một bài hát
Một phong thư không lời
Nút thắt rối rắm của người Trung Hoa đang thiêu rụi

Đầu hàng vì một nửa chiếc bánh
Tấm bảng đen trơ trụi trong trường học
Là sự im lặng ở khu Gupkar

Ánh sáng mờ dần của con người.
Là bằng chứng của viên đạn
Cơ điên của người đàn ông

Mảnh đạn không thể tha thứ
Làm con mắt bị lỗi ra, lưỡi thè lè
Con ốc ngậm lời cầu nguyện

Đây không phải là một bài thơ
Bởi chẳng ai có thời gian
Để viết nên thơ cả

Một nơi mà anh sẽ không bao giờ ghé thăm
Chẳng ai có thời gian để mà lắng nghe
Về ngôi nhà trống rỗng

Chẳng ai có thời gian để nhìn vào mắt
Của những người chẳng chút quyền lực có thể biến mất
ngay trong ngày mai?

...Nếu tình cờ anh có quên
Như anh vẫn thường như vậy...
Đây không phải là một bài thơ

This is not a poem

This is not a poem
It is flesh filled words
That walked out in the curfew
It is fish bones of a song
An envelope without words
Tangled knot of burning Chinars
Surrender of a half-cooked bread
Empty black board in the schools
It is the silence of the snow in Gupkar
The fading light in your pupil.
It is a testimony that the bullet found
A maternal uncle's madness
The shrapnel of forgiveness in
A pellet ridden eye or a tilted tongue
A periwinkle soaked in prayers
This is not a poem
Because who has the time
To write a poem to
A place that you will never visit
Who has the time to listen to the voices
Of an empty house
Who has the time to look in the eyes
Of people who may disappear
tomorrow into graves?
If by chance you forgot
Like you usually do
This is not a poem

Im lặng

Im lặng là một điều thâm kín của biển cả,
là bức tường bồ hóng,
là ký ức thân mật có yếu tố dung tục.

Im lặng là vùng nước nông quanh mắt cá chân,
là ánh chiều chôn vùi tổ én.
Im lặng là nụ hôn lơ lửng,
ướt át và dang dở.

Im lặng là cánh tay trống rỗng ra tay cứu đói
Vươn tới những ngọn núi
Im lặng là cánh cửa mở ra như một cuốn sách
Và khép lại như một bài thơ.

Silence

Silence is a slice of sea,
a wall of soot,
an intimate memory acquiring flesh.
Silence is shallow water resting around your ankles,
is the evening light burying into a swallow's nest.
Silence is a kiss that hovers over a pond,
wet and unfinished.
Silence is an empty wing that hands out hunger
To the mountains
Silence is a door that opens like a book and
closes like a poem.

Những thứ ông bỏ lại phía sau

Ông tôi để lại,
Những cánh hoa rơi, vài cây cam trơ trụi
Một khoảng sân bao la
Có những điều chưa được khám phá

Mọi thứ rất thân quen
Một căn phòng đầy ánh sáng
Dòng sông hiền hòa
Bàn chân đau nhức của bà

Ông bỏ lại phía sau,
tấm rèm trang trí
lời yêu thầm thì
bàn tay hé mở
cây xoài rụng quả
lời cầu nguyện thiết tha

Viên ngói vỡ,
nơi con chim dệt tổ
trên mái nhà
Nơi những con mọt trú ngụ
Trong trang sách những câu chuyện ru ngủ

Ông để lại phía sau,
bà tôi
trong một căn phòng hờn dỗi
có ô cửa sổ mở toang
những thứ từ biển cả lấp đầy ngực bà
nét tang thương của ngôi nhà trống rỗng

Đó là tất cả những thứ mà ông bỏ lại phía sau.

Things that he left behind

My grandfather has left behind
Falling parijathas with orange stems
A courtyard that opens like the world
With things to be discovered
Yet Familiar like a lover's skin
A living room where light flows
Like a river every morning touching
The banks of my grandmother's aching feet
He has left behind mogras that lean
Towards the sun and speak a language
Of togetherness
Mango trees that drop fruits into
Anyone's hands who open
Their palms into prayers
Broken tiles where a weaver bird
In the roof will build her home
Slithering book worms dwelling
In musty pages with stories that long for closure
He has left behind my grandmother
In a sulking room with open windows that draws
Broken things from the sea to fill her bosom
With heaviness of an empty house
And all the things that he has left behind.

Sống trong thơ

Sống trong thơ là thức dậy với những động từ suy tư trần trở
Với những mệnh đề nhận thức mộng mơ
Với những giới từ không xa lạ với tình yêu!

Sống trong thơ là gắn với trạng từ mang tính phán xử
Bức tranh nào treo trên tường phù hợp,
Đoạn trích nào quy định ai giặt giũ, nấu ăn
Đại từ nào cần bỏ qua không tính.

Sống trong thơ là thông thổ biểu đạt
Dùng từ nào cho cái chết đau thương,
Ngôn ngữ nào khi nói về người mẹ
Miêu tả nào để tránh những nhàm chán.

Sống trong thơ là có cùng nhịp đập,
Là tiếng nói đồng cảm của số phận mong manh
Để cảm nhận dòng máu trong tĩnh mạch
Ngữ pháp ư, trình tự ư... đừng nên xem trọng
Bởi chẳng có gì là tuyệt đối đúng sai

Sống trong thơ là có ngôi nhà mà chẳng ai muốn ghé qua
Bởi ngôi nhà mà chủ nhân luôn vắng mặt
Có đi xa mới tìm ra mới mẻ
Một chốn vô thường như trái tim bướng bỉnh
Nơi mỗi ngày tôi học cách chịu đựng
Với những người xa lạ trong thế giới chúng ta

To live inside a poem

To live inside a poem is to wake up to verbs with personal reflections
Nouns that are aware of the way they smell and
Prepositions that are not surprised with love!

To live inside a poem is to have adverbs deciding
What painting goes up on which wall,
Articles deciding who does the laundry, cooking and cleaning
The pronouns completely ignoring the articles and adverbs.
To live inside a poem is to have walls of dialects all speaking about
Death or loss, windows of adjectives speaking of mother,
woman or her.
Roofs which are always falling into the familiarity of sentences.

To live inside a poem is to have the heartbeat of infinitives in
your ears

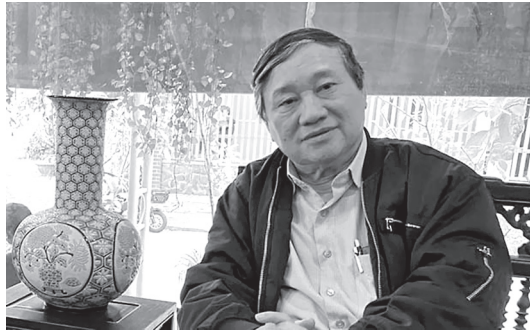
To feel the acronyms flow through veins of unease
Where grammar is constantly gaining approval
From swathes of files sitting on a rotten banana.

To live inside a poem is to have a house that you no longer want
to visit
It is that home the more you travel away from the better you feel
It is a place where a sense of impermanence beats like a heart
And your absence resizes every room where every day I learn to
tolerate strangers.

(Translated into Vietnamese by Khánh Phương)

Mùa xuân và những đóa hoa

■ HUỲNH VĂN HOA



Nhà nghiên cứu Huỳnh Văn Hoa

Văn hóa và văn minh Ấn Độ giữ vai trò quan trọng trong văn hóa Việt Nam. Ấn Độ để lại trong tâm thức người Việt Nam những dấu ấn sâu sắc qua đạo Phật, qua nền văn hóa Champa. Nhìn chung, không tách rời văn hóa Ấn Độ ra khỏi văn hóa Việt Nam.

Nằm trong chiều hướng đó, Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ thành phố Đà Nẵng cho ra mắt tập thơ song ngữ Việt - Anh của một số tác giả Đà Nẵng và tác giả Ấn Độ. Theo chúng tôi, có lẽ, đây là địa phương lần đầu của Việt Nam xuất bản một tuyển thơ của hai quốc gia Việt Nam và Ấn Độ.

Các tác giả Đà Nẵng gồm 5 nhà thơ: **Thái Huyền** (Thích Huệ Vinh), **Nguyễn Nho Khiêm**, **Trần Phương Kỳ**, **Mai Hữu Phước**, **Bùi Xuân**.

Các tác giả Ấn Độ là những nhà thơ nổi tiếng, đó là: **Kabir** (Khoảng thế kỷ 15), một trong những nhà thơ vĩ đại nhất thời Trung cổ; **Rabindranath Tagore** (1861-1941), từng đạt giải Nobel văn học năm 1913; **Bhawani Shankar Nial** (sinh năm 1968, nhà hoạt động văn hóa, xã hội, chính trị Ấn Độ, nhiệt thành cho sự phát triển bền vững và cho nền dân chủ nhân dân); **Nirbhay Devyansh** (sinh 1972, làm thơ, viết văn, biên tập tạp chí Lahak (Ánh sáng), sáng tác bằng tiếng Hindi, hiện sống và làm việc tại Kolkata; **Sanjay Borude**, nhà thơ, dịch giả, nhà sử học; **Pravamayee Samantaray**, nhà thơ nữ, nhà nghiên cứu văn học và một nhà giáo dục của Ấn Độ; **Reshma Ramesh**, tiến sĩ - nhà thơ Ấn Độ - người đến Việt Nam lần đầu tiên nhưng đã có cảm giác như được về với ngôi nhà của mình.

Qua văn thơ của họ, ta nhận ra một đất nước kỳ diệu, một thế giới đa dạng và một nền văn hóa phong phú, sinh động. Quả vậy, từ những vần thơ đó, ta khám phá ra bao điều lớn lao, đẹp đẽ mà với hữu hạn của đời người, ta cảm thấy mình nhỏ bé.

Những nhà thơ được giới thiệu là những nhà thơ trung đại, đương đại, có tác phẩm được bạn đọc quan tâm, tìm đến, gợi được thế giới nghệ thuật riêng.

* THÁI HUYỀN (THÍCH HUỆ VINH)

Thơ thượng tọa Thích Huệ Vinh là thơ về chốn Phật. Ở đó, ta gặp những cảnh trí, những cảm xúc, những suy tư về Phật pháp được thầy chuyển tải thành thơ. Thơ đó, vượt ra ngoài những khuôn mẫu, thể thức thơ ca, chỉ còn lại tấm lòng, sự ngưỡng vọng. Bài thơ *Về xứ Sankasya* là sự tìm về, thanh sạch nơi chốn Phật. Bài thơ ngắn, như một tâm sự:

Về xứ Sankasya

Bao lữ khách tìm về nơi xa xăm!

Một chiều thu Ấn Độ

Miền quê nghèo

Trên cánh đồng bát ngát

Nghe tiếng kinh cầu

*Người về trong tâm thức! Cúi đầu đánh lễ!
Chim quạ chiều tìm chút thức ăn thừa sót lại trước hoàng hôn!
Ngọn nến ánh mờ chập chùng khói hương lời kinh vọng tiếng
khánh trời!*

*Bao nghìn năm trước bỗng hiện về:
Những cây cầu
Ngân châu vàng ngọc
Rực sáng nâng gót Người về từ Đao-Lợi
Thiên cung bảo điện huy hoàng!
Ngàn sau trước cũng là trong tâm tưởng!
Con quỳ lạy cảm thương!
Người thương cảm trần gian cây cỏ những tàn xiêu u uẩn.
Trôi trong dòng vô tận diệt sinh.*

Về xứ Sankasya là về một thánh tích Phật giáo, nơi đây, tương truyền rằng, đức Phật sau khi lên cung trời Đao Lợi, giảng pháp cho chư thiên và mẹ là Hoàng hậu Maya, ngài đã xuống trần thế tại địa điểm này. Do vậy, Samkasya đã trở thành một trung điểm hành hương vì lẽ, nơi đây được mọi người biết đến như một nơi mà đức Phật đã thực hiện một trong tám phép lạ vĩ đại của ngài.

Tác giả bài thơ là một lữ khách, lữ khách một phương xa, tìm về một miền quê nghèo, trong một chiều thu, lắng nghe tiếng kinh cầu.

Trong dòng chảy của thời gian, giữa ánh mờ của ngọn nến, giữa chập chùng khói hương và lời kinh vọng tiếng khánh trời! Tâm hồn hòa vào lời kinh, cúi đầu đánh lễ và nghe thấy những cảnh của bao nghìn năm trước của xứ Samkasya bỗng hiện về:

*Những cây cầu
Ngân châu vàng ngọc
Rực sáng nâng gót Người về từ Đao-Lợi
Thiên cung bảo điện huy hoàng!
Ngàn sau trước cũng là trong tâm tưởng!
Con quỳ lạy cảm thương!
Người thương cảm trần gian cây cỏ những tàn xiêu u uẩn.
Trôi trong dòng vô tận diệt sinh.*

Một sự hòa điệu đầy cảm thông giữa *Người về từ Đạo lợi* và kẻ *Cúi đầu đảnh lễ* về niềm nhân từ, bác ái, sự gặp gỡ của ngàn trước và ngàn sau, để rồi:

Người thương cảm trần gian cây cỏ những tàn xiêu u uẩn/ Trôi trong dòng vô tận diệt sinh.

Viết về Phật và đất Phật hiếm thấy những dòng thơ chân thành như thế!

Bài *Khổ Hạnh Lâm* cũng nằm trong dòng chảy tâm thức đó. Bài thơ nói về cõi Bồ Đề Đạo Tràng, nơi mà ngay giữa tuổi xuân xanh, trong khoảng thời hoa niên, Ngài đã cắt bỏ râu tóc, mặc dù cha mẹ phản đối, với khuôn mặt đầy nước mắt, Ngài vẫn khoác áo cà-sa, từ già gia đình, xuất gia, sống cuộc đời khổ hạnh như Trung Bộ Kinh đã nêu. *Khổ Hạnh Lâm* là tên của một khu rừng thuộc thị trấn Uruvela, bên dòng sông Naranjana, tiểu bang Bihar ngày nay. Đây là nơi đánh dấu một chặng đường quan trọng của Bồ tát Siddhartha trước khi Ngài thành đạo.

Hơn 2500 năm đã trôi qua, *Khổ Hạnh Lâm* vẫn được mọi người nhớ đến, nhất là cảnh trợ trợ của những ngọn đồi, chày bông dưới nắng hạn ngày hè. Cảnh đó, khiến không ít người đồng cảm, chia sẻ cảnh sống cơ cực của những nhà tu khổ hạnh của mấy nghìn năm về trước. Cái tên *Khổ Hạnh Lâm* như cày khắc sâu vào tâm khảm mọi người.

Bài thơ dài đến 359 từ, vừa phản ánh khung cảnh ngày trước (um tùm cây cối, thú dữ hoang vắng, lạnh giá rét căm), song, cũng nơi ấy, chứng minh cho dũng khí và sự cao cả của Ngài, *xa rời cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con xinh! Chỉ vì thương người dân Ấn Độ. Thương chúng sanh mãi quần quanh trong cõi luân hồi đau khổ!*

Cũng từ nơi đó, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo ra đời, đưa Con Người đến Chân Hạnh Phúc. Bốn câu thơ cuối bài như một ước nguyện chân thành, xin được gửi gắm:

*Khổ hạnh lâm xin nguyện cầu thế giới
Hòa bình cho khắp cả tình cầu
Đem lợi lạc cho muôn nơi muôn thuở
Cho muôn người và vạn loại sinh linh.*

Có một bài thơ 4 chữ, 13 câu viết về Tinh xá Kỳ Hoàn, một địa danh được Từ điển Phật học ghi như sau: *Tinh xá Kỳ-hoàn có nghĩa là: tinh xá là nơi tinh khiết, sạch sẽ, yên tĩnh, các vị xuất gia tập trung nơi đây để học đạo*

và tham thiền. Bài thơ Tinh xá Kỳ Hoàn hình ảnh và khung cảnh của Tinh xá: Người về nam - mô, tiếng kinh rền vang, ai đang tụng niệm. Bốn câu thơ hay nhất trong bài thơ, đó là:

*Nghìn xưa hương bối
Trang kinh đá nằm
Cội cây cỏ lá
Mỏi mòn bao năm?*

Hai bài thơ ngắn *Phật trên hồ Pu-uh-ka-ru* và *Chú tiểu Ấn* cũng nói cảnh Phật, mang thanh tịnh của thiên nhiên, song, không vì thế mà mờ nhân ảnh, vẫn gắn với đời: *Cảm thương đời! / Bụt cũng hóa rêu phong!* (Phật trên hồ Pu-uh-ka-ru) và *những dòng lục bát: Quê hương Phụ Mẫu thâm tình / Xa xôi ngàn dặm một mình tịch nhiên / Bé thơ tĩnh tọa hỗn nhiên /*

Thơ Thượng tọa Thích Huệ Vinh hướng người đọc về chốn Phật, là thơ của một thông điệp nhân từ, nhân ái trao gửi cho đời, cho đạo.

*** NGUYỄN NHO KHIÊM**

Nhà thơ Nguyễn Nho Khiêm sinh ngày 01 tháng 12 năm 1963, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông nguyên là Chủ tịch Hội Nhà văn Thành phố Đà Nẵng 10 năm từ 2008 - 2018. Hiện nay, Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ TP. Đà Nẵng, Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật TP. Đà Nẵng, Tổng biên tập tạp chí Non Nước.

Chùm thơ của Nguyễn Nho khiêm trong tập này, bài Tràng hoa là một bài thơ cảm động, viết về nhân vật Geetesh Sharma, người bạn quý của Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam bang Tây Bengal. Bài thơ có 64 từ, bát ngát hoa và hương thơm. Hoa là biểu tượng của tình cảm cao quý và đẹp đẽ. Hoa đâu chỉ có sắc và hương. Điều quan trọng, đó là, hoa chuyển tải những thông điệp thâm kín, sâu sắc từ hoa. Mỗi một loài hoa đều mang vẻ đẹp riêng và cũng có ý nghĩa riêng trong cuộc sống.

Tràng hoa

*Máy bay hạ cánh xuống Kolkata trời chưa rạng
Chúng tôi loay hoay tìm đường*

*Chợt thấy ngài Geetesh Sharma - Chủ tịch Ủy ban đoàn kết
Chờ đón chúng tôi với những tràng hoa sứ trắng
Ngài ôm chặt tôi, thật ấm
Ngài đeo vào cổ tôi tràng hoa, thật thơm.*

*Hôm nay ngài Ghetesh đã đi xa
Tràng hoa trong tôi thơm mãi.*

Khi máy bay hạ cánh, trời chưa rạng. Kolkata còn bảng lảng sương mờ. Giữa cảnh ấy, chợt thấy ngài Ghetesh - Chủ tịch Ủy ban đoàn kết đón chào. Vòng hoa sứ trắng được choàng vào cổ của mỗi thành viên, thật ấm cúng biết bao. Chúng ta biết, hoa sứ trắng là biểu tượng của sự may mắn, khởi đầu cho sự suôn sẻ, hanh thông và thắng lợi. Tặng hoa sứ đồng nghĩa với sự gửi gắm cho ước nguyện, cho cầu mong thành công trong cuộc sống.

Mới đặt chân lên xứ người, nhận một vòng hoa sứ, đó là sự chúc phúc phúc của bạn bè đến với ta. Ta hiểu thêm rằng, với Việt Nam, Geetesh Sharma, biểu tượng của tình hữu nghị, của định hướng tương lai của hai dân tộc. Ấn Độ là người bạn lớn của Việt Nam. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã dành thời gian tiếp ông Geetesh Sharma, vui mừng về cuốn sách vừa có giá trị về văn hóa và lịch sử, vừa thể hiện sự tôn kính của tác giả đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng tiếng Hindi đã hoàn thành.

Dòng thơ chân thành qua sử dụng từ ngữ, hai từ “thật” đậm thắm, nghĩa tình, ấm áp: *Ngài ôm chặt tôi, thật ấm / Ngài đeo vào cổ tôi tràng hoa, thật thơm.*

Hai câu kết cảm động làm sao, đó là sự bù ngùi, tiếc thương thật chân thành về một con nười có hơn 40 năm gắn bó với Việt Nam trong phong trào của Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam bang Tây Bengal. Con người đó:

*Hôm nay ngài Geetesh đã đi xa
Tràng hoa trong tôi thơm mãi.*

Trong một bài thơ khác, bài *Hồ Chí Minh*, ngắn gọn, súc tích, có hai khổ:

*Đến Kolkata
Người bạn Ấn cùng tôi đi dạo trên đường Hồ Chí Minh
Bạn nói về khát vọng giải phóng con người
Khát vọng tự do, no ấm.*

*Bạn dẫn tôi vào công viên
Trước bức tượng Hồ Chí Minh
Bạn dâng một vòng hoa thơm
- Xin cảm ơn Người!*

Khổ đầu, cùng người bạn Ấn dạo trên đường Hồ Chí Minh. Khổ hai, cùng bạn, trước bức tượng Hồ Chí Minh. Cả hai khổ thơ đều nói đến Hồ Chí Minh, nói từ người bạn Ấn. Đó là về khát vọng giải phóng của con người và khát vọng về tự do, no ấm. Hai khát vọng này như hai mặt của một tờ giấy, bề này là kết quả của bề kia và ngược lại. Trong lịch sử, Ấn Độ và Việt Nam đều cùng chung hai khát vọng này, đều kiên cường đấu tranh cho hai khát vọng cháy bỏng này. Khổ hai bày tỏ lòng thành kính trước tượng một nhân vật có cuộc đời cống hiến cho tự do, no ấm, cho bình đẳng con người.

Ngày 6 tháng 9 năm 2020, nhân dịp 75 năm ngày Quốc khánh Việt Nam, Ủy ban Đoàn kết Ấn - Việt bang Tây Bengal (Ấn Độ) tổ chức lễ đặt hoa tại tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Kolkata, thủ phủ bang Tây Bengal. Cũng cần biết, Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt tại Quảng trường ITC, nằm trên giao lộ giữa đại lộ Hồ Chí Minh và đại lộ Jawaharlal Nehru ở thành phố Kolkata. Buổi lễ là dịp để những người bạn Ấn Độ gửi lời chúc tới Chính phủ và nhân dân Việt Nam nhân dịp 75 ngày Quốc khánh.

Thơ Nguyễn Nho Khiêm có giọng điệu và ngôn ngữ riêng. Hình ảnh quê hương trở thành nguồn cảm hứng trong thơ. Ở đây, ta bắt gặp những cơn mưa, những đồi núi, những dòng sông, những nẻo phố,... và cả những cảm xúc, những suy tư của nhà thơ. *Đà Nẵng mưa*, một bài thơ lục bát với điệp khúc: *Em về Đà Nẵng là mưa*. Cơn mưa đó chia bài thơ thành hai mảng, mỗi mảng 8 câu. Tám câu đầu tả cơn mưa làm ướt hoang nỗi nhớ, gọi trùng khơi biển gió, khát cơn mê đỉnh trời, khiến nhớ quê nhà với mắt môi nồng cháy và nhớ cả mùa hoa Bách hợp:

*Em về Đà Nẵng là mưa
Uớt hoang nỗi nhớ anh vừa hong khô.
Trùng khơi biển gió sóng xô
Phù hoa âm vọng hư vô tìm về.*

*Đỉnh trời khát gọi cơn mê
Mắt môi nồng cháy mơ quê quán nhà
Nhớ mùa Bách hợp là hoa
Câu thơ tương hợp mấy xa cho vừa?*

Tám câu sau, cũng cơn mưa tháng Tư của Đà Nẵng, làm ướt lạnh đôi bờ, lời chưa nối lời, ngày rụng tháng rơi, song, có điều lạ là, cơn mưa đó: *Gieo hương đồng rộng nảy chồi yêu thương*. Thì ra, như 4 câu cuối, mưa Đà Nẵng khiến tơ vương rối lòng, làm nên nụ cười dịu mát:

*Nhìn ra mộng mị con đường
Phù vân mấy lớp tơ vương rối lòng
Rằng em, tươi nhánh môi cong
Nụ cười dịu mát vui trong những ngày.*

Nguyễn Nho Khiêm đã cá biệt hóa cơn mưa Đà Nẵng, vẽ nên nét riêng của cơn mưa, cơn mưa của em và cơn mưa Đà Nẵng.

Ở một bài thơ khác, bài *Cầu Vĩnh Điện*, 16 câu, về một chiếc cầu mang bao nỗi nhớ, bao tâm tình, bao yêu thương:

*Sông chảy qua cầu có giữ lại bóng tôi
chiếc bóng gầy gầy yêu em không dám ngo
mùa xuân ngắm chân chiều ráng đỏ
ba mươi năm Vĩnh Điện cháy lạng thắm.*

*Ơi chiếc cầu tuổi thơ lạng cầm
tôi ngu ngốc tin điều không có thực
đóa hoa thơm trên cao chớp mắt
tôi tìm em dài rộng giấc chiêm bao.*

*Ba mươi năm thân xác hư hao
trái tim vẫn mỗi ngày dâng hoa trái
trái tim vẫn mỗi ngày khao khát
cho nỗi buồn bốc cháy câu thơ.*

*Bước qua cầu bàn chân ngu ngơ
mường tượng mùa xuân trước cổng trường áo trắng*

*sông chảy xiết bóng tôi ở lại
và chờ ai vô vọng phía chân cầu.*

Cầu Vĩnh Điện bắc qua nhánh sông Thu, êm ả chảy về cửa Đại. Nằm bên cạnh dòng sông là ngôi trường Trung học Nguyễn Duy Hiệu, ngôi trường của những thí sĩ như Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Nguyễn Nho Nhươn, Đynh Trầm Ca, Lê Đình Phạm Phú,...

Quanh năm, nước chảy về xuôi, bao áng mây trôi phiêu bạt, bao mối tình học trò thơ mộng gắn với cây cầu, bao năm tháng của thời thơ trẻ gắn với những bước chân qua cầu. Con sông và cây cầu che mát một khoảng trời tươi trẻ, *Sông chảy qua cầu có giữ lại bóng tôi*, một câu hỏi vọng mù quá khứ, *thuở chiếc bóng gầy yêu em không dám ngủ...*

Ôi, con sông Vĩnh Điện, ba mươi năm, lặng thầm chảy trong tôi bao nỗi niềm. Trên con đường bắc nam, hiếm có dòng sông nào ghi đậm dấu ấn trong lòng người như sông Vĩnh Điện. Cây cầu gắn với tuổi thơ, gắn với mối tình thơ dại, gắn với những chiều xuân rắng đỏ, gắn với bao ước mơ và câu hỏi vang lên: *Sông chảy qua cầu có giữ lại bóng tôi / Chiếc bóng gầy gầy yêu em không dám ngủ / Mùa xuân ngắm chân chiều rắng đỏ / Ba mươi năm Vĩnh Điện cháy lặng thầm.*

Chiếc cầu nhân chứng của tuổi thơ lặng câm, giữ lại những hoài niệm, giữ lại những đóa hoa thơm, giữ lại những giấc chiêm bao:

*Ơi chiếc cầu tuổi thơ lặng câm
tôi ngu ngốc tin điều không có thực
đóa hoa thơm trên cao chớp mắt
tôi tìm em dài rộng giấc chiêm bao.*

Ba mươi năm thân xác hư hao, Ba mươi năm trái tim dâng hiến. Ba mươi năm khao khát với nỗi buồn bốc cháy câu thơ. Tôi còn lại gì, chỉ còn lại, bước chân ngu ngơ, tưởng chừng một mùa xuân áo trắng sân trường với dòng chảy xiết, vô vọng phía chân cầu:

*Bước qua cầu bàn chân ngu ngơ
mường tượng mùa xuân trước cổng trường áo trắng
sông chảy xiết bóng tôi ở lại
và chờ ai vô vọng phía chân cầu.*

Dòng sông Vĩnh Điện, dòng sông của một phần đời nhà thơ, nơi đó, tình yêu trải qua bao nỗi buồn, bao hoài nhớ, bao đẹp để một thời, dẫu dại

khờ, vô vọng. Có một điều, con sông quê hương, con sông của mạch nguồn cảm xúc vẫn chảy mãi trong thơ Nguyễn Nho Khiêm.

Rừng mặn là hồi ức về một thời gian khổ khó khăn. Hình tượng trung tâm là hạt muối. Đó là *hạt ngọc của biển / dâng người*.

Thời đó, cách đây từ 40 năm trở lên, vùng cao gian khổ, đốt cỏ tranh thay muối. Muối gắn với các bản làng, với số phận người dân:

*em gái Cà Tu mười chín tuổi
nằm lại bên đồi gùi muối trắng
nay tìm lại được em
muối thấm vào lòng đất.*

Các dòng thơ đẫm nước mắt, đẫm sự khốc liệt, đau thương khôn nguôi. Em gái Cà Tu nằm lại bên đồi. Muối vẫn trắng như tuổi thanh xuân của em, nay về từng bếp. Bài thơ là sự chia sẻ:

*thăm lại vùng cao
muối tinh khiết về đây từng bếp
miệng tôi bỗng nhạt
khi mắt rừng hoang lạnh người xưa.*

Hòn Vọng Phu là hình tượng quen thuộc trong nhiều thể loại của văn học Việt Nam. Cùng đề tài này, Nguyễn Nho Khiêm cảm khái về người đàn bà chờ chồng hóa đá, thủy chung chờ đợi. Ở đất nước chiến tranh, binh đao, bao đời nay, người đàn ông ra trận, để lại hậu phương người vợ, bồng con, ngóng đợi. Suốt chiều dài lịch sử, biết bao nhiêu là đá vọng phụ! Không biết có đất nước nào, như nước Việt chúng ta, có đá đầu non tạo hình người phụ nữ bồng con chờ chồng:

*Đứng ở cổng chùa Tam Thanh
nhìn lên hòn Vọng Phu
thấy một chấm mờ trong chiều nắng
ở đấy có phải là người đàn bà chờ chồng hóa đá
hay đá hóa thành người đàn bà chung thủy vỡ lòng
tôi?*

*Những buổi chiều
trước nghĩa trang thình lặng*

trong lễ hội hoàng hôn

hình ảnh hòn vọng phu trong tôi hiện lên thật rõ.

(Hòn Vọng Phu)

Mưa nắng, một tấu khúc về hạnh phúc. Bài thơ là câu chuyện về tình nghĩa vợ chồng, tình yêu gia đình, của hai mươi năm chung bóng dưới một mái ấm. Hai mươi năm đó, có những thứ nhạt dần, có những thứ như mưa rơi ngoài mùa thương, mùa nhớ. Nhưng, những việc rất nhỏ trong đời thường, lại không thể nào quên được như căn nhà vừa lau, bụi lại về. Hai mươi năm lau mãi, căn nhà không sạch. Chi tiết thật dễ thương và ấn tượng. Gió bụi của thời gian, gió bụi của hai mươi năm, không thể nào quên trong căn nhà hạnh phúc. Ba lần hỏi “sao anh” đầy triu mến, đầy tình cảm, đầy hương thơm, trữ tình, bàng bạc một bầu không khí của dịu dàng, thơm thảo:

Sao anh không dừng lại nhìn thật sâu vào mắt em

*Sao anh không cầm tay em thật chặt đi dọc bờ sông nghe suối tỏ
tình với đá*

*Sao anh không trở về nhìn giàn mướp hoa vàng đàn ong ngậm phấn
gieo rục không gian*

Hai mươi năm, anh dắt em chạy trong giấc mơ, chạy đến ngôi chùa, thắp hương nguyện cầu cho bão giông đừng đến, cho bình an gia đạo, cho tài lộc đầy nhà, cho gia tiên phù trợ. Con người vẫn tin, vẫn cầu xin, vẫn cậy Ông Táo, Thần tài, vẫn cứ nhờ người khác... Các câu hỏi về “sao cứ nhờ”, “ta ở đâu trong cuộc sống này” thật ra, là câu hỏi của muôn đời nay, khi con người còn tồn tại, còn sắp ngã tới lui trên dương gian giông bão này, vẫn muốn tìm đến nơi chốn bình yên, hạnh phúc!

Bài thơ là niềm ước vọng, chân thành và thanh sạch.

Nhà nghiên cứu Hoàng Hương Việt bày tỏ: “*Thơ Nguyễn Nho Khiêm nặng sâu và đầm thắm, ngôn ngữ vừa lạ vừa quen, thơ day dứt, giằng xé giữa hư và thực, thơ reo vui như muốn gửi gắm những tương tư. Bỗng dưng tôi có ý nghĩ chạy tới nắm bắt hồn thơ, tứ thơ đầy bản ngã, tôi gọi đó là siêu lý của thơ hay lý lẽ của Nguyễn Nho Khiêm*”.

* TRẦN PHƯƠNG KỲ

Thơ Trần Phương Kỳ là thứ thơ không dễ đọc. Thơ ấy không mang mã ngôn ngữ đơn thuần, một nghĩa. Thơ đó gợi cho người đọc suy nghĩ, trăn trở, tìm nghĩa sau câu chữ. “Không có hình tượng thì không có nghệ thuật”. “Nghệ thuật là tư duy bằng hình tượng”: (Đỗ Lai Thúy, Nghệ thuật như là thủ pháp, NXB Hội Nhà văn, HN, 2001, trang 140, 141), nghĩa là, nghệ thuật, kẻ tạo ra những tượng trưng trước hết. Theo chiều hướng này, để hiểu thơ Trần Phương Kỳ, thử đi tìm những hình tượng mang tính tượng trưng, song, bên cạnh đó, vẫn còn mang dáng dấp trữ tình. Sự hòa hợp đó làm nên chất riêng của thơ Trần Phương Kỳ. Người viết những dòng này, nghĩ vậy.

Để tả *Tượng thiên nữ ở đền KetakiBharana*, chúng ta gặp nhiều hình ảnh, đó là: *Những đôi môi mấp máy - Những vòng tay - Những cung chân - Những đôi mắt mơ màng man dại - Những làn mi - Những hơi thở run[g] trong lòng đá - Những nụ cười lặng lẽ lá rơi*. Những bộ phận bên ngoài quan trọng của cơ thể đó, nếu thiếu đi một hay hai, sẽ không làm nên tượng thiên sứ. Rõ ràng, những hình ảnh đó, đã trở thành những biểu tượng, những tiếng nói, những cung bậc nói lên vẻ đẹp của thiên nữ: *Thần thái nguyên sơ lung linh từng gương mặt / Lửa bật ra từ bầu vú sẵn dòn / Nơi ẩn những suối nguồn linh diệu*. Hãy đọc bài thơ sẽ rõ:

*Những đôi môi mấp máy muốn nói lời gì qua những trăm năm
Những vòng tay những cung chân
Ôm cuộc sống vào lồng ngực trẻ*

*Những đôi mắt mơ màng man dại
Bầu trời xanh sau những làn mi
Những hơi thở run[g] trong lòng đá
Những nụ cười lặng lẽ lá rơi*

*Thần thái nguyên sơ lung linh từng gương mặt
Lửa bật ra từ bầu vú sẵn dòn
Nơi ẩn những suối nguồn linh diệu.*

Cũng như nhiều người đến Ấn Độ, thăm Taj Mahal và có thơ về nó. Trần Phương Kỳ cũng vậy. Đây là một lăng mộ do Hoàng đế Mogul Shah Jahan đã ra lệnh xây nó cho người vợ của mình là Mumtaz Mahal, khi bà qua đời.

Công việc xây dựng bắt đầu năm 1631 và hoàn thành năm 1653. Taj Mahal được coi là hình mẫu tuyệt vời nhất của Kiến trúc Mogul, một phong cách tổng hợp các yếu tố của các phong cách Kiến trúc Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, và Hồi giáo. Taj Mahal được UNESCO liệt vào danh sách các Địa điểm Di sản Thế giới. Nổi tiếng là địa điểm thiêng liêng và kì vĩ, đền thờ Taj Mahal còn được xem là biểu tượng tình yêu bất diệt của hoàng đế Shah Jahan đối với hoàng hậu Mumtaz Mahal. Tọa lạc tại vị trí đặc địa, đền thờ như là viên ngọc quý lung linh giữa bầu trời xanh mà bất cứ ai nhìn thấy cũng đều bị thu hút, không thể rời mắt.

Mở đầu của *Taj Mahal*, Trần Phương Kỳ lấy lại câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan trong *Thăng Long thành hoài cổ: Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo*. Câu thơ làm đề từ gợi nhớ cảnh xưa, trải qua thời gian, vẫn còn ghi dấu ấn nơi tâm hồn con người.

Bằng bút pháp so sánh, nhà thơ tôn Taj Mahal như đóa sen trắng nở trên đài vũ trụ. Quả vậy, Taj Mahal là công trình của màu trắng tinh khiết, nổi bật giữa bầu trời màu xanh. Một công trình nghệ thuật hài hòa màu sắc: *Áng thơ trắng tặng thiên tình vĩnh cửu / Taj Mahal yêu diệu giữa trời Thu*.

Khổ thơ thứ hai có những câu thơ hay, tinh tế, giữa chiều xanh, nghe như có hương thời gian ngự dưới mái đền, cúi xuống hôn thêm nắng và nghe bước chân xưa nhẹ bước trong chiều buông. Không gian và thời gian, cả màu và hương, như đan vào nhau, khiến nhà thơ lạc lối về:

*Tôi lạc lối giữa chiều xanh biếc
Hương thời gian chùng ngự dưới mái đền
Tôi cúi xuống hôn lên thêm nắng
Nghe chân xưa nhẹ bước bóng chiều buông*

Cả quá khứ bỗng quay trở lại, xa mã, xiêm y, cờ xí lộng trời và một bóng hồng nhan thấp thoáng đền vàng. Các câu thơ không nói gì đến hoàng hậu là Mumtaz Mahal, song, nhan sắc vẫn lộng lẫy, làm nên:

*Tinh thiêng hóa Taj Mahal vĩnh cửu
Sen thăng hoa hồn vũ trụ linh đài*

Một đóa sen giữa vũ trụ, một hồng nhan giữa cảnh đền vàng, khiến cho thi sĩ cảm nhận:

*Gió xưa đồng vọng gót hài
Chờng nghe tiếng cửa khép ngoài thình không.*

Trần Phương Kỳ có *Mây trên thánh địa Ellora*, một bài thơ tả những nét đặc sắc của Ellora. Ellora là thánh tích hang động Phật giáo, một địa điểm khảo cổ, tọa lạc trên ngọn đồi Charanandri, cách thành phố Aurangabad, khoảng 30km, thuộc tiểu bang Maharashtra, Ấn Độ. Quần thể hang động này có nét kiến trúc chạm khắc độc đáo, tuyệt hảo ở vùng Nam Á. Ellora là niềm tự hào của dân tộc Ấn Độ, một quần thể kiến trúc có sự phối hợp giữa thần linh và con người, giữa hiện thực và tôn giáo. Ellora nổi tiếng với quần thể hang động hoành tráng mang kiến trúc đá cắt Ấn Độ. Các đền thờ, tu viện được cắt gọt từ đá, đại diện cho kiến trúc các tôn giáo như Phật giáo, Ấn Độ giáo, điều đó, chứng tỏ sự hòa hợp niềm tin về các tôn giáo phổ biến trong lịch sử Ấn Độ.

Ta gặp trong thơ Trần Phương Kỳ những hình tượng về những mặt người ẩn sâu trong tháp cổ, trong buổi chiều xế bóng, chao qua tháp là những con quạ già, khiến cho đền tháp trở nên phức tạp và ẩn tượng. Mây bay qua thánh địa cũng là mây mang những mặt người ẩn vào tường tháp cổ, vô sắc, song lại níu bóng:

*Chúng ta đi qua thánh địa này
một mình với bóng mây*

Có thể nói, qua nhiều bài thơ viết về những danh thắng Ấn Độ, Trần Phương Kỳ đã ký gửi vào đó những cảm xúc, những mạch nghĩ độc đáo, vừa cổ kính vừa hiện đại, lưu dấu ấn nơi người đọc, khó quên khi tiếp xúc các hình tượng thơ. Đó là lối đi riêng của thơ Trần Phương Kỳ.

* MAI HỮU PHƯỚC

Mai Hữu Phước là tiếng thơ hồn hậu, gần gũi với cuộc đời. Không ngoa ngắt về ngôn ngữ. Sự sống cứ thế đi vào thơ, nhẹ nhàng, tình nghĩa. Tác giả từng nói đến cái Nợ văn chương, với suy nghĩ: *Là chút lòng tôi với cuộc đời / Với người quen-lạ, ghét - thương tôi / Với trăng, với gió và em nữa / Với cả canh tàn rượu đắng môi / Nợ đã vốn nhiều thêm chút nợ / Tựa hồ sông biển hóng mưa rơi! / Văn chương là nợ không thành nợ / Vay trả tùy ta với cuộc đời.*

Trong tuyển tập này, Mai Hữu Phước có 4 bài thơ ngắn, thể thơ 7 chữ, 4 câu (thất ngôn tứ tuyệt). Thơ bảy chữ, bốn câu là thể thơ quen thuộc, gần gũi và phổ biến với người Việt Nam. Thể thơ này dễ chuyển tải tình cảm của người làm thơ. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt có mặt không chỉ trong văn học Việt Nam mà còn được sử dụng phổ biến trong nền văn học khác như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Bốn bài thơ là bốn bức tranh tâm trạng. Thơ tứ tuyệt Mai Hữu Phước không khác với thơ tứ tuyệt truyền thống. Tác giả đã phổ tâm hồn mình vào tâm và cảnh trong thơ. Từ đó, thơ gợi lên nơi người đọc một trạng thái tâm tình tương ứng. Trong quan niệm của Thơ Đường, bài thơ dẫu ngắn nhưng là một *Tiểu Vũ Trụ* hay *Tiểu Thiên Địa*. Làm thơ và Đọc thơ là nhập vào cái đại Tiểu đó.

Cấu trúc và âm điệu của thể thơ này tạo ra nhiều tác phẩm nghệ thuật đẹp và ấn tượng, chứng tỏ tài năng và sáng tạo của người làm thơ. Thể thơ này, hiện nay, có nhiều biến đổi, song vẫn giữ nguyên về luật, niêm và vần.

Những bài tứ tuyệt của Mai Hữu Phước duyên dáng, như bài Kolkata. Nhân chuyến thăm Ấn Độ, tác giả viết bài này. Như giới thiệu, Kolkata là thủ phủ của bang Tây Bengal của Ấn Độ và trước đây là thủ đô của Ấn Độ khi nó nằm dưới thời Raj thuộc Anh vào năm 1773. Hiện nay, đây là một thành phố mang đậm hồn truyền thống, kiến trúc thuộc địa, lễ hội văn hóa, ẩm thực đường phố. Có thể sánh, Kolkata là một trong những viên ngọc quý hàng đầu của Ấn Độ và là một thành phố đáng để dành cho nó một bài thơ. Mai Hữu Phước đã dành cho Kolkata dòng thơ đẹp về những cánh chim bay rợp trời, phản ánh sự thanh bình của cuộc sống, phản ánh không khí yên lành của thành phố. Hình ảnh cánh chim bao giờ cũng tạo cho con người một cảm giác ấm áp, thân thiết. Cạnh đó, một dòng sông vắt qua thành phố, như chảy qua tâm hồn, nhẹ nhàng, dịu êm.

Câu thơ *Em nghĩ gì rục cháy cả hoàng hôn?*, câu hỏi tu từ và không có câu trả lời, đem lại một cảm giác cháy bỏng đối với Kolkata như *ngày tôi đến*:

Kolkata

*Những cánh chim bay rợp trời mơ ước
Dòng sông cổ tích chảy qua hồn.
Kolkata dịu êm ngày tôi đến
Em nghĩ gì rục cháy cả hoàng hôn?*

Mai Hữu Phước mô tả lại phút giây nghe kinh, tỉnh ra những sân si danh lợi trên đời. Rồi từ đó, bài thơ đánh dấu sự chuyển đổi về nhận thức, tình cảm, bắt nguồn từ lúc “vô chùa nằm lại”, “nghe sư thầy tụng niệm mấy hồi kinh”. Xét về quá trình, không phải chỉ nghe “mấy hồi kinh”, con người “tù bỏ những sân si danh lợi”, nếu trước đó không có căn tính thiện lành, không có Phật tính trong tâm, không có sự buông bỏ những phiền trọc cuộc sống. Câu thơ làm yên tĩnh người đọc: *Nhẹ bay qua như gió thoảng sân đình*. “Sân đình” là để hợp vần với “hồi kinh” ở câu thơ thứ hai. Đúng ra, đây là sân chùa, đây là chốn của từ bi, của sự trở về với chính mình, của cõi tịnh. Hãy đọc toàn bộ bài thơ để thấy cái tinh tâm của nhà thơ:

*Có một hôm ta vô chùa nằm lại
Nghe sư thầy tụng niệm mấy hồi kinh
Rồi từ đó những sân si danh lợi
Nhẹ bay qua như gió thoảng sân đình.*

(Rồi từ đó)

Thơ viết về thăm lại chốn xưa, nơi có nhiều kỷ niệm của một thời gần bó, ngày trước, trong Đường thi có Hạ Tri Chương (654-769) với *Hồi hương ngẫu thư*, hay như Chế Lan Viên (1920-1989) có *Trở lại An Nhơn*:

*Trở lại An Nhơn, tuổi lớn rồi
Bạn chơi ngày nhỏ chẳng còn ai
Nền nhà nay dựng cơ quan mới
Chẳng nhẽ thăm quê lại hỏi người?*

Thăm xóm cũ tâm trạng của một người mê mãi, biệt dạng, xa nơi chốn cũ, Mai Hữu Phước viết:

*Mê mãi kiếp người ta biệt dạng
Tóc xanh thuở nọ đã màu phai
Về thăm xóm cũ thành người lạ
Giật mình trẻ nhỏ hỏi tìm ai?*

Bài thơ thể hiện cảm xúc của nhà thơ khi trở về nơi chốn xưa. Trong lòng nhà thơ có biết bao nhiêu cảm xúc, vui buồn lẫn lộn, tự trách mình đã lãng quên một nơi yêu dấu, trở thành người lạ khi trở về. Hai câu đầu cho thấy nhà thơ mê mãi, xa quê, biệt dạng bao năm. Đến nay, khi tóc đã pha sương, không còn xanh nữa, quá nửa đời người, bỗng nhớ chốn xưa, quay về. Cảnh đã khác. Người đã khác. Giật mình cho một đời người. Thời gian trôi đi nhanh quá. Quặn thắt với câu hỏi: *Giật mình trẻ nhỏ hỏi tìm ai?*

Bài thơ thể hiện cảm xúc của nhà thơ khi trở về nơi cũ, trong lòng có biết bao nhiêu cảm xúc, vui buồn lẫn lộn. Đặc biệt tự trách bản thân khi đã lãng quên một nơi yêu dấu.

Mai Hữu Phước có bài thơ mang tựa đề *Vơ vẩn*, 4 câu như sau:

*Tự nhiên ta thấy buồn vợ vẩn
Không lẽ vì em sắp lấy chồng?
Mấy bữa còn ngồi bên quán nước
Bây chừ cách biệt một dòng sông.*

Trong *Từ điển Tiếng Việt*, “*Vơ vẩn*” hay “*vẩn vơ*”: *Ở trạng thái suy nghĩ, nói năng hay đi lại mà không có ý thức rõ mình muốn gì, nhằm cái gì, tại sao* (Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, NXB Đà Nẵng-Trung tâm Từ điển học, 2005, trang 1104).

Các từ chỉ trạng thái không rõ ràng, như không có ý thức, đó là: *Tự nhiên ta thấy buồn vợ vẩn / Không lẽ vì...* Tác giả tự mâu thuẫn với chính mình, không có cái buồn nào lại không có nguyên nhân cả. Xuân Diệu có viết: *Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn* (Chiều) chỉ là cách nói. Ở đây, cái buồn của Mai Hữu Phước có lý do, đó là, *em sắp lấy chồng*. Thật ra, nỗi buồn chẳng vợ vẩn chút nào. “*Vơ vẩn*” chỉ tự dối mình, không vô cơ đâu nhà thơ ạ ! Rõ ràng, tác giả nhớ cà không gian “*bên quán nước*”, thời gian “*mấy bữa*”, còn ngồi bên nhau, bây chừ, cách biệt rồi, em sang ngang, dòng sông chia làm

hai ngã tâm tình. Nỗi buồn thấm thía, lan tỏa trên từng dòng thơ, từng hình ảnh. Nhịp thơ có lúc 4/3, có lúc 2/2/3. Và, cái hay của bài thơ cũng ở chỗ đó.

Chạm thu, bài thơ có 6 khổ, viết theo thể 5 chữ, chia thành hai cảnh thu: đó là, các nét thu của ba khổ thơ đầu như dáng thu, cảnh thu, tình thu, trời thu, lòng thu, bước chân mùa thu. Ba khổ thơ sau, mùa thu ra đi, đi mãi, không về. Chút thu còn lại, chỉ là: *Chút lặng yên thấm thì / Lạc đời trong cơn mê / Những gì em níu giữ / Mắt thu buồn trông mong.*

Chút lưu luyến của bài thơ, cái hay của bài thơ nằm ở ba khổ thơ đầu.

Mai Hữu Phước có số bài thơ viết về rượu, mang nét riêng, Đối ẩm nằm trong số đó. Xưa nay, uống rượu là một cái thú của đàn ông. Uống rượu khi vui, uống rượu lúc buồn. Uống rượu là dịp để chia sẻ niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống. Đông Tây đều vậy. Uống rượu, xét về nhiều mặt, đó không chỉ là thú vui, mà còn là khoa học, là văn hóa không thể thiếu trong đời sống con người. Rượu có tác dụng giải khuây, giải tỏa stress, nguồn cảm hứng sáng tạo và thúc đẩy sự giao lưu giữa con người và con người. *Đối ẩm* là cuộc rượu của hai người, thấm sâu sau đó, là nỗi cô đơn, tâm trạng xúc động cần trao gửi cho nhau. Bạn rượu không phải là nam giới, mà là EM. Em xinh tươi như mỹ nhân, em là hồng nhan tri kỷ và ta hóa anh hùng thời mạt vận. Cần chi thiên hạ liếc nhìn, ngưỡng mộ em:

*Không đao kiếm, mày ngài em sắc lẹm
Ánh mắt cười tan chảy cả vắng trăng
Ta râu tóc bạc phai màu sương gió
Cầm tay nhau trân trọng nghĩa kim bằng.*

*Cạn ly này mừng nhau ngày hội ngộ
Hết ly kia cho đồng bệnh tương lân
Thêm ly nữa nẻo đời xuôi ngược thế
Cõi ta bà vinh nhục cũng phù vân.*

Ta cùng em cạn ly, thêm ly nữa, mừng hội ngộ, cõi ta bà này cũng phù vân, uống đi, hỡi cô em “đồng bệnh tương lân”. Đọng lại là bốn câu cuối bài, đồng cảm, sẻ chia, rót cả vào nhau:

*Ta có em là hồng nhan tri kỷ
Bình rượu đời ngập lắm nỗi chua cay*

Rót cả mắt cả môi vào đắm đuối

Quảng gánh ưu tư vui hết đêm này.

Người đàn bà say có cấu trúc khác với những bài thơ của Mai Hữu Phước, Câu thơ có độ ngắn dài riêng. Thử xem khổ một: Có câu năm chữ, bốn chữ, một chữ, rồi hai chữ, bốn chữ, một chữ, rồi lại năm chữ. Khổ hai, khổ ba cũng vậy. Dường như, cấu trúc những câu thơ cũng nông nằn, chũnh choáng như hơi men. Người đàn bà một mình như con ngựa hoang, lang thang, ly nào say đời, ly nào say tình,... lời mật ngọt lên môi, nhục cảm lên ngời, cuộc đời đang rách nát, về đâu, cần gì đạo đức, gặp thời thả sức ăn chơi. Bài thơ tạo nên sự thương cảm nơi người đọc về người đàn bà say.

Mai Hữu Phước có tài nghệ và sở thích với thơ 5 chữ. *Mùa xuân gõ cửa*, thể ngũ ngôn, 20 câu, tiếp tục phát huy thể mạnh. Bài thơ nói về mùa xuân với màu mắt (mắt ai màu nhung êm), áo xanh (áo xanh màu nhung nhớ), tay ngà (tay ngà nâng phiến lá), cánh hoa (cánh hoa vàng mong manh), làn môi (làn môi hờ ngậy ngất) và tinh như mây trắng,...

Mùa xuân về gõ cửa/ Em reo mừng xuân tươi/ Gã khờ năm xưa ấy/ Bên em chừ yên vui

Cuối bài thơ, xuất hiện gã khờ của tình yêu, tư vương, nay, cùng mùa xuân gõ cửa trái tim, reo mừng xuân tươi.

* BÙI XUÂN

Thơ Tagore đã được độc giả Việt Nam biết đến qua bản dịch của nhiều dịch giả, nhưng lần đầu tiên, độc giả Việt Nam được đọc trọn vẹn đầy đủ các bài thơ của Tagore trong ba tập thơ Bầy chim lạc, Mùa hái quả, Người thoáng hiện qua bản dịch của Bùi Xuân. Ba tập thơ này được NXB Đà Nẵng ấn hành dạng song ngữ Anh - Việt và được NXB Kim Đồng in lại 2 lần bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

Điều dễ thấy là, thơ Bùi Xuân là tiếng thơ của một tâm hồn sáng trong, bình dị, dù viết về đề tài nào. Ta gặp trong thơ Bùi Xuân những hình ảnh gần gũi, thân quen như cuộc sống vậy. Song, cũng ở đây, ta nhận ra những trở trờ, những thao thức, những băn khoăn về những gì đang diễn ra, khó nói. Có khi, đó là lời *Nguyện cầu*, thể hiện nơi bốn câu thơ sau:

*Chấp tay, chấp đôi bàn tay
Nguyện cầu cho thế giới này an vui,
Cho người yêu dấu con người,
Cho tôi yêu dấu mãi người tôi yêu*

Trong cuộc sống, dẫu không là tín đồ của một tôn giáo, lòng hướng thiện, hướng mỹ, vẫn đưa con người nguyện cầu, xin đáng siêu nhiên ban cho điềm lành, tránh điều dữ, thuận theo đạo lý, an bình khi đang tồn tại trên cõi đời. Cầu nguyện, trong ý nghĩa tích cực của nó, là cuộc đối thoại, mong muốn nhận được điềm lành, điềm tốt. Cầu nguyện sẽ xua đi nỗi lo toan, sự thống khổ, cái nhỏ bé của con người trước bao la của vũ trụ, giúp con người trở nên thiện tâm, sống tốt và có ích cho cuộc sống.

Trong bài thơ, Bùi Xuân thành tâm, hai lần “chấp tay”: “Chấp tay, chấp đôi bàn tay”, nguyện cầu. Trước hết: *Cho thế giới an vui*, sau đó, đến *Cho người yêu dấu con người* và sau nữa: *Cho tôi yêu dấu mãi người tôi yêu*. Từ rộng đến hẹp, vẫn chỉ là cách viết, thật ra, trong tình yêu, tình thương, lòng bác ái, tất cả, là một, đó là, tấm lòng nhân hậu, thiện lương của con người. Hiện nay, cái xấu, cái ác trâng tráo, vì thế, cần lắm những bài thơ như *Nguyện cầu* của Bùi Xuân.

Thức giữa hương trà, bài thơ như kiểu nói lạ, không thuộc cái tạng của Bùi Xuân, viết 1992. Nhưng, xét đến cùng, vẫn con người ấy, một nẻo khác, đấy thôi. Chọn lối thơ 6 chữ, ngắt nhịp 2/4, vẫn liền (qua/ trà), các khái niệm thời gian, nhà thơ bày tỏ một quan niệm về lẽ sống và cái chết. Ai rồi cũng sẽ chết và mình, cũng sẽ chết. Đó là quy luật chung của con người. Con người đi qua cuộc đời này như bóng mây. Người xưa nói, bóng câu qua cửa sổ! *Lại thấy như mình con mãi*, câu thơ cần hiểu theo nghĩa, đấy là, sống tử tế, sống có ích, còn mãi trong trí nhớ mọi người:

*Thừa hiểu rồi mình sẽ chết
(Đời người thoáng bóng mây qua)
Nửa đêm thức giữa hương trà
Lại thấy như mình còn mãi.*

Phồn thực, nhiều lần lại nghĩ về, có các cặp câu, nói về thần Vishnu, Shiva, những vị thần trong Ấn Độ giáo, về Yoni, một đại diện sinh thực khí (aniconic) của nữ thần Shakti trong Ấn Độ giáo. Yoni thường được hiển thị với linga - đối tác nam tính của nó. Nhấn mạnh đến các tính chất: tạo dựng,

bảo tồn, hủy diệt, phồn thực, sinh sôi, nảy nở là nói đến ý nghĩa của sự sống, phát triển. Từ đó, tác giả:

*lại nghĩ về đôi mắt em đen láy
tinh khôi, rạng rỡ, gọi mời*

*lại nghĩ về những hạt mầm của đất
trồi lên ấm sáng mặt trời.*

Bài thơ phản ánh tín ngưỡng phồn thực trong văn hóa Việt-Chăm, mang ý nghĩa thiêng liêng, biểu hiện cho sự sinh sôi, nảy nở của vạn vật, đồng thời, đó cũng là khát vọng về ấm no, thuận hòa của cư dân nông nghiệp, như nhà thơ viết: *những hạt mầm của đất/ trồi lên ấm sáng mặt trời.*

Trên Văn nghệ số 49/2022, Bùi Xuân có hai bài thơ văn xuôi, đó là: *Ý nghĩa* và *Đôi mắt*. Lần này, trong tuyển tập này, Bùi Xuân có hai bài thơ xuôi, có tên *Bờ bên kia* và *Bóng nắng*. Hai bài đầy chất thơ, chất suy tưởng, có trình tự, lớp lang, như một câu chuyện ngắn.

Bờ bên kia có năm thực thể không gian, gồm: Bến đò-Người qua đò-Con sông-Con đò-Ông lão lái đò. Thời gian là một buổi chiều muộn. Ý nghĩa câu chuyện? Người lái đò, đã già, chòm râu bạc trắng, mỗi mệ, mái chèo chậm rãi, con đò lừ đừ, với già, đôi bờ chỉ là một. Người qua đò còn trẻ, nồn nao, mong qua được bờ bên kia.

Đò cập bến, *tôi lên bờ, gạt đầu chào ông lão rồi bước vội*. Người lái đò, gọi theo: *"Này, chừng nào anh bạn quay lại bờ bên kia, nhớ nhắc lão chèo con đò thật nhanh"*. Chuyện chỉ vậy? Không. Truyện rất ngắn, chỉ 187 từ. Phản ánh điều gì? Cùng chuyến đò. Hai bờ sông. Hai thế hệ. Hai suy nghĩ. Hai ứng xử khác nhau. Hai âm vọng khác nhau.

Tác giả không bình luận, gửi trao cho người đọc, suy nghĩ và suy nghĩ.

Bóng nắng, câu chuyện trữ tình, về một buổi trưa hè ở nông thôn. Bóng tre, bóng nắng đan cài, chiếc võng đung đưa, kéo cà kéo kẹt, chìm vào giấc ngủ. Phần sau, phần trữ tình ngoại đề, mượn *bóng nắng* để nói *bóng đời*, mượn *khoảnh khắc* để nói mãi mãi.

Câu chuyện lãng mạn: *Và em sẽ chẳng bao giờ là mặt trời buồn. Và tôi sẽ chẳng bao giờ là bề khổ đau. Cứ vậy: Trong ta đã từng có những giờ phút tuyệt vời, đáng sống.*

THƠ - TÁC GIẢ ẤN ĐỘ

KABIR

(Khoảng thế kỉ XV)

Kabir (tiếng Hindi: कबीर, tiếng Punjab: ਕਬੀਰ, tiếng Urdu: کبریہ) - nhà thơ thần bí Ấn Độ thời trung cổ, nhà cải cách nổi bật của phong trào Bhakti, tác gia cổ điển của văn học tiếng Hindi. Kabir sáng tác bằng tiếng Hindu, tương truyền suốt đời làm nghề dệt vải, mù chữ, phải nhờ người khác chép lại. Kabir để lại một di sản văn chương đồ sộ, khoảng 80 tập thơ, đủ các đề tài khác nhau, phản ánh tâm trạng và sự phản kháng của tầng lớp người nghèo.

Trong lịch sử của tư tưởng tôn giáo ở Ấn Độ, Kabir chiếm một vị trí độc đáo. Đối với người theo Ấn Độ giáo - ông là thánh Bhakti, đối với người Hồi giáo - ông là một vị giáo chủ, còn đối với người theo đạo Sikh - ông là hóa thân (avatar) của thần Hindu.

Trong các tác phẩm của Kabir, ông chọn con đường riêng trong thời đại của mình, vì vậy, cho đến bây giờ, sau hơn năm thế kỷ, những khát vọng về công bằng, nhân ái, bình đẳng,... vẫn cháy bỏng trên từng dòng thơ, lay động trái tim con người.

Người đầu tiên giới thiệu tác phẩm thơ ca của Kabir vào Việt Nam là nhà thơ Bùi Xuân. Từ những bản dịch của Bùi Xuân, qua các bài XII, XXX, XXXVII, LXXVII, XCII, XCVIII, người đọc nhận ra những khúc hát tình yêu nồng nàn, *Nơi đó, khu rừng mùa xuân là một bông hoa, và thơm ngát mùi hương/ "Bạn là Tôi" được sinh ra trên gió:/ Nơi đó, con ong của trái tim được đắm mình, và mong muốn không có niềm vui khác* (Khúc XII).

Kabir ca ngợi tình yêu:

Tình yêu giữa người và tôi làm sao có thể chia lìa?

Như lá sen nằm trên mặt nước: người là Chúa tể của tôi và tôi là tôi tớ của Người.

Như đêm nào con chim Chakor cũng chăm chú nhìn ra bóng tối để nhìn thấy mặt trăng: người là Chúa tể của tôi và tôi là tôi tớ của Người.

Từ khởi đầu cho đến kết thúc thời gian, ở đó là tình yêu giữa Người và tôi, và tình yêu như thế làm sao có thể tàn lụi.

Kabir nói: *"Như dòng sông nhập vào biển cả, trái tim tôi hòa hợp cùng Người."* (XXXIV)

Kabir nói: *"Tôi đang dệt vòng hoa của ngày đêm. Khi Người Tinh của tôi đến và đôi chân của Chàng chạm vào người tôi, tôi sẽ dâng Chàng giọt lệ."* (XCII)

Kabir mơ về một xã hội công bằng mà trong đó, người hạnh phúc là người không chạy theo danh vọng, coi mọi người đều bình đẳng và sống theo nghĩa vụ của mình.

Tình hoa thơ và cuộc sống của Kabir, đó là ý tưởng về tình yêu đối với Thượng đế, một tình yêu bình đẳng và toàn diện.

Những khúc hát của Kabir

Khúc thứ VI đó là những dòng thơ nói về Trăng - Tình yêu - Kiến thức. Trăng tròn ngập. Tất cả sự cảm nhận không bằng thị giác, thính giác. Mọi sự thấu thị là của Chúa. Ở đó, nhà thơ bàn về sự tìm kiếm của con người:

Đối với công việc không có mục đích nào khác ngoài thu hoạch kiến thức:

Khi đạt được kiến thức rồi thì công việc bỏ sang một bên.

Hoa nở cho trái: khi trái kết thì hoa khô héo.

Xạ hương ở trong con hươu, nhưng con hươu không biết hương thơm đó ở trong chính nó: nó lang thang tìm kiếm trong cỏ.

Khúc XIV nói về dòng sông, những con sóng và nước. Sông là dòng nước chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt của trái đất. Các dòng sông hầu hết đều đổ ra biển. Các con sóng là một thành phần quan trọng trong vòng tuần hoàn nước.

Sóng và gió đi liền với nhau. Không có gió thì không có sóng. Gió là nguyên nhân đầu tiên và trực tiếp gây nên sóng.

Nước là một hợp chất vô cơ, không màu, không mùi, không vị, là thành phần chính của thủy quyển Trái đất và chất lỏng trong tất cả các sinh vật sống.

Nước rất quan trọng đối với tất cả các dạng sống, mặc dù nó không cung cấp calo hoặc chất dinh dưỡng hữu cơ. Nước bao phủ 71% bề mặt Trái đất, chủ yếu ở các sông, biển và đại dương.

Ý nghĩa khúc XIV, mượn các hiện tượng của tự nhiên, những thực thể quan trọng với đời sống con người để nói đến vai trò lớn lao của bà mẹ thiên nhiên, bà mẹ vũ trụ. Con người gắn gũi, gắn bó, yêu thương với dòng sông, con sóng và nước. Đáp lại, thiên nhiên ban tặng sự sống cho con người. Tất cả là chuỗi hạt với ý nghĩa:

Ở trong Linh Hồn Vũ Trụ Tối Cao, toàn thế giới đang được nói như là chuỗi hạt:

Hãy nhìn vào tràng hạt kia với đôi mắt thông tuệ.

Khúc L nói về tiếng sáo - Tiếng Sáo Vô Biên - tiếng sáo không ngừng và âm thanh của nó: Tình Yêu. Tiếng sáo Kabir như tiếng sáo Trương Chi, Tiếng sáo Thiên Thai của Thế Lữ đều vang lên khúc nhạc Tình Yêu,

Tình yêu vượt các giới hạn, tình yêu là hương gây mùi nhớ, tình yêu là *không có kết thúc, không có vật cản đường.*

Ba khúc hát của Kabir là tiếng ca của trái tim con người gửi Tình yêu đến Thượng đế.

RABINDRANATH TAGORE

(1861 - 1941)

Trong toàn bộ sáng tác của mình, R.Tagore luôn nhìn sâu vào thế giới nội tâm con người bằng đôi mắt của tình yêu thương con người và ngợi ca tình yêu thương cao cả giữa con người với con người và con người với thiên nhiên.

Tagore là nhà thơ của Tình Yêu. Chủ đề về tình yêu thể hiện ở những tác phẩm như Người làm vườn, Tặng phẩm của người yêu... Tình yêu là nhân tính thiêng liêng của con người và ai cũng phải yêu, đó là một nhu cầu của sự sống. Trong những sáng tác của Tagore, chủ đề về tình yêu luôn chiếm một vị trí quan trọng. Tagore cho rằng tình yêu là hạnh phúc:

*"Tình yêu ơi: Khi người đến
Với ngọn đèn đầu khổ bình sáng trong tay
Thì ta có thể nhìn thấy mặt người
Và biết người là tuyệt vời hạnh phúc."*

Khúc 2 là một tin truyền, một thông điệp của những bông hoa mùa xuân, thể hiện bao khát vọng của trái tim nồng nàn, nhưng nhớ.

Tháng Tư. Cánh đồng rì rào, thơm ngát những bông hoa mùa xuân. Trái tim xanh lên. Ngập tràn:

*Người yêu tôi không đến nhưng nàng chạm vào tóc tôi và giọng nói
của nàng lướt qua cánh đồng tháng Tư rì rào, thơm ngát.
Ánh nhìn của nàng trong bầu trời, nhưng đôi mắt nàng nơi đâu?
Những nụ hôn của nàng trên không, nhưng đôi môi nàng nơi đâu?*

Khúc 5 như một bài thơ trọn vẹn, không khí thanh sạch, gần gũi, tràn đầy nhưng rung động tế vi về tình yêu. Những cung bậc tha thiết như một *chuỗi bài hát, Những nỗi đau tình yêu một thời xa lắc / Những đoàn tụ và chia li một thưở xa xôi / hiện ra như một vì sao đã từng neo trong ký ức...*

Tình yêu, một chủ đề lớn trong thơ Tagore: Thi ca của ông, xuất phát từ một tình yêu sâu sắc và sự hiến dâng, do đó, thường có nội dung ca ngợi thiên nhiên và cuộc sống.

Đối với ông, sự phong phú muôn màu vẻ của cuộc sống là nguồn vui bất tận không mang yếu tố trần tục. Tình yêu, mô-típ bằng bạc trong khắp các tác phẩm văn chương của ông. Ông yêu nhân vật nữ, trân trọng đối với người phụ nữ.

Khúc 6 là một bài thơ đầy đủ, vẹn toàn, mang khí quyển của tình yêu, đầy những rung động tinh tế vi về tình yêu. Những hình ảnh, những dòng thơ nói lên niềm vui, nỗi buồn, sự mong mỏi của trái tim, những kỷ niệm, những bài hát tình yêu,...

Và quy tụ trong một tình yêu duy nhất dưới chân em.

Có thể nói, bài văn về tình yêu mà R. Tagore đã viết trở thành thứ triết lý nhân sinh, nền tảng là tình yêu, là hạnh phúc con người, là vẻ đẹp muôn màu của sự sống, tất cả trở thành *lời bài hát tình yêu của các nhà thơ thuộc mọi thời đại.*

Bài hát Jana Gana Mana của ông được chọn làm quốc ca Ấn Độ. **Khúc ca 51** là những hình ảnh rạng ngời qua những lời thơ của R. Tagore viết về Tổ quốc và Nhân dân của Ấn Độ.

*Người trị vì trong tâm trí mọi người,
Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ.
Tên Người làm rung động trái tim
của Punjab, Sindh, Gujarat và Maratha,
của Dravida, Odisha và Bengal.
Nó vang vọng trên những ngọn đồi của Vindhya và Himalayas, hòa
mình trong âm nhạc của Jumna và Ganges.
và được những con sóng biển Ấn Độ đời đời xưng tụng.
Họ cầu nguyện phước lành cho Người và hát ngợi ca Người,
Người kiến tạo vận mệnh Ấn Độ,
Chiến thắng, Chiến thắng, Chiến thắng thuộc về người.*

R. Tagore từng viết : *"Thà làm một bông sen nở khi thấy mặt trời rồi lấy hết tinh nhụy còn hơn giữ nguyên hình nụ búp trong sương lạnh vĩnh cửu của mùa đông"*. Một quan niệm tích cực về sống và sáng tạo của nhà thơ thiên tài Ấn Độ R. Tagore.

* BHAWANISHANKAR NIAL

Thơ của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng như tiếng Anh bởi các nhà thơ Bankim Mund và Gobinda Sahoo, tiếng Ý bởi Emanuela Rizzo, tiếng Serbia bởi Sova Sovka Sovic, tiếng Nga bởi Vellary Basyrov và Elena Danishina, tiếng Trung bởi Kitty Hsu, tiếng Pháp bởi Elizabeth Guyon Spennato, tiếng Ba Lan bởi Zbigniew Miroslawski, tiếng Ả rập bởi Mohamed Helmy Al-Rishah, tiếng Albania và Pháp bởi Marjeta Shatro Rrapaj, tiếng Philippines bởi Tiến sĩ Jes Besin, tiếng Việt bởi Đỗ Mai Hoà, tiếng Urdu bởi Shahid Abbas, tiếng Pakistan và Bengali bởi Mahua Das.

Nhà thơ Bhawani Shankar Nial là khách mời tại Ngày thơ quốc tế 2021 tại Ý và Hội thảo thơ quốc tế 2021 tại Pháp. Ông từng đoạt các giải thưởng như Đại sứ hoà bình quốc tế do WLFPHR (Diễn đàn văn học thế giới vì hoà bình và quyền con người), Bhuttan trao; Đại sứ hoà bình toàn cầu do Tổ chức Iqra, Ấn độ trao; Giải thưởng Ngôi sao do tổ chức Dấu chân toàn cầu Bangladesh trao; Giải thưởng Nghệ thuật Tư liệu Cảnh sát do Hàn Quốc trao; Giải văn học Luminaries - 2021 do Viện Nghệ thuật và Thơ ca Nizeria trao.

Nhà thơ Bhawani Shankar Nial đã có tập thơ, mang tên Encounter with Death, tạm dịch: *Chạm trán Cái chết*. Ông bàn về cái chết, rút ra từ đó, những ý nghĩa về tôn giáo, sinh vật học, khoa học, pháp lý, xã hội. Con người chỉ chết một lần. Trong y học, Chết là sự Chấm dứt vĩnh viễn của mọi hoạt động sống như hô hấp, trao đổi chất hay sự phân chia các tế bào.

Trong xã hội loài người, bản chất của cái chết và sự nhận thức của con người về cái chết là các mối quan tâm qua hàng thiên niên kỷ của tôn giáo và triết học. Điều này bao gồm niềm tin vào sự tái sinh theo các tôn giáo Ấn Độ. Chính ở điểm này, trong thơ ca Ấn Độ, cái chết không bị lãng quên như chủ nghĩa vô thần. Các nhà thơ Ấn Độ thường bàn về cái chết. Bhawani Shankar Nial cũng vậy.

Bhawani Shankar Nial có *Cái chết và tôi*. Bài thơ có 5 khổ. Khổ một, mô tả nhiều lần nhân vật xưng Tôi đã đến lãnh địa của Hồn, ngầm ý nói Cái Chết. Câu chuyện bắt đầu từ đây. Lần hai, Đi với hồn. Tranh cãi để thấu hiểu. Hết lần này đến lần khác. Về cái sinh và cái diệt. Lần ba, thăm và lại thăm. Thung lũng hẻo lánh của hồn. Để lại tôi. Hằng hà sa số dấu chân. Của vô ngần ngờ vực. Và. Tiến thoái đờn đau. Trên cát mềm của nó.

Những hình ảnh cho thấy, sự đối thoại giữa hần và cái chết có vô vàn tâm trạng, bí ẩn có, ngờ vực có, đờn đau có, tiến thoái có. Những cung bậc đó, phản ánh tâm tình và nhận thức đối với cái chết. Cuối cùng, như một ca thí nghiệm, như những cuốn sách trong thư viện, nghĩa là tiếp tục soi xét, dò xét.

Ở Việt Nam, nhà nghiên cứu Bằng Giang cho rằng, có đến 1001 cách diễn đạt về cái chết. Bhawani Shankar Nial với *Cái chết và tôi* là một kiểu nói về cái chết.

Nhật ký lá xanh, bút ngọc lục và mực son của Bhawani Shankar Nial là bài thơ nói về *cuốn nhật ký màu lá xanh*, trên đó, chiếc bút máy ngọc lục bảo của hần, đồ bên trong, mỗi chủ nhật.

Ngọc lục bảo là một loại khoáng vật berin mang màu lam (bluish green). Màu xanh của ngọc lục bảo xuất phát từ hàm lượng nhỏ crôm và đôi khi cả vanadi trong khoáng vật. Ngọc lục bảo có thể được sản xuất nhân tạo.

Với chiếc bút ngọc lục bảo, hần đã họa về nhiều cuộc chiến tranh, huy hoàng trên những trang giấy lạnh lẽo, về những đóa Palasa, những giai thoại róm máu.

Những lời đỏ, phác họa Mặt trời, xua bóng tối đang trị vì. Vãn cây bút lục bảo, đồ bên trong, trên cuốn nhật ký lá xanh, kêu đòi, Mặt trời đang lên. Mỗi Chủ nhật. Lặp đi lặp lại...

Bhawani Shankar Nial có bài thơ bàn về thể loại thơ. Tại Việt Nam, Chế Lan Viên là nhà thơ có nhiều bài thơ về thơ, độc đáo vô cùng. Bhawani Shankar Nial cũng vậy. Ông bàn về *những tia cảm xúc không bến bờ, những biên giới không hồi kể, những phấn hương thánh thần, những ham muốn đầy nọc độc*.

Thế giới này, thơ đến, như mật ngọt của ta, *như một giọt nước nhỏ nhoi/ Một ngọn núi lặng yên/ Một dòng sông thì thầm/ Một đại dương bình tĩnh/ Và nhiều khi như/ Một con hươu cô độc. Lẫn khác/ Những lá đa xoay vần/ Trong cơn bão*.

Thơ/ Người đến bất diệt, Tạo ra vô ngần/ Nguồn ánh sáng/ Và rất nhiều khả năng cho/ Bóng tối.

Thơ mang lại cho con người bao niềm phẩm kích, phấn khởi. Ra xun Gãmtatốp trong *Đa-ghex-tan của tôi*, đã viết: *Thơ ca, nếu không có người,*

tôi đã mở cõi. Không có thơ, cuộc sống sẽ nghèo nàn, tâm hồn, tình cảm con người sẽ trở nên cằn cỗi. Thơ ca nâng cao cuộc sống con người. Raxun Gamzatốp cũng nói: *Cuộc sống sẽ tối tăm nếu không có thơ ca.*

Bhawani Shankar Nial với *THƠ* không chỉ nêu cảm xúc, còn bàn đến tác dụng của thơ ca đối với đời sống con người. Mấy dòng cuối bài; Nguồn ánh sáng - Bóng tối và Khả năng lựa chọn của cuộc đời. Một kết luận quan trọng.

*** NIRBHAY DEVYANSH**

Nhà thơ Nirbhay Devyansh bày tỏ niềm mong ước chân thành, đó là: *“Đối với tôi, hai tiếng Việt Nam chính là tâm hồn của sự chiến đấu vì hòa bình, tình yêu và tương lai tốt đẹp cho loài người. Nếu như không có lòng dũng cảm, thì làm sao nhân dân Việt Nam có thể giành độc lập và tự tin đứng lên xây dựng một đất nước tươi đẹp như vậy. Điều kỳ diệu đó đã xảy ra là do người dân Việt Nam dâng hiến tình yêu lớn của mình cho quê hương, như những người mẹ dồn tình yêu cho con của mình. Bất cứ ai tin tưởng vào niềm đam mê của con người, thì đều dành tình yêu thành thực của mình cho đất nước Việt Nam. Và với tình cảm đó, thì không ai có thể phủ nhận bản lĩnh của văn học, nghệ thuật Việt Nam. Bất cứ một bước đi nào cũng cần đam mê, bất cứ một hành động nào cũng cần tình yêu. Mọi việc làm đều cần đến cảm xúc, như văn học cần đến ngôn ngữ và tình cảm. Văn học Việt Nam cho chúng tôi nguồn sống, tâm thế lạc quan, tiến bộ trong những tình huống đen tối. Những nhà văn Việt Nam đều rất mạnh mẽ, thực tế trong tư tưởng sống và phấn đấu, làm việc, điều mà khó tìm thấy ở các đất nước khác. Chúng tôi vô cùng mong muốn được là một phần của văn học Việt Nam”.*

Thơ Nirbhay Devyansh nghiêng xuống số phận con người, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người và đấu tranh chống lại các thế lực xâm phạm quyền sống, quyền tự do của con người.

Tiếng hét của hai em gái nhỏ là bản cáo trạng đanh thép về những hành động dã man trong việc đánh bom, giết người vô tội. Tám dòng thơ mở đầu cho thấy thời gian, địa điểm của kẻ khủng bố tại Delhi đông đúc. Câu chuyện ghi lại, người thoát chết, kẻ tử nạn, dân hoảng loạn, hàng trăm người bị thương, chạy dọc ngang khắp chốn, trong đó, có hai em bé gái.

Tiếng gào khản, Mẹ ở đâu mẹ ơi/ Mẹ vừa mới đây thôi/ Mua đồ chơi rất đẹp/ Mẹ vừa mới đây thôi/ Dẫn các con đi chơi/ Đi vòng quanh Chandi Chowk/

Rồi bỗng tiếng nổ vang. Các dòng thơ kể lại sự việc, ngập tràn nước mắt. “Mới đây thôi”, nay lia đàn lia gánh, nay âm dương cách biệt: Vụ đánh bom liên tiếp/ Tiếng la hét thất thanh/ Của hai em bé gái/ Đan xen giữa vụ nổ/ Những sinh linh vừa xong/ Bỗng chốc hóa tro tàn/ Nào bao điều ao ước/ Nào đồ chơi, đi dạo/ Xung quanh khu Chandni Chowk/ Đâu rồi, ở đâu rồi???

Những dấu hỏi nơi cuối bài thơ, không có lời đáp. Thảm thường quá! Đau xót quá! Tiếng hét của hai em gái nhỏ như xé trời, vọng xuống thế gian, rằng là, đâu là quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền tự do của con người! Nhân loại kêu gọi chống khủng bố, giảm các điều kiện đe dọa an ninh đối với con người, coi mục tiêu an bình là tối thượng quan trọng.

Một người phụ nữ đang thức, một bài thơ công dân, một bài thơ yêu nước, một bài thơ nặng trĩu tấm lòng đối với con người. Cả thị trấn im lìm. Mọi cái cần được bảo vệ. Một người Mẹ vĩ đại vẫn thức, vẫn canh giấc ngủ mọi người, vẫn bảo vệ thành phố. Đó là:

*Nửa đêm cả thành phố chìm trong giấc ngủ say
Một người phụ nữ vẫn còn thức
Tên bà ấy là
Người Mẹ Ấn Độ.*

Lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, yêu người dân sống trên mảnh đất cha ông. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và dung dị, nói như bài thơ, tên bà ấy là: Người Mẹ Ấn Độ.

Nhà thơ Nirbhay Devyansh thường mượn hình tượng người phụ nữ để tôn vinh những giá trị cao quý. Đừng xem trọng những dáng hình bề ngoài, hãy nhìn sâu vào bên trong, vào tâm hồn, vào nỗi khổ tâm, đau đớn:

*Thôi, đừng nhìn
Người có nốt ruồi trên mặt, có nỗi khổ tâm không biết do đâu
Còn lại gì trong cuộc sống của nhau
Khi trái tim của người phụ nữ đau đớn!*

Bài thơ *Nghiện thuốc lá* của Nirbhay Devyansh là một triết luận về nghiện hút thuốc. Bài thơ không nói đến tác hại của việc hút thuốc, không nêu các loại bệnh do hút thuốc lá gây nên như ung thư phổi, gan, thanh quản, dạ dày. Cũng không khuyên mọi người nên tránh. Cũng không để

ngộ cộng đồng chung tay ngăn chặn, nâng cao ý thức, giữ gìn sức khỏe cho bản thân và xã hội. Tác giả chỉ nói về:

*Làn khói này mùi này
Sẽ đốt cháy nỗi buồn
Sẽ thiêu đi nỗi đau
Của con tim bầm dập
Ít ra điều thuốc này
Còn tốt hơn tất cả
Người quen và người thân
Những người từng có lần*

*Hứa hy sinh tính mạng
Hứa đủ điều đẹp đẽ
Và rồi họ khuyếch tán
Lời hứa gió thổi bay
Như làn khói thuốc lá
Hun hút vào không trung
Mùi của trái tim cháy
Họ vô tình không hay*

Cũng như Bhawani Shankar Nial, nhà thơ Nirbhay Devyansh có bài thơ nói về cái chết, bài Cái chết không còn là bí ẩn. Nhà thơ khẳng định, Cái chết không còn là bí ẩn, nó hoàn toàn quen thuộc, không đầu hàng, hiên ngang đối diện. Nhạc sĩ Wolfgang Amadeus Mozart cho rằng: Tôi cảm ơn Chúa đã độ lượng ban cho mình cơ hội để hiểu rằng cái chết là chìa khóa mở cánh cửa dẫn tới chân hạnh phúc. Douglas MacArthur cũng khẳng định: Chỉ những người không sợ chết là đáng sống.

Phần thứ hai của bài thơ nói rõ triết lý cái chết của nhà thơ:

*Nếu còn sống thì họ sẽ sống vì nhân dân
Hạnh phúc của mọi người cũng là hạnh phúc của họ
Cái chết đối với họ không bao giờ là điều nuối tiếc
Ngay lúc này đây nếu điều ấy xảy ra
Họ không bao giờ sợ chết
Không bao giờ nói dối.*

Sống vì nhân dân, vì hạnh phúc của mọi người, *không bao giờ sợ chết/ không bao giờ nói dối. Một lối tư duy tích cực.*

Bài *Hiến pháp đối với mỗi con người* phản ánh một thực trạng xã hội, đó là, bộ phận những người nghèo, không biết gì về luật pháp, hiến pháp. Một bài thơ, qua nhiều khổ, giải thích về hiến pháp đối với mỗi con người. Câu hỏi đầy đau đớn với Chúa, đầy thương cảm với con người, vẫn muôn đời nay:

*Sao Chúa lại tạo ra những người này mà không thương cảm?
Họ sống như thế hệ ông bà mình bao lâu?
Khi chưa từng biết hiến pháp là gì
Cũng không quan tâm duy vật chủ nghĩa
Thế mà vẫn tồn tại đến nay
Dù cuộc sống không khá hơn bộ lạc*

Bất công xã hội, những khổ nhục cuộc sống, bạo lực và bạo hành đối với con người, nhất là trẻ mồ côi, khiến chúng ta đau lòng chứng kiến:

*Đứa trẻ một mình
Cô đơn
Trong ngôi nhà rộng
Không còn ai ngoài đứa trẻ mồ côi
Khi được hỏi, cậu trả lời trong đầm đìa nước mắt
Mẹ - cha, anh chị em cháu
Cả ông - bà, cả nhà
Đêm qua đã chết trong vũng máu bạo loạn còn đâu!*

Thơ là tiếng kêu gào về nỗi khổ của con người. Thơ không thể dừng đứng trước số phận con người, dẫn đến Phật - Chúa: *Chỉ vì những mẩu bánh mì/ Mà sao thế giới thịnh - suy thế này/ Ngày qua ngày lại qua ngày/ Giết người - tội phạm, thương thay nhân quyền/ Chúng con chỉ biết khẩn xin/ Trên cao Phật thấu nỗi niềm sầu bi/ Ban cho những mẩu bánh mì/ Trong tòa nhà cháy, bớt đi phận nghèo/ (Phật ở chùa)*

Các bài thơ *Đứa trẻ mồ côi, Phật ở chùa, Luật pháp của người đàn bà điên, Nỗi sợ trước khi sinh, Ai cũng khoả thân, Trạng thái tinh thần của kẻ sát nhân...* phản ánh những vấn đề xã hội, kêu gọi sự bình đẳng, bác ái, chống lại sự chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của con người, bớt đi những phận nghèo, khổn khó.

* SANJAY BORUDE

Tiến sĩ Sanjay Borude có nhiều bài thơ đáng chú ý. *Lời bạch cô đơn* là bài thơ viết theo thể tự do, có câu dài, câu ngắn, được dịch ra thành thơ 3 chữ, 5 chữ. Bài thơ có 1257 từ (bản tiếng Việt). Cái độc đáo của bài thơ nằm ở kết cấu, thể loại và ngôn ngữ.

Hình tượng chiếc lá xuất hiện đầu tiên, tác giả khẳng định:

*Thật không dễ
Để hiểu về
Những chiếc lá..*

Quả đúng vậy. Chiếc lá mang nhiều ý nghĩa, tượng trưng cho sự phát triển và vòng quay của tự nhiên. Lá mọc vào mùa xuân, tượng trưng cho sự phát triển, sinh sôi và tuổi trẻ. Một chiếc lá tưởng chừng như vô tri, song, sự hiện diện của lá, sắc màu của lá, chứa đựng nhiều cảm xúc và suy nghĩ.

Nhà thơ Sanjay Borude nói về chiếc lá với nhiều ý nghĩa. Tác giả nghĩ về chiếc lá, đến với chiếc lá với một thái độ trân trọng, quý yêu:

*Chúng ta đây/ Cần rũ sạch/ Chạm tới đáy/ Màu xanh cây/ Rồi đong
đầy/ Sự chịu đựng.*

Từ màu xanh của lá đến hoa trở bông, cả một chu trình của máu, của con tim gánh chịu nhiều vết thương. Một hành trình đi từ những đớn đau, khổ hạnh để đi tới hạnh phúc (màu xanh, hoa trở bông). Lá là cơ quan quang hợp chính của cây, tổng hợp nên chất hữu cơ và tạo ra các chất dinh dưỡng cơ bản để nuôi cây, lá còn là cơ quan hô hấp và thoát hơi nước.

Có điều kỳ diệu với lá, đó là, để thích nghi với các môi trường sống khác nhau hoặc với một số chức phận đặc biệt, lá có thể biến đổi hình dạng thành các bộ phận sau đây: vẩy, gai, tua cuốn, lá bắt mồi,... Vì thế, Sanjay Borude tinh tế nhận ra và viết: *Màu đỏ máu/ Hoa trở bông/ Vết thương lòng/ Con tim chịu/ Để rễ bú/ Dựa linh hồn/ Rất bồn chồn/ Sau một hồi/ May ra ngộ/ Được chút thôi/ Về cái gọi/ Là chiếc lá.*

Còn về ngôn ngữ lá, nhà thơ viết:

*Để thấu hiểu
Ngôn ngữ lá
Thì có mà
Còn rất xa*

Lá có nhiều hình thể, tùy loại cây và thổ nhưỡng, lá góp phần cho ra nhiều loại hoa xinh đẹp, lá có ngôn ngữ riêng, không dễ thấu hiểu.

Phần hai, nói về chiếc xe đạp tặng con gái để mong có mãi niềm vui trên gương mặt, trong ánh mắt cô con gái rượu. Nhà thơ cũng xác tín một điều, rằng là, cuộc sống thay đổi: *Chiếc xe đạp/ Chẳng còn đẹp, Niềm khát khao/ Sẽ để vào/ Chiếc xe khác.*

Chiếc xe đạp đi về một ngã khác, ngã đường đời. Phải có kỹ thuật để giữ khỏi ngã, dù trên đường phố, bóng nhấp nhô, song, cuộc đời này, như cha chỉ ra: *Rồi một ngày/ Gặp chướng ngại/ Con mới hay/ Con đường này/ Dòng đời ấy/ Không phải đâu/ Để đổi đâu/ Chẳng phải đâu/ Luôn bình lặng. Vì thế, người cha thấu hiểu và căn dặn: Sự thật đấy/ Tôi bắt đầu/ Dạy con thấu/ Hiểu cho sâu/ Con đường dài/ Tương lai mở/ Vì lẽ đó/ Tôi tặng con/ Chỉ mình con/ Chiếc xe đạp.*

Phần ba, cảnh báo về những nhân danh Chúa, ám sát Chúa ngoài đời, tự mãn, phô trương.

Phần bốn, nhiều câu thơ, khá dài, bàn về một nhân vật, điên cuồng đau, sau hàng cây, anh ta trồng, về câu chuyện gia đình, về khu vườn nhỏ, về những người khách, nói chung, về cây. Một kiểu nói về tác dụng của cây, của việc trồng cây.

Phần năm, nghĩ về một bài thơ, theo tác giả, *Không thể viết/ Nỗi bài thơ/ Đời thực như/ Là địa ngục...* Thật ra, mọi nỗi khổ, đều từ cuộc đời, dầu vậy, nói như tác giả: *Mà thực ra/ Phải thú nhận/ Rằng thơ ca/ Thật ra là/ Mặt trời nhỏ/ Có hồng hoa/ Đi xuyên qua/ Hồn tĩnh lặng/ Người hay chăng?* Phần này, nói rõ, đó là chức năng xã hội của thơ ca.

Phần sáu, đó là, những cung bậc của tình yêu, cả yêu thương và phản bội, cả nước mắt và niềm tin.

Phần tám, nổi nghi hoặc và bài học trong cuộc sống hôm nay.

Phần chín, giữ gìn các mối quan hệ, *đừng để bị ảnh hưởng/ rồi làm nhau tổn thương/ hãy khiêm tốn nhường/ đừng để phải hối tiếc/ bởi chúng rất dễ dàng/ bị hủy diệt tiêu tan/ chỉ với ngòi lửa nhỏ/ bằng nghi ngờ vu vơ...*

Cả đoạn thơ là những bài học đạo lý, cần áp dụng trong đời. Những phần còn lại, như 10 A, B, C là bài học cho đàn ông, đàn bà, cho bạn trai, bạn gái giữ ở những mức độ cho phép, không bị xem là cặn bã, bị khinh bỉ ruồng rã,...

* PRAVAMAYEE SAMANTARAY

Pravamayee Samantaray, nhà thơ nữ Ấn Độ, có một phát biểu tuyệt vời về Việt Nam. Trên báo *Sức khỏe và Đời sống*, số ra ngày 30-8-2016, bà nêu:

Vào năm 2015, tôi có một cơ hội “vàng” khi được tới quê hương thứ hai của tôi, Việt Nam. Đó là một nhiệm vụ thân thương nhất giúp tôi chia sẻ sự tương đồng, sự đa dạng văn hóa, những tình cảm trào dâng và học hỏi thêm về văn hóa, truyền thống và văn học của Việt Nam.

Bà từng viết: “Lần đầu tiên đặt chân tới Việt Nam vào tháng 11/2014, nhưng tôi đã biết tới Việt Nam kể từ năm 2009. Năm tôi trở thành thành viên của Hội hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam ở Ấn Độ và tôi đã tham gia các hoạt động của Hội. Cùng tham gia các chương trình, hội thảo, các bài giảng và đọc sách về vị lãnh tụ vĩ đại và nhà nhân văn Hồ Chí Minh, tôi càng cảm thấy gắn bó với Việt Nam hơn. Trên thực tế, tôi đã yêu Việt Nam qua hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Người là một nhà cách mạng, một nhà văn, một nhà thơ. Người đã mang đến một hướng đi mới cho nền văn hóa Việt Nam trong đó có văn học.

Tập thơ “Nhật ký trong tù” đã được xuất bản không chỉ bằng tiếng Việt mà bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Theo quan điểm của Người, viết theo cách mà ai cũng có thể hiểu được, cho dù là người trẻ hay người già, đàn ông cũng như đàn bà, thậm chí cả trẻ con cũng có thể hiểu được. Thơ của Người viết về những phương diện khác nhau của đời sống như giải phóng, chính trị, nỗi buồn vì bị thực dân đô hộ, lòng mong mỗi nước nhà được tự do, cuộc kháng chiến, truyền thống Việt Nam và thậm chí Người còn viết cả thơ trào phúng. Đây là phong cách tinh tế, trầm tư và mang tính biểu tượng.

Nền tảng triết học, tư tưởng và thơ ca của Người tập trung vào thân phận người dân thường. Người xót thương tầng lớp nhân dân bị áp bức và suốt cuộc đời của Người đã tận tâm để nâng cao thân phận của họ. Người tin vào tình anh em quốc tế, giải phóng, bình đẳng, công lý và theo hệ tư tưởng của Người, Việt Nam giờ đây đang trên đường trở thành một trong những nước phát triển nhanh. Một nghiên cứu gần đây cho thấy Việt Nam nằm trong top 5 nước trên thế giới nơi mà người dân làm việc ít gặp phải stress nhất trong khối doanh nghiệp. Tính thật thà và kỷ luật đang chảy trong dòng máu của người Việt Nam. Một trong những lời dạy của Người quả là đúng ở khía cạnh này: “Vi lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”.

Trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng, bên cạnh việc chiến đấu giành lại tự do cho dân tộc, Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân tập trung vào giáo dục và

y tế, đặc biệt là vấn đề chăm sóc cho trẻ em. Những người nghèo nhất trong số những người nghèo đã theo lời kêu gọi của Người có thói quen uống nước đun sôi. Người dân đã theo lời Hồ Chí Minh để đạt được thành quả là số người biết chữ đã tăng nhanh chóng trong suốt cuộc kháng chiến bởi đó cũng là một vũ khí trong cuộc chiến chống lại kẻ thù.

Trong suốt thời gian ở lại Việt Nam, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi nhận thấy một đất nước đã từng bị tàn phá trong chiến tranh đã nổi lên trong chiến tuyến của các nước đang phát triển về cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục và vị thế bình đẳng cho phụ nữ,... Liên quan tới vị thế của người phụ nữ, không chỉ riêng Ấn Độ mà hầu hết các nước châu Á khác có lẽ vẫn còn đứng sau Việt Nam.

Ít ai yêu đất nước Việt Nam, yêu văn chương Việt Nam như bà, đặc biệt lòng kính trọng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bà là thành viên Hội hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam.

Thi ca của Pravamayee Samantaray là thế giới của tình thương, tình yêu đối với con người. Những bài thơ ngắn, số câu không nhiều, thường mang chủ đề này.

Pravamayee Samantaray viết về *Nụ cười*, có 8 dòng thơ, đầy yêu thương và tinh tế:

*Này bạn hãy mang nụ cười của bạn
Lấp đầy những chiếc hộp trống không
Rồi cất chúng ở những nơi riêng lẻ
Như mẹ ta bao năm đã từng
Giữ như thể các mặt hàng thiết yếu
Bảo quản trong niềm hân hoan
Khi thiếu hụt lấy ra dùng bạn nhé
Để nụ cười xưa đi hết lo toan.*

(Phạm Vân Anh - dịch)

Nụ cười chỉ làm giàu thêm cho người nhận nó, có khi nhớ mãi trong đời. Nụ cười lấp đầy những chiếc hộp trống không, mang hạnh phúc trong gia đình, đồng thời, nó là nguồn gốc của những dấu hiệu đẹp đẽ của tình bè bạn. Nụ cười xưa tan đi bao mệt nhọc trong cuộc sống, nó là bình minh cho bao kẻ ngã lòng, là nắng ấm mùa xuân xuân cho bao kẻ buồn rầu và là thuốc mầu nhiệm nhất của tạo hóa để chữa lành những lo âu, những thất bại. Con người biết sử dụng đúng chỗ, đúng thời điểm, đúng đối tượng, nụ cười sẽ phát huy tác dụng. Người ta chỉ giàu có khi biết giữ nụ cười để tặng

kẻ khác, trao gửi cho kẻ khác. Hãy cất nụ cười ở những nơi riêng lẻ, như mẹ đã từng giữ và bảo quản, để khi thiếu hụt, lấy ra dùng, bạn nhé!

Bài thơ ngắn, ý nghĩa sâu xa, một bài học ở đời, giá trị vô cùng phong phú. Nụ cười là kho báu, kho báu đó, không mua được, không mượn được, không tranh giành, song, vô cùng cần thiết trên mỗi bước đường đời.

Sóng và Bờ là cuộc đối thoại giữa bờ và sóng. Bờ thuyết phục sông đừng xô đập nữa, hãy làm hòa với bờ, nhưng sóng vẫn phớt lờ, mặc kệ mọi lời khuyên...Sao vậy? Thật ra, hai thực thể này, có nguyên lý tồn tại khác nhau, lẽ sống khác nhau, luôn nương tựa vào nhau, luôn cần có nhau, luôn hỗ trợ nhau, không thể có cái này mà không có cái kia. Không có Sóng, đâu cần có Bờ. Không có Bờ, Sóng về đâu? Bờ là giới hạn và tìm đến của Sóng. Sóng là người bạn, ngày đêm vỗ mãi nên Bờ. Sóng và Bờ gắn bó nhau, hòa quyện nhau, nâng đỡ nhau, cả khi vui khi buồn: *Nhưng không, sóng mặc kệ/ Nó nhất quyết bám bờ / Dẫu chỉ để trêu trọc / Dẫu chỉ để gặm ghè / Đôi khi yêu se sẽ...*

Có lẽ, với trái tim của người phụ nữ, Pravamayee Samantaray nhận ra sự giao hòa tuyệt diệu này. Cũng vậy, tại Việt Nam, Xuân Diệu có bài thơ *Biển* nổi tiếng, có những câu thật hay về bờ và sóng:

*Anh không xứng là biển xanh
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng
Bờ cát dài phẳng lặng
Soi ánh nắng pha lê...*

*Bờ đẹp để cát vàng
- Thoai thoải hàng thông đứng
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng...*

Hy vọng, một bài thơ ngắn. Bản dịch tiếng Việt dài hơn bản Tiếng Anh. Bài thơ bàn về niềm tin. Những câu đầy tính khẳng định: *Hy vọng thấp ngọn đèn / Giữa gian nan tranh đấu / Tựa như trong giông tố / Vẫn lấp lánh niềm tin / Khi miệng vực kẻ bên / Dẫu sa vào tuyệt diệt / Một đôi giọt hy vọng / Làm sức mạnh bùng lên. Chế Lan Viên từng viết: Người dưới vực sâu vẫn cứu kẻ trên bờ / Nếu dưới vực sâu còn dũng khí (Khi đã có hướng rồi)*

Thơ Pravamayee Samantaray là thơ nặng về suy tưởng, *Thấp sáng từ ý chí* (Hy vọng), do vậy, dễ thấy là, chất luận lý chiếm tỷ lệ lớn, ít trữ tình.

* RESHMA RAMESH

Trong Tuyển tập này, Reshma Ramesh là nhà thơ có số lượng bài chọn nhiều hơn các tác giả khác. Nữ thi sĩ này có nhiều bài được dịch và tuyển chọn.

Những ngọn núi có ký ức của Reshma Ramesh là bài thơ hồi tưởng về những ngọn núi. Ở Việt Nam, có *Ký ức núi* của Phạm Thị Ngọc Liên. Hai nhà thơ nữ cùng viết về một đề tài. Với Reshma Ramesh, dường như thi sĩ chiêm nghiệm về sự im lặng của núi. Quanh núi, cơn mưa về chậm chậm, về sắc tím, về tiếng gọi của người chặn cừu, về sự bình thản của bông tuyết rơi và cơn gió lạnh sinh ra từ giữa hàng thông ngái ngủ. Hình ảnh chồng lên hình ảnh, lộ ra cái cô đơn giữa con người và núi. Đó là, sự nuốt chửng của những ngọn núi, tiếng khóc mỗi bình minh, khoảng cách hư vô của chiếc lá,... Tất cả bông thúc dậy, từ ngọn núi, con ngựa, con ong, chú cừu non, bông trở nên sống động, đổi thay, như Có lẽ một ngày nào đó chúng sẽ thúc dậy, như hai câu thơ kết thúc:

*Có lẽ một ngày nào đó chúng sẽ thúc dậy
Và ta biết, chúng cũng có trái tim!*

Và, Phan Thị Ngọc Liên, cũng có những dòng thơ cuối cùng của bài thơ: *Hỡi những tinh tú từ bầu trời yên bình / tôi nguyện trao cho người kể cả những tàn tro cái chết / để đừng bị quên đi...*

Bài thơ này của Reshma Ramesh có nét riêng, là bài thơ bàn về thơ. Bài thơ có 5 khổ, mỗi khổ bắt đầu từ cụm từ như "Bài thơ này":

- *Bài thơ này ví như ngôi nhà đóng kín cửa*
- *Bài thơ này đang nhón nhờ nhìn ra ngoài ô cửa,*
- *Bài thơ này là con thuyền giấy giăng buồm từ em sang anh...*
- *Bài thơ này là một con phố ở một thời gian nào đó trên một không gian không rõ ràng*
- *Bài thơ này là bài thơ xuất hiện lần thứ hai*

Mỗi khổ như một nhìn nhận, cảm nhận về một khung cảnh của cuộc sống. Ví như từ ngôi nhà đóng kín cửa, bài thơ đang nhón nhờ nhìn ra ngoài ô cửa, con thuyền giấy giăng buồm từ em sang anh, một con phố ở một thời gian nào đó trên một không gian không rõ ràng, chúng ta sẽ gặp nhau để vỗ về em. Bài thơ này là bài thơ xuất hiện lần thứ hai. Bài thơ phẳng phất một nỗi buồn.

Reshma Ramesh có *Đây không phải là một bài thơ*, đó là những lời về máu thịt, về một bài hát, một phong thư không lời, về tấm bảng đen tro bụi trong trường học, về một nửa chiếc bánh, về viên đạn và cơn điên của người đàn ông. Không phải là bài thơ, vậy là cái gì? Câu hỏi vang lên như lời kêu đòi về quyền lực của thơ ca, tiếng nói của thơ ca đối với cuộc sống. Mấy dòng kết:

*... Nếu tình cờ anh có quên
Như anh vẫn thường như vậy...
Đây không phải là một bài thơ*

Im lặng là bài thơ định nghĩa về im lặng, có 4 khổ. Mỗi khổ là những so sánh về im lặng, kêu gọi con người đi về phía tha nhân, có ngọt bùi, dung tục, có nụ hôn lơ lửng, có cánh tay trống rỗng ra tay cứu đói, đặc biệt, có “mở” và “khép”:

*Im lặng là cánh cửa mở ra như một cuốn sách
Và khép lại như một bài thơ.*

Bài *Những thứ ông bỏ lại phía sau*, bài thơ mà Reshma Ramesh viết về người thân trong gia đình về những gì người ông để lại, gần gũi, hiền hòa, như lời yêu thầm thì, như bàn tay hé mở, như cây xoài rụng quả và lời cầu nguyện thiết tha. Cả thế giới thân mật, quen thuộc, đó là: *Viên ngói vỡ/ Nơi con chim dẹt tổ/ Trên mái nhà/ Nơi những con mọt trú ngụ/ Trong trang sách những câu chuyện ru ngủ.*

Ông tôi để lại cho bà tôi, cho thế giới này cả vui buồn, cả tâm tình, không thể nào quên, đầy yêu thương, dung dị, nhân hậu: *Ông để lại phía sau/ bà tôi/ trong một căn phòng hờn dỗi/ có ô cửa sổ mở toang/ những thứ từ biển cả lấp đầy ngực bà/ nét tang thương của ngôi nhà trống rỗng/ Đó là tất cả những thứ mà ông bỏ lại phía sau.*

Các nhà thơ Ấn Độ thường có thơ bàn về thơ, Reshma Ramesh, cũng vậy. Bài thơ *Sống trong thơ* thực chất là một tuyên ngôn về chức năng xã hội của thơ ca và ngôn ngữ thơ. Đó là, *thơ là thức dậy với những động từ suy tư trần trụi, tính phán xử, Miêu tả nào để tránh những nhàm chán, Thơ là có cùng nhịp đập, Là tiếng nói đồng cảm của số phận mong manh, Thơ là có ngôi nhà mà chẳng ai muốn ghé qua/ Bởi ngôi nhà mà chủ nhân luôn vắng mặt/ Nơi mỗi ngày tôi học cách chịu đựng/ Với những người xa lạ trong thế giới chúng ta.*

Trên đây là những dòng giới thiệu về thơ Việt Nam và Ấn Độ đương đại. Soi và đây, ta thấy những vấn đề xã hội, những vấn đề về thơ ca, những tình cảm yêu thương, quý trọng của các nhà thơ hai dân tộc Việt - Ấn đối với tổ quốc, con người, văn học. Tập thơ sẽ mở ra những cửa sổ văn chương, giao thoa giữa hai nền thơ ca, hai thể hệ làm thơ, cầu nối cho tình hữu nghị của hai dân tộc.

Đà Nẵng, tháng 3 năm 2024
HVH

MỤC LỤC

- Lời nói đầu..... 2
- **HÀ MINH HUỆ**
Những đóa hoa mùa xuân của tình hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ 4
- Bài thơ “Ký Nê Lỗ” (Gửi Nehru) trong tập “Nhật ký trong tù”
của Hồ Chí Minh 14

Tác giả Đà Nẵng/ Da Nang Authors

1. THÁI HUYỀN (THÍCH HUỆ VINH) 19
2. NGUYỄN NHO KHIÊM 30
3. TRẦN PHƯƠNG KỶ 48
4. MAI HỮU PHƯỚC 55
5. BÙI XUÂN 66

Tác giả Ấn Độ/ India Authors

1. KABIR 75
 2. RABINDRANATH TAGORE 79
 3. BHAWANI SHANKAR NIAL 85
 4. NIRBHAY DEVYANSH 96
 5. SANJAY BORUDE 105
 6. PRAVAMAYEE SAMANTARAY 120
 7. RESHMA RAMESH 125
- Mùa xuân và những đóa hoa - HUỖNH VĂN HOA 138

Những đóa hoa mùa xuân

The spring flowers

Tập thơ song ngữ Việt - Anh
của các tác giả Đà Nẵng (Việt Nam) - Ấn Độ
A Collection of the Vietnamese - English bilingual poems
of the authors from the Danang City, Vietnam and India

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội
Điện thoại: 024.38222135
E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn
<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Trung & Tây Nguyên

65 Nguyễn Thị Định - Q. Sơn Trà - Đà Nẵng
Điện thoại: 0236,3849 516
Email: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập và sửa bản in:

HỒ SĨ BÌNH

In 500 cuốn; khổ 16 x 24 cm, tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
420 Lê Duẩn, Đà Nẵng. Số xác nhận ĐKXB: 4916-2023/CXBIPH/43-137/HNV
Số quyết định xuất bản: 1750/QĐ-NXBHNV, ngày 29/12/2023
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2024.

